

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hoàn toàn thắng lợi, đất nước thống nhất, Đảng bộ và nhân dân Đơn Dương cùng cả nước bước vào giai đoạn cách mạng mới, với hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách. Hậu quả của chiến tranh để lại nặng nề, điểm xuất phát về kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng - kỹ thuật vừa thiếu lại không đồng bộ; trình độ của đội ngũ cán bộ, nhất là về quản lý kinh tế chưa đáp ứng kịp yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ Đơn Dương đã vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ Lâm Đồng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy truyền thống cách mạng, tự lực, tự cường, vượt qua mọi thử thách và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá-xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Những năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với sự phát triển chung của đất nước, kinh tế - xã hội của Đơn Dương có sự phát triển nhanh chóng, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.

*Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ Đơn Dương (Khoá VIII) về việc tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản cuốn **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG 1975-2005**. Trong quá trình nghiên cứu biên soạn cuốn sách, Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập đã có nhiều cố gắng sưu tầm, bổ sung tư liệu lịch sử, phân tích đánh giá sự kiện bảo đảm tính khách quan và khoa học, trực tiếp nghiên cứu các văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện từ khoá I đến khoá IX và các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh uỷ Lâm Đồng; tham khảo nhiều nguồn tài liệu liên quan khác nhau; đặc biệt, đã tranh thủ ý kiến đóng góp tích cực, nhiệt tình, đầy tâm huyết và trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền và các đoàn thể của huyện qua các thời kỳ, sự giúp đỡ của Phòng Lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong huyện.*

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG (1975-2005) là tài liệu có giá trị giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ; nội dung kết cấu gồm 2 phần, 5 chương, 14 tiết và phần kết luận nhằm ghi nhận quá trình phấn đấu, trưởng thành và những bài học quý báu của Đảng bộ, quân dân Đơn Dương, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng về vang, nâng cao lòng tự hào, ý thức trách nhiệm cho mọi thế hệ trong công

cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Tuy nhiên, do quy mô sự kiện lịch sử Đảng bộ rộng lớn, thời gian nghiên cứu và biên soạn không nhiều, mặc dù Ban Biên tập đã có nhiều cố gắng tiếp thu các ý kiến, nhưng cuốn sách cũng không tránh khỏi thiếu sót, hạn chế. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa để Ban Thường vụ Huyện uỷ tiếp thu và chỉ đạo bổ sung cho nội dung cuốn sách đạt chất lượng cao hơn trong những lần tái bản sau.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Thường vụ Huyện uỷ xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo của Huyện qua các thời kỳ, các ban, ngành, đoàn thể, Phòng Lịch sử Đảng- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đã nhiệt tình giúp đỡ để cuốn sách được hoàn thành và xuất bản.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

**T/M BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
BÍ THƯ**

Thái On

Phần thứ nhất
XÂY DỰNG, Củng cố hệ thống chính trị, KHÔI PHỤC VÀ
TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT, TỪNG BƯỚC NÂNG CAO
ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN NHÂN DÂN
(1975-1985)

Chương I

THIẾT LẬP, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG,
GIỮ GÌN AN NINH TRẬT TỰ, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT,
ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN SAU CHIẾN TRANH
(1975-1978)

1. Đặc điểm tình hình Đơn Dương sau ngày giải phóng.

Đơn Dương là một huyện ở phía đông tỉnh Lâm Đồng, phía bắc giáp huyện Lạc Dương, phía đông và đông nam giáp tỉnh Ninh Thuận, phía tây giáp huyện Đức Trọng, phía tây bắc giáp thành phố Đà Lạt, có diện tích tự nhiên 610,3km², dân số có 91.247 người (theo điều tra năm 2005).

Huyện Đơn Dương có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống, nhưng đông nhất là dân tộc kinh, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 27,7% dân số toàn huyện, gồm có các dân tộc KơHo, Churu, Cil, Rắc Lây...phân bố đều khắp ở các xã, thị trấn, nhưng chủ yếu là các xã phía Nam sông Đa Nhim.

So với bề dày của lịch sử, huyện Đơn Dương ra đời khá sớm, dân cư ổn định, có truyền thống đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, chịu khó, cần cù trong lao động sản xuất, kiên cường bất khuất trong đấu tranh cách mạng, từ đó tạo thành sức mạnh to lớn vượt qua khó khăn, gian khổ, hy sinh để chiến thắng kẻ thù.

Ngày 2-4-1975, huyện Đơn Dương hoàn toàn giải phóng, kết thúc 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, cùng cả nước bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập-tự do, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Đảng bộ và quân, dân huyện Đơn Dương đã phát huy truyền thống đoàn kết trong kháng chiến, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thử thách, nhanh chóng tiếp quản và thích ứng với điều kiện mới, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tham gia thiết lập chính quyền cách mạng, xây dựng củng cố các đoàn thể, mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, đấu tranh triệt để với các tổ chức, đảng phái phản động, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi

phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đó là nguồn lực quý giá của huyện nhà.

Bước vào nhiệm vụ cách mạng mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và quân dân huyện Đơn Dương phải đối đầu với vô vàn gian khổ, khó khăn do hậu quả của những năm chiến tranh để lại.

Bên cạnh những khó khăn về kinh tế-xã hội thì tình hình chính trị-an ninh quốc phòng diễn biến phức tạp, là một huyện nằm trên địa bàn xung yếu, cửa ngõ phía đông Tuyên Đức- Đà Lạt, trong chiến tranh địch tập trung xây dựng thế phòng thủ để bảo vệ Đà Lạt (hệ thống dân cư, lực lượng tin cậy, trung thành với chế độ được bố trí dọc theo các quốc lộ 21, 11...). Bộ máy kìm kẹp của địch từ huyện đến thôn, ấp có hàng ngàn người được trang bị các phương tiện vũ trang hiện đại, số này sau giải phóng tan rã tại chỗ, trong đó không ít tên ngoan cố chống lại cách mạng đến cùng.

Các thế lực thù địch, đặc biệt là lực lượng phản động FULRO¹ cùng với bọn đầu sỏ phản động trong các tôn giáo, tổ chức sắc tộc, bọn nguy quân, nguy quyền thực hiện âm mưu tập hợp, củng cố tổ chức, trang bị vũ khí, xây dựng căn cứ, thiết lập hành lang để chống phá cách mạng. Chúng lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo và những khó khăn của ta về kinh tế, xã hội trong buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội để hoạt động chính trị, vũ trang bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt lúc bí mật, lúc công khai, vừa hợp pháp, vừa bất hợp pháp nhằm chống phá và gây bạo loạn lật đổ chính quyền cách mạng. Bọn phản động ráo riết thực hiện kế hoạch hậu chiến, tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, gây tâm trạng hoang mang, nghi ngờ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây chia rẽ giữa đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số, giữa đồng bào có đạo và đồng bào không có đạo; mặt khác chúng cài cắm một số phần tử xấu vào bộ máy chính quyền, đoàn thể ở cơ sở để phá hoại ta từ bên trong, lôi kéo thanh niên ra rừng tham gia các tổ chức phản động nhằm chống đối chính quyền cách mạng.

Thời gian dài bị nô dịch bởi chủ nghĩa thực dân mới, một bộ phận nhân dân bị đầu độc tư tưởng hoài nghi, xuyên tạc, hận thù giai cấp, kỳ thị dân tộc, chia rẽ tôn giáo. Lợi dụng những tàn dư đó, một số phần tử xấu trong tôn giáo đã lôi kéo tập hợp lực lượng hoạt động chống phá cách mạng, nổi bật là sự kiện tụ tập đông người ở xã Lạc Lâm diễn ra vào năm 1976, tại nhà thờ Châu Sơn bọn xấu đã kích động, lôi kéo hàng trăm người tham gia, sự việc đó đã gây cho tình hình an ninh chính trị thêm căng thẳng.

¹ FULRO là cụm từ viết tắt từ tiếng Pháp: Front Unifié de Lute des Races Opprimees (Mặt trận thống nhất đấu tranh các dân tộc bị áp bức), một tổ chức phản động được thực dân Pháp và Mỹ bảo trợ, thành lập năm 1964.

Trong khi đó, do ta chưa nhận thức hết âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù dẫn đến chủ quan, để cho lực lượng phản động Fulro lợi dụng và chúng đã tập kích vào nơi đóng quân của một số đơn vị vũ trang của ta ở Tiêng Liêng, Kilplagnol hạ, Diom, B Kăn và lôi kéo dân theo chúng ra rừng.

Trước áp lực của bọn FULRO và bọn phản động trong các tôn giáo đã làm cho một số cán bộ, nhân dân hoang mang dao động, có người tin theo, có người nhận thức được mặt xấu của chúng nhưng không dám chống lại. Trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn như thế đòi hỏi các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể phải kịp thời đề ra các chủ trương, biện pháp tập hợp lực lượng, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường đánh bại âm mưu của kẻ thù, bảo vệ thành quả cách mạng, thi đua lao động sản xuất, giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng đời sống văn hoá mới lành mạnh, tiến bộ.

Về lĩnh vực kinh tế:

Trải qua một thời gian dài của cuộc chiến tranh gian khổ và ác liệt, cơ sở hạ tầng chủ yếu phục vụ cho bộ máy chiến tranh của địch, phần lớn dân cư sống bằng dịch vụ, buôn bán, một bộ phận khác là vợ con binh lính, viên chức sống dựa vào lương bổng của chế độ Mỹ nguy.

Là một huyện miền núi, chủ yếu sản xuất nông, lâm nghiệp, lương thực không đủ ăn, lực lượng lao động phân bố không đều, số người không tham gia sản xuất làm ra của cải vật chất chiếm tỷ lệ rất lớn, hàng ngàn người không có công ăn việc làm, hàng trăm gia đình nông dân không có đất sản xuất. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chỉ có một số cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng sản phẩm chưa cao.

Nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém, hệ thống đường giao thông trong điều kiện chiến tranh không được tu sửa, bảo dưỡng nên xuống cấp nghiêm trọng, chỉ có đường quốc lộ 21 độc đạo từ ngã ba Phi Nôm đi Phan Rang-Ninh Thuận, đường 11 từ Dran lên Đà Lạt; về hệ thống điện còn rất lạc hậu, thiếu đồng bộ, chỉ cung cấp điện thấp sáng cho một số cụm dân cư ở xã Lạc Nghiệp và dọc quốc lộ 21.

Về hành chính:

Trước năm 1975, huyện Đơn Dương có các xã: Killplagnol, Xuân Thọ, Xuân Trường, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, Linh Nhân, Tu Tra. Sau ngày giải phóng, qua nhiều lần thiết lập lại hệ thống hành chính, một số xã, thôn được thành lập mới. Hiện nay, huyện Đơn Dương có 10 đơn vị hành chính

gồm: Thị trấn Dran, thị trấn Thanh Mỹ, xã Lạc Xuân, xã Lạc Lâm, xã Ka Đô, xã Quảng Lập, xã Próh, xã Tu Tra, xã Ka Đơn và xã Đa Ròn.²

Về tổ chức bộ máy lãnh đạo và các đoàn thể:

Sau ngày giải phóng, nhiệm vụ tiếp quản, ổn định tình hình thiết lập chính quyền cách mạng, khôi phục sản xuất vô cùng nặng nề. Là một địa bàn xung yếu trong chiến tranh, địch tập trung đánh phá quyết liệt, có lúc tình hình cách mạng của huyện lâm vào thoái trào, nhất là từ những năm 1972-1975. Cơ quan đầu não của huyện bị địch tập kích, đồng chí Bí thư và nhiều đồng chí lãnh đạo khác hy sinh, lực lượng vũ trang của huyện và các đội công tác bị địch bao vây, phục kích nên bị tổn thất lớn, có những đội công tác như K1, K3, K4 bị xoá phiên hiệu nhiều lần. Bên trong thôn ấp, địch tăng cường kìm kẹp đánh phá, bóc gỡ phần lớn các cơ sở cách mạng. Do đó khi về tiếp quản, lực lượng của ta rất mỏng, trên địa bàn rộng lớn của huyện chỉ có 3 đội công tác, đại đội 815 quân số cũng chỉ còn hơn 10 người, toàn bộ Ban cán sự huyện và bộ phận K67 tổng cộng chưa đến 50 người. Mặt khác đội ngũ cán bộ, chiến sỹ của ta chủ yếu làm nhiệm vụ chiến đấu giải phóng dân tộc, khi chuyển sang làm nhiệm vụ mới lãnh đạo, quản lý xã hội gặp nhiều khó khăn, bỡ ngỡ ban đầu.

Tuy nhiên, Đơn Dương là một huyện hình thành khá sớm, giàu truyền thống cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp là một huyện giành chính quyền đầu tiên của tỉnh Đồng Nai Thượng. Với khí thế hào hùng của cách mạng sau ngày giải phóng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp phi thường, với tinh thần đó, tất cả cán bộ, chiến sỹ, các đội công tác, lực lượng đơn vị 815 cùng các đồng chí trong Ban cán sự huyện đã bám sát địa bàn, phát động quần chúng đẩy lên phong trào tham gia giải quyết các tàn dư, hậu quả của chiến tranh, thiết lập chính quyền cách mạng trong toàn huyện. Với tinh thần “một ngày bằng hai mươi năm, nếu chênh mảng một giờ là phải mất nhiều năm chiến đấu hy sinh”. Do đó, chỉ trong một thời gian ngắn, trật tự xã hội được ổn định, chính quyền mới từ huyện đến thôn ấp được thiết lập.

Tháng 4-1975, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Tuyên Đức điều động bổ sung cho Đơn Dương một số cán bộ chủ chốt, trong đó có một số cán bộ trong lực

² - 1975-1976 gồm các xã: Lạc Lâm, Thanh Mỹ, Xuân Trường, Xuân Thọ, Linh Nhân, TuTra, Killplagnol Hạ và Lạc Nghiệp.

- 1976-1979 gồm các xã: Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, Thanh Mỹ, TuTra, Ka Đơn, Xuân Trường, Xuân Thọ và Kilplanol Hạ.

- 1979 giao xã Xuân Trường và Xuân Thọ cho thành phố ĐàLạt, xã Kilplanol Hạ cho huyện Lạc Dương và nhận xã Loan.

- 1989 Tách xã Ka Đô thành 2 xã Quảng Lập và Ka Đô; tách xã Ka Đơn thành 2 xã Ka Đơn và Próh.

- 1986 giao lại xã Loan cho huyện Đức Trọng.

lượng vũ trang, một số đồng chí là cơ sở cốt cán trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ bị địch bắt và trao trả sau khi Hiệp định Paris được ký kết (1973) được bố trí làm việc tại cơ quan Huyện uỷ và một số xã. Thành lập Ban cán sự Đảng lâm thời do đồng chí Lưu Minh Nghiệp làm Bí thư.³

Đội ngũ cán bộ, đảng viên cốt cán trong các đoàn thể quần chúng ở các xã rất ít, số đảng viên ở một số xã đông nhất lúc đó như Xuân Thọ, Xuân Trường, các xã phía Nam sông Đa Nhím, nhưng các đoàn thể quần chúng vẫn không tìm ra đủ số người để thành lập ban chấp hành.

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Đảng bộ Đơn Dương nhanh chóng chỉ đạo việc thành lập, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng từ huyện đến xã, thôn, lực lượng chủ yếu là số cán bộ, đảng viên trong kháng chiến, sĩ quan, chiến sĩ quân đội được chi viện, một số tăng cường từ miền Bắc vào... Hầu hết được rèn luyện thử thách trong chiến đấu, công tác, lao động và học tập, có phẩm chất chính trị, bản lĩnh vững vàng, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình cách mạng, một số cán bộ cốt cán trưởng thành trong phong trào quần chúng ở cơ sở... đã cùng với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tổ chức tiếp quản, xây dựng chính quyền thôn, xã, thành lập tổ chức đoàn thể, thu gom vũ khí, kêu gọi tề nguy trình diện, khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển sản xuất, khôi phục kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, ổn định tình hình mọi mặt trên địa bàn.

Bên cạnh việc điều động bổ sung cán bộ của tỉnh, Huyện uỷ Đơn Dương cấp tốc mở nhiều lớp huấn luyện nhằm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, do vậy lần lượt các xã trong huyện đều có tổ chức Đảng, hệ thống chính trị ở cơ sở từ xã đến thôn từng bước được củng cố, kiện toàn và đi vào hoạt động có nề nếp.

2. Nhanh chóng tiếp quản, thiết lập chính quyền cách mạng, đấu tranh với các tổ chức phản động, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đề kịp thời giải quyết những vấn đề cấp bách sau chiến tranh, lập lại trật tự xã hội, ổn định tình hình sau khi địch tan rã, Ban cán sự Đảng lâm thời huyện Đơn Dương quyết định thành lập Uỷ ban Quân quản từ huyện đến xã, thôn. Uỷ ban quân quản huyện do đồng chí Nguyễn Phú Hộ làm Chủ tịch⁴, Uỷ

³ Ban cán sự Đảng lâm thời gồm 8 đồng chí : Lưu Minh Nghiệp, Trần Mười, Phan Công Chúng, Cha Ma Lé Nghèo, A Ma Lúc, Huỳnh Minh Xuyên, Phạm Báng và Đào Đức Thuận.

⁴ Sau khi đồng chí Nguyễn Phú Hộ chuyển sang huyện Đức Trọng, đồng chí Trần Mười lên thay. Chính quyền quân quản chỉ tồn tại trong vòng một tháng để làm nhiệm vụ ổn định tình hình lúc đầu mới giải phóng, sau đó chuyển qua chính quyền Cách mạng lâm thời do đồng chí Lưu Minh Nghiệp-Bí thư Huyện uỷ kiêm Chủ tịch Uỷ ban, đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm Uỷ viên thường trực Uỷ ban.

ban quân quản tiến hành chỉ đạo, tổ chức các đoàn công tác về các xã, thôn thành lập chính quyền tự quản, tiến hành tiếp quản các cơ sở của chế độ cũ, đồn bót, các điểm chốt của nguy quân, thu gom các loại vũ khí của địch bỏ lại sau khi tháo chạy, kêu gọi hàng ngàn nguy quân, nguy quyền kê khai trình diện, tiếp tục trấn áp bọn phản động có những hoạt động chống đối để bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân, tuyên truyền giải thích Chính sách 10 điểm của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam, phát động quần chúng tăng gia sản xuất.

Nhiệm vụ thiết lập chính quyền cách mạng, là cuộc đấu tranh khá quyết liệt, có lúc, có nơi giữa ta và địch giành giật nhau ngay tại nhiều thôn ấp. Điển hình là vụ địch tập kích ở thôn Phát Chi xã Xuân Trường, ta hy sinh 2 đồng chí (đồng chí Mười Tắt, Bí thư xã và đồng chí Á, Trưởng công an xã). vụ bạo loạn giành chính quyền ở xã Lạc Lâm của một số nguy quân, nguy quyền, dựng lên các tổ chức “Bạn thân ơi, E8 Lạc Lâm” làm ách tắc giao thông trên đường 21 trong nhiều ngày.

Ngay trong những ngày đầu mới tiếp quản, công tác đấu tranh chống tổ chức phản động FULRO rất phức tạp, khó khăn, bọn FULRO tập kích tại Killplagnol, đồng chí Trần Mười Huyện đội trưởng và nhiều cán bộ, chiến sỹ hy sinh, đồng chí Phan Công Chúng, Bí thư xã Thạnh Mỹ bị FULRO giết hại tại La Bui; 01 du kích xã hy sinh trong trận đánh đầu tiên của du kích tại Campútte- xã Tu Tra; phục kích giết hại đồng chí Láng công an huyện tại thôn Ma Đanh- xã Tu Tra.

Trước những hoạt động chống phá của bọn FULRO, Đảng bộ huyện Đơn Dương chủ trương tập trung sức bám sát cơ sở, tăng cường tuyên truyền, giáo dục quần chúng vạch mặt bọn phản động; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự; triệt đường tiếp tế, mở các đợt truy quét tiêu diệt và làm tan rã lực lượng địch. Từ tháng 7-1975 đến tháng 2-1976, dưới sự chỉ đạo của Khu uỷ khu VI và Tỉnh uỷ Tuyên Đức, huyện thành lập các đoàn công tác tăng cường xuống bám các xã, buôn phát động quần chúng, truy quét địch từ bên trong, củng cố chính quyền cách mạng ở cơ sở, đồng thời kết hợp tấn công chính trị, quân sự, binh, địch vận, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng địch ở ngoài rừng.

Thực hiện Chỉ thị 04/CT-TW, ngày 02-2-1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhiệm vụ đẩy mạnh truy quét FULRO và Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành lâm thời tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất (tháng 3-1976) với tinh thần: *Tiếp tục truy quét và làm tan rã cơ bản bọn vũ trang bên ngoài, tăng cường giác ngộ cách mạng và cải thiện đời sống quần chúng bên trong, truy*

bắt bọn FULRO hoạt động bí mật, phân hoá số lưng chừng, trên cơ sở đó mà loại trừ ảnh hưởng của bọn FULRO trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Đảng bộ huyện Đơn Dương thành lập Ban Chỉ huy Thống nhất huyện do đồng chí Phó Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng ban. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện uỷ, các đội công tác được thành lập gồm có 118 người, được phân công xuống các thôn, ấp trong huyện, đặc biệt là 3 xã dân tộc thiểu số, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, xây dựng cơ sở, đấu tranh với những âm mưu chống phá cách mạng của bọn FULRO. Cùng với lực lượng vũ trang gồm các đại đội 815, 870, 820, trung đoàn 24 đóng tại Ka Đô, Pró; tiểu đoàn 200 C đóng ở Pró, Ka Đơn; 01 đại đội công an của Bộ tăng cường, cùng với lực lượng du kích của các xã, thị trấn được trang bị vũ khí đầy đủ đã thực hiện nhiệm vụ tấn công địch trên cả ba tuyến, ta đã đánh vào sở chỉ huy tiền phương của Fulro do Đại tá Hà Sáu A cầm đầu⁵.

Những hoạt động trên đã làm cho hệ thống tổ chức của lực lượng FULRO bị lung lay, việc tiếp tế lương thực của chúng bị ngăn chặn; lực lượng vũ trang bị tổn thất. Tuy vậy, lực lượng FULRO và bọn nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu chống phá cách mạng. Từ năm 1976 trở đi, chúng chuyển phương thức hoạt động bằng kết hợp giữa chính trị và vũ trang; giữa hợp pháp và bất hợp pháp, vừa đẩy mạnh phát triển lực lượng, hình thành bộ máy cơ sở ở xã, thôn để chuẩn bị liên kết với các tổ chức phản động khác, vừa mở rộng địa bàn hoạt động, đi đôi với xây dựng vùng căn cứ, vùng giáp ranh.

Thủ đoạn của lực lượng phản động FULRO ở giai đoạn này là khi ta phá vỡ bên trong thì chúng củng cố xây dựng phát triển mới, ta xây dựng thì địch tìm cách phá, ta đánh diệt và làm tan rã số vũ trang bên ngoài thì chúng tìm cách rút, bắt người ra bổ sung, phục hồi lại tổ chức, lực lượng của chúng được phân tán và chia địa bàn để hoạt động.⁶

⁵ Tính chung trong 2 năm 1975, 1976 đã đánh địch 30 trận, tiêu diệt 52 tên, trong đó có 1 đại tá, 2 trung tá, 4 đại úy, bắt sống 60 tên; bọn phản động ra đầu hàng 3.500 tên, thôn ấp ra đầu thú 933 tên trong đó có 12 tên ở cấp chính quyền xã và 134 tên là cán bộ từ ấp đến khu do chúng thành lập, về lực lượng vũ trang FULRO nắm tại ấp ra đầu thú gồm có 7 đại úy, 15 trung úy, 32 thiếu úy, 24 chuẩn úy, 77 hạ sĩ quan, trong đó đầu thú tại chỗ 103 tên chúng đã cài cây vào bộ máy thôn ấp, đoàn thể và hội đồng nhân dân xã. Ngoài ra ta còn thu được 145 khẩu súng các loại, 38 quả lựu đạn, 3.500 viên đạn và một số quân trang quân dụng khác.

⁶ Diễn hình là vụ gây rối trật tự trong hai ngày 21 và 22 tháng 11-1976 ở Lạc Lâm; vụ kích động nhân dân Suối Thông A gây rối trật tự, chặn đường gây cản trở giao thông ngày 14-11-1977; vụ nhen nhóm phản động ở xã Xuân Thọ cầu kết với tổ chức Fulro do Lê Văn Quý cầm đầu; vụ tập kích đêm 20 rạng sáng ngày 21-11-1977 ở Ka Đơn, Tu Tra đã chứng minh bản chất ngoan cố, thủ đoạn nham hiểm của địch, chúng liên kết với nhau lợi dụng sơ hở của ta để xuyên tạc kích động quần chúng, chống phá cách mạng.

Đề tập trung giải quyết cơ bản vấn đề FULRO, Đảng bộ huyện Đơn Dương đã đề ra những chủ trương, biện pháp trong từng thời điểm một cách đúng đắn, sát hợp, bằng nhiều hình thức tích cực, phương thức linh hoạt và sáng tạo, chỉ đạo các đoàn thể, các lực lượng vũ trang, đẩy mạnh xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, tạo ra sự chuyển biến mới về tương quan lực lượng địch, ta ở cấp thôn, xã. Giải quyết vấn đề FULRO được xác định là cuộc đấu tranh giai cấp toàn diện, được tiến hành bằng nhiều lực lượng và biện pháp tổng hợp; kết hợp chặt chẽ giữa tấn công với xây dựng; kết hợp một cách đồng bộ giữa các lực lượng, các ngành trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Giải quyết vấn đề FULRO gắn liền với vấn đề dân tộc và tôn giáo, cốt lõi là giải quyết đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua hoạt động phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở để lựa chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán tại chỗ làm vai trò nòng cốt, lãnh đạo quần chúng tấn công địch, hướng dẫn quần chúng xây dựng các mặt đời sống. Xây dựng lực lượng vũ trang tự vệ, các đoàn thể vững mạnh, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh tấn công địch.

Thực hiện chính sách định canh, định cư, tổ chức lại sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân là yêu cầu cần thiết và cấp bách, vừa là biện pháp cơ bản xuyên suốt trong quá trình giải quyết FULRO. Thực hiện phương thức đánh địch linh hoạt, liên tục theo một kế hoạch thống nhất, đồng bộ và có phân công cụ thể cho các lực lượng.

Cùng với nhiệm vụ tấn công địch ở bên ngoài, các cấp uỷ, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể quần chúng, những gia đình có người thân, bạn bè, số có uy tín trong buôn làng tiến hành công tác vận động, kêu gọi những người theo FULRO trở về để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị 04 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá IV) về việc tiếp tục truy quét FULRO, Nghị quyết Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 31, Chỉ thị 18 của Bộ nội vụ và Nghị quyết hội nghị Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất, ngày 20-12-1978, huyện uỷ Đơn Dương ra chỉ thị số 10-CT/HU về việc thực hiện phương án phòng chống bạo loạn, Chỉ thị đánh giá tình hình sau một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Huyện Đảng bộ lần thứ nhất, trong điều kiện địa phương còn gặp nhiều khó khăn thách thức do diễn biến phức tạp của tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hoạt động của lực lượng phản động FULRO có sự liên kết hành động giữa bọn

ngoài rừng với bọn phản động trong thôn ấp, tăng cường hoạt động tung tin, tuyên truyền xuyên tạc chính sách, rải truyền đơn phản động, kích động quần chúng, tổ chức lực lượng phục kích, tập kích đột áp, hù dọa khống chế, giết hại quần chúng và cán bộ cơ sở thôn xã của ta trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bọn phản động lợi dụng tôn giáo móc nối với bọn nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động không chịu cải tạo ngấm ngấm hình thành các tổ chức phản động, hoạt động chống lại chủ trương của ta trong việc thành lập tập đoàn sản xuất, vận động quần chúng di, giãn dân, đi xây dựng vùng kinh tế mới, ngấm ngấm chờ thời cơ để thực hiện âm mưu gây rối, gây bạo loạn.

Nội dung của Chỉ thị nhận định: Cùng với việc tiến hành cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam, biên giới phía Bắc, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động tình báo, tung gián điệp, biệt kích xâm nhập vào nước ta, lôi kéo, kích động bọn phản động nội địa; khả năng hoạt động của bọn phản cách mạng và bọn tội phạm khác ở địa phương sẽ chống phá cách mạng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội quyết liệt hơn.

Trong công tác chỉ đạo cần tập trung các địa bàn trọng điểm sau: xã Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Ka Đô (địa bàn chống bạo loạn); xã Tu Tra, Ka Đơn và 3 thôn dân tộc xã Ka Đô (địa bàn chống tập kích vũ trang của bọn phản động FULRO); khu vực Thạnh Mỹ (địa bàn bảo vệ). Ngoài ra còn chú ý khu vực thôn Diom A, B và B'Kăn (Lạc xuân), khu vực thôn Trường Xuân (Xuân Trường).

Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/HU, dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể; sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang và phong trào đấu tranh của quần chúng, kết hợp ba biện pháp: chính trị, vũ trang và kinh tế, quân và dân huyện Đơn Dương đã đánh bại một bước âm mưu, thủ đoạn của tổ chức phản động FULRO. Trong hai năm 1977-1978, thực lực cách mạng luôn được củng cố, tình hình trật tự an ninh cơ bản ổn định, giữ vững phong trào cách mạng, làm tan rã một số tổ chức FULRO ở bên trong cũng như bên ngoài, làm cho nội bộ chúng hoang mang dao động; qua thực tiễn đã rút ra nhiều kinh nghiệm cho nhiệm vụ truy quét địch trên cả ba tuyến, sự kết hợp hiệu quả giữa ba lực lượng. Qua công tác phát động quần chúng đã xây dựng được 106 cốt cán ở thôn ấp. Riêng năm 1978, đánh địch 20 trận, kết quả tiêu diệt 14 tên, bắt sống 34 tên, thu một số vũ khí, lương thực và tài liệu quan trọng.

Bên cạnh nhiệm vụ truy quét FULRO,⁷ công tác đấu tranh chống tội phạm hình sự được đẩy mạnh, đã xử lý cơ bản các vụ vi phạm pháp luật. Tòa án và Viện kiểm sát đã phát huy được chức năng của cơ quan tư pháp phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn trong toàn huyện.

3. Khôi phục sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh

Một trong những nhiệm vụ cấp bách của huyện Đơn Dương là ngăn chặn nạn đói, cùng với việc trợ cấp lương thực, thực phẩm cho nhân dân, Đảng bộ còn phát động phong trào đẩy mạnh khai hoang phục hoá, tăng gia sản xuất, trồng hoa màu, rau, đậu... tạo nguồn lương thực cứu đói. Những tháng cuối năm 1975, phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm diễn ra sôi nổi ở tất cả các xã trong huyện, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Những công việc có ý nghĩa chính trị, kinh tế, xã hội mà chính quyền non trẻ đã cùng với toàn dân thực hiện được như: mở đường và đưa điện vào thôn Xuân Sơn; mở tuyến đường qua Ka Đê vào Ka Đơn, Tu Tra; chuyển chợ Lạc Nghiệp ra địa điểm mới; giãn dân xã Lạc Nghiệp vào Châu Sơn và Lạc Xuân để khai hoang sản xuất; chuyển dân thôn Lạc Thạnh, Thạnh Nghĩa xã Thạnh Mỹ vào Suối Thông C xã Tu Tra và Lạc Nghĩa xã Ka Đơn. Tổ chức cuộc mítting chào mừng ngày thống nhất đất nước (30-4-1975) và Quốc khánh (02-9-1975), là cuộc mítting có quy mô toàn huyện, cuộc diễu hành của quần chúng sôi động chưa từng có trong lịch sử của địa phương.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 24 của Ban chấp hành Trung ương, ngày 29-9-1975 “về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”; Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành lâm thời đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Ban Chấp hành lâm thời đảng bộ huyện đã đề ra nhiệm vụ: *Đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân, lấy phát động quần chúng và xây dựng nội bộ làm then chốt để tạo ra sự chuyển biến mới, đẩy lên một cao trào sản xuất, cần kiệm trong tất cả các ngành, trên mọi lĩnh vực. Ra sức khôi phục và phát triển nông-lâm nghiệp và chăn nuôi. Nhiệm vụ sản xuất lương thực là vị trí hàng đầu, đặc biệt*

⁷ Đến cuối năm 1976 đã tiến hành đăng ký trình diện và tổ chức giáo dục cải tạo tại chỗ cho 4.669 binh lính, nhân viên ngụy quyền và tập trung cải tạo cho 1.547 tên. Sau khi được học tập cải tạo hầu hết số ngụy quân, ngụy quyền có tiến bộ được phục hồi quyền công dân, trở về với quê hương và gia đình lao động sản xuất xây dựng đời sống mới. Đối với bọn phản cách mạng đã phát hiện và lập hồ sơ 4 vụ nhen nhóm tổ chức phản động, tiến hành khám xét truy bắt 1 vụ đội lột thiên chúa giáo gây rối tại tu viện Châu Sơn.

coi trọng thâm canh, tăng vụ đi đôi với phục hoá, khai hoang để mở rộng diện tích; phải tập trung ưu tiên theo thứ tự là: lúa phải là vị trí hàng đầu đến bắp xen đậu hoặc đậu xen bắp, đến rau và cây ăn trái.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện, bước đầu Đơn Dương đã định hình cho các vùng sản xuất chuyên canh như: vùng trọng điểm lúa gồm các xã dọc quốc lộ 21, ở Tu tra và Ka Đơn; vùng sản xuất rau màu gồm các xã Ka Đô, Lạc Lâm, một phần Thanh Mỹ (Suối Thông A), một phần xã Lạc Xuân; vùng sản xuất cây công nghiệp gồm một phần xã Lạc Nghiệp, một phần xã Lạc Xuân (vùng Châu Sơn).

Về công tác thuỷ lợi, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cuối năm 1975 đã xác định: thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu để tăng diện tích, năng suất sản lượng cây trồng; do vậy, từ năm 1976 huyện phát động phong trào toàn dân làm thuỷ lợi, trong đó nòng cốt là lực lượng thanh niên, đến đầu năm 1977 có 10 trong tổng số 13 công trình thuỷ lợi nhỏ hoàn thành và phát huy hiệu quả, giải quyết nguồn nước tưới cho 685 ha lúa đông-xuân và 165 ha rau màu, điển hình là các công trình: đập Suối Tre (Ka Đô), trạm bơm Đồng Thạnh (Thanh Mỹ); đập R'Lom (Tu Tra); trạm bơm M'Lơn, (Thanh Mỹ); trạm bơm Lạc Bình (Lạc Xuân); công trình đập thuỷ lợi Próch; hồ chứa nước Châu Sơn...

Cùng với sự phát triển của sản xuất nông nghiệp, ngành lâm nghiệp tiến hành khai thác, khoanh vùng bảo vệ rừng; tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của rừng, phát động nhân dân tham gia bảo vệ và trồng rừng. Do vậy, hạn chế được tình trạng chặt phá rừng làm rẫy, giảm thiểu số vụ cháy rừng, bảo vệ an toàn 199.000 ha rừng trong toàn huyện.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp từng bước được phục hồi trong điều kiện cơ sở vật chất, nhà xưởng, máy móc nhỏ bé, phân tán và lạc hậu. Chủ trương của Đảng bộ huyện là khôi phục lại hoạt động của các cơ sở sản xuất cũ, đồng thời coi trọng đầu tư xây dựng những cơ sở sản xuất mới. Đến cuối năm 1975, cơ sở gỗ Tân Lâm hoạt động trở lại, năm 1976 sản xuất được 2429 m³ gỗ thành phẩm và 17.800 thanh tà vẹt phục vụ cho công trường đường sắt Thống Nhất ; ba xưởng sản xuất gạch (Thanh Mỹ, Lạc Xuân, Lạc Nghiệp) cũng được khôi phục hoạt động lại, trung bình hàng tháng sản xuất được 850.000 viên gạch.

Về giao thông vận tải, đã thành lập đội vận tải quốc doanh bảo đảm chuyên chở hàng hoá, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, huy động được 179

xe các loại tham gia vào hợp tác xã. Đẩy mạnh việc xây dựng hạ tầng cơ sở, trong hai năm 1976-1977 tiến hành làm mới hàng chục km đường, sửa chữa và xây dựng nhiều cầu, cống các loại.

Trên lĩnh vực lưu thông phân phối, Đảng bộ huyện chủ trương từng bước xây dựng hệ thống mậu dịch quốc doanh và các hợp tác xã mua bán. Đến cuối năm 1976, có 4 hợp tác xã mua bán ở Thanh Mỹ, Lạc Lâm, Lạc Nghiệp và Xuân Trường với tổng số xã viên là 7.231 người, gồm 8.941 cổ phần với số vốn 44.647 đồng. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới hình thành nên còn rất mỏng nhưng dưới sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền và hướng dẫn của ngành chuyên môn, sự cố gắng của cán bộ, nhân viên ngành thương nghiệp, do vậy đã đảm nhiệm được khâu thu mua và phân phối những mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân, cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang. Công tác thu mua nông sản có sự quan tâm đúng mức, đến giữa năm 1976 thu mua được 1.658 tấn lương thực. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh nắm được những mặt hàng thiết yếu là lương thực, thực phẩm. Nhờ vậy, giá cả thị trường dần đi vào ổn định; đảm bảo thu mua, chế biến, bảo quản và phân phối lương thực đến người tiêu dùng.

Cùng với việc tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ Đơn Dương còn chú trọng đến lĩnh vực văn hoá-xã hội, giáo dục, y tế. Về giáo dục, tiến hành công lập hoá các trường tư và mở rộng hệ thống trường cấp I đến các thôn vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện cho con em đồng bào các dân tộc ít người được đến trường. Niên học 1976-1977, số học sinh tăng thêm 2.000 em (trong đó có gần 600 học sinh dân tộc thiểu số), đội ngũ giáo viên có 380 người; nội dung giảng dạy dần đi theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục của Đảng, học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và nhà trường gắn liền với xã hội. Bên cạnh hệ phổ thông, huyện còn thành lập trường bổ túc văn hoá, có 1.780 người tham gia học tập; năm 1977 xã Xuân Thọ là xã đầu tiên của huyện thanh toán nạn mù chữ.

Công tác y tế được quan tâm hơn, nhiều trạm xá được thành lập, bệnh viện huyện được củng cố, đội ngũ y, bác sỹ cũng được tăng lên về số lượng. Phòng y tế huyện triển khai công tác vệ sinh phòng bệnh, trong năm 1976 hướng dẫn và tiêm phòng dịch cho 76.733 lượt người; ngoài ra còn chọn hơn 60 thanh niên tình nguyện đi học các lớp đào tạo y tá, dược tá.

Hoạt động văn hoá thông tin hướng vào nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến đường lối chính sách của Đảng, cổ vũ khí thế thi đua của các phong trào, tuyên truyền các ngày lễ lớn và các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động

văn hoá-văn nghệ, điện ảnh, báo chí, góp phần từng bước xoá bỏ những tàn dư văn hoá thực dân và xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

4. Tăng cường xây dựng, củng cố bộ máy lãnh đạo của Đảng, chính quyền, các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Về tổ chức Đảng, ngay sau những ngày đầu giải phóng, nhiệm vụ chính trị đặt ra nặng nề, để đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, ngày 10-4-1975 Tỉnh uỷ Tuyên Đức ra quyết định chuyển Ban cán sự Đảng huyện Đơn Dương thành Huyện uỷ lâm thời. Đồng thời, điều động đồng chí Nguyễn Lâm-Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ Tuyên Đức-Bí thư Ban cán sự Đơn Dương về Tỉnh nhận công tác khác, chỉ định đồng chí Lưu Minh Nghiệp-Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ Tuyên Đức làm Bí thư,⁸ Đến cuối năm 1975, đồng chí Lưu Minh Nghiệp được điều về tỉnh Ninh Thuận, đồng chí Nguyễn Lâm về lại làm Bí thư Huyện uỷ, lúc này Huyện uỷ Đơn Dương được tỉnh tăng cường thêm cán bộ gồm các đồng chí Trịnh Luyện, Võ Phú Nam, Võ Văn Danh và một số đồng chí khác.

Ngay từ những ngày đầu mới giải phóng, các xã trong huyện đều có tổ chức chi bộ Đảng để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, phần lớn số đảng viên ở các chi bộ cơ sở từ các đội công tác và một số đồng chí bị địch bắt tù được trao trả về.

Thông qua các phong trào cách mạng, các đoàn thể quần chúng được củng cố và phát triển, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia; các tổ chức đoàn thể triển khai công tác vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cấp bách là thiết lập, củng cố chính quyền, giữ gìn trật tự xã hội, tăng gia sản xuất ổn định đời sống nhân dân. Các đoàn thể lúc này chưa có chức danh trưởng, phó mà chỉ phân công một số đồng chí phụ trách: Đồng chí Quang phụ trách Công đoàn, đồng chí Cát phụ trách Nông dân, đồng chí Lê Thị Dưỡng phụ trách Phụ nữ, đồng chí Đoàn Thắng phụ trách Thanh niên.

⁸ đồng Nguyễn Phú Hộ-Phó Bí thư Ban cán sự huyện cũng được điều qua huyện Đức Trọng. Huyện uỷ lâm thời có 8 đồng chí, ngoài các đồng chí trong Ban cán sự (Ba Nghiệp, Trần Mười, Phan Công Chúng) bổ sung thêm các đồng chí Cha MaLéNghèo, AMaLúc, Huỳnh Minh Xuyên, Phạm Bá, Đào Đức Thuận. Ban Thường vụ Huyện uỷ có 3 đồng chí: Lưu Minh Nghiệp, Trần Mười, ChaMaLéNghèo, sau này đồng chí Trần Mười hy sinh ở Killplagnhol.

Các cấp uỷ đảng huyện Đơn Dương còn coi trọng công tác xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất trong cả nước. Trong niềm vui được hưởng tự do độc lập, ngày 24-4-1976, lần đầu tiên dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ, các tổ chức đoàn thể, cử tri trong toàn huyện nô nức thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình trong cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất.

Ngày 8-5-1977, huyện Đơn Dương tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân khoá I, kết quả bầu cử có 20 đại biểu trúng cử vào Hội đồng nhân dân huyện. Từ ngày 18 đến ngày 21-6-1977, Hội đồng nhân dân tiến hành kỳ họp lần thứ nhất, tại kỳ họp đã bầu đồng chí Trịnh Luyện làm Chủ tịch, đồng chí Cha K Nang làm Phó chủ tịch và đồng chí Hứa Thanh Bình làm Uỷ viên thư ký.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, lực lượng vũ trang đẩy mạnh phong trào truy quét Fulro và các thế lực phản động để bảo vệ an ninh trật tự; các tầng lớp nhân dân hăng hái khai hoang, phục hoá, làm thuỷ lợi; áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất; phát triển nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; mở nhiều đợt bồi dưỡng cho các đối tượng cán bộ nông hội, phụ nữ, thanh niên. Tổ chức Đại hội bầu lại Ban chấp hành từ cơ sở đến huyện, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động sát với yêu cầu trọng tâm của huyện, nhất là nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, thành lập các tập đoàn sản xuất, trong tổng số 30 tập đoàn đã có nhiều tập đoàn đi vào hoạt động nề nếp, có hiệu quả như: tập đoàn Lạc Bình, Lạc Thanh, Xuân Thọ, Lạc Nghĩa...

Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, mở nhiều đợt học tập nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành Trung ương (khoá III), các chỉ thị, nghị quyết của Bộ chính trị, Ban bí thư Trung ương Đảng về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đi đôi với việc học tập đường lối, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Huyện uỷ mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, tổ chức các đợt tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, các ngành và các chi bộ nhằm đấu tranh chống những tư tưởng chủ quan thoả mãn xuất hiện trong nội bộ Đảng, trong bộ máy nhà nước. Qua đó góp phần nâng cao phẩm chất cách mạng, xây dựng lập trường, quan điểm cho cán bộ, đảng viên. Công tác xây dựng tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên được các cấp uỷ quan tâm.

Về công tác xây dựng tổ chức Đảng, sau ngày giải phóng số đảng viên trong toàn huyện chỉ có 47 đồng chí, sinh hoạt ở 6 chi bộ, đến cuối năm 1976 có 219 đảng viên sinh hoạt trong 21 chi bộ (trong đó có 27 đồng chí đảng viên nữ, 4 đảng viên người dân tộc thiểu số).

Tuy đạt được những kết quả khả quan nhưng công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều hạn chế, tổ chức đảng các cấp còn nhiều mặt bất cập, nhiều thôn, khóm, thậm chí có xã chưa có đảng viên tại chỗ. Đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa yếu; trình độ năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ đảng và đảng viên chưa theo kịp đòi hỏi, yêu cầu trong tình hình mới.

Nhằm tổng kết đánh giá thành tích và hạn chế trong những năm đầu thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và kịp thời rút ra những kinh nghiệm quý báu cho thời gian tiếp theo. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về việc tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, từ ngày 28-3 đến ngày 04-4-1977, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ I (vòng 2), dự Đại hội có 67 đại biểu thay mặt cho hơn hai trăm đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội tập trung thảo luận, góp ý vào dự thảo Báo cáo chính trị và đề xuất ý kiến vào phương hướng, chỉ tiêu, kế hoạch trong hai năm 1977-1978 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng và xây dựng Đảng.

Phương hướng chung trong hai năm 1977- 1978 là: *nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động để tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng. Nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế là trung tâm, nhiệm vụ truy quét các thế lực phản động là cấp bách. Hai nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và xây dựng kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhau.*

Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ những năm trước mắt là: *phải gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chú trọng phát triển cây lương thực, thực phẩm. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.*

Những công tác lớn trong hai năm 1977, 1978 là:

Phát động phong trào cách mạng trong quần chúng, tiến công làm tan rã lực lượng phản động; xây dựng, củng cố lực lượng chính trị và vũ trang vững chắc ở các thôn, xã; củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng phát triển kinh tế, văn hoá theo phương hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Kiên toàn bộ máy chính quyền các cấp, xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng, phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao sức chiến đấu, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khoá I gồm 21 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết, đồng chí Nguyễn Lâm được bầu làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Võ Phú Nam và đồng chí Trịnh Luyện làm phó bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ huyện, các cấp uỷ Đảng ở cơ sở cùng Uỷ ban nhân dân các cấp đã kịp thời chỉ đạo các đoàn thể quần chúng như: Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân tập thể đẩy mạnh các phong trào làm thuỷ lợi, phát triển chăn nuôi ở cả ba khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình; đưa nông dân vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, thực hiện định canh, định cư và xây dựng các điểm kinh tế mới.

Ngày 19-10-1978, huyện uỷ Đơn Dương ra chỉ thị số 07-CT/HU về việc đẩy mạnh công tác giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, chỉ thị đánh giá: Công tác giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới của Huyện đã đạt được một số kết quả, số hộ đi kinh tế mới đã từng bước ổn định đời sống. Tuy vậy, tiến độ giãn dân đi kinh tế mới thực hiện vẫn còn chậm, quá trình tiến hành chưa dứt điểm, chưa đồng bộ, các cấp uỷ đảng chính quyền xã chưa quan tâm đúng mức, vì vậy việc giãn dân vẫn còn nhiều thiếu sót, một số nơi do thiếu kiên quyết, thiếu biện pháp nên vẫn để tình trạng các đối tượng trong diện đi kinh tế mới nhưng chưa chuyển đi, một số đã chuyển vào vùng kinh tế mới nhưng vẫn chân trong chân ngoài. Xuất phát từ tình hình thực tế đó, huyện uỷ yêu cầu ban kinh tế mới, các xã, các ban ngành liên quan cần phải có sự phối hợp để tiến hành công tác dẫn dân xây dựng vùng kinh tế mới đạt kết quả tốt hơn.

Chú trọng việc chuyển dân đến các vùng sản xuất lúa, đối tượng là dân ở Cầu Đất (xã Xuân Trường), thị trấn Lạc nghiệp, xã Lạc Lâm và thôn Lạc Viên (xã Lạc Xuân) là những người không có ruộng đất, những người buôn bán nhỏ không có thu nhập. Các xã có kế hoạch cân đối lại ruộng đất để tính toán số hộ khẩu cho hợp lý.

Hình thành Ban kinh tế mới do các đồng chí Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện phụ trách, thành phần tham gia có đại diện thanh niên, phụ nữ, nông

hội, công an; các phòng thương nghiệp, lương thực, giao thông, y tế. Ban kinh tế mới có trách nhiệm tổ chức các quầy hàng lưu động phục vụ nhân dân. Các xã phối hợp với ngành thương nghiệp, lương thực giải quyết những khó khăn bước đầu cho nhân dân đi kinh tế mới.

Trong hai năm 1977, 1978 nhờ đẩy mạnh công tác khai hoang, mở rộng diện tích canh tác đi đôi với làm thuỷ lợi, phát động các phong trào thi đua và áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, nền kinh tế nông-lâm nghiệp tăng trưởng toàn diện cả diện tích, năng suất và sản lượng. Đơn Dương đã đưa diện tích lúa nước lên 9.226,5 ha; tổng sản lượng quy thóc đạt 14.950 tấn, cao gấp 2 lần năm 1975.

Đi đôi với việc tập trung phát triển kinh tế nông-lâm nghiệp, Đảng bộ huyện lãnh đạo các cấp, các ngành và vận động nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Đến năm 1978, xây dựng được 94 tập đoàn sản xuất nông nghiệp (trong đó có 25 tập đoàn vùng dân tộc thiểu số, 29 tập đoàn sản xuất rau) với 6.456 hộ, 37.877 nhân khẩu, có 16.254 lao động, đã công hữu hoá 4.485 ha ruộng đất (chiếm 60% tổng số ruộng đất trong huyện), thành lập hợp tác xã thí điểm M'Lơn-Thạnh Nghĩa. Tuy công tác cải tạo nông nghiệp còn nhiều thiếu sót nhưng đã đưa một bộ phận nông dân vào làm ăn tập thể, tập dượt cho 400 cán bộ ở thôn xã biết điều hành hoạt động của tập đoàn, chuẩn bị cho việc thành lập các hợp tác xã; từng bước củng cố lòng tin cho quần chúng, động viên tinh thần hăng hái lao động sản xuất.

Song song với việc tập trung lãnh đạo phát triển nông -lâm nghiệp, Đảng bộ huyện Đơn Dương còn coi trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, cải tạo thương nghiệp và giao thông vận tải. Đảng bộ huyện xác định cải tạo thương nghiệp là một công tác lớn sau nông nghiệp. Đến năm 1978 hoàn thành cơ bản cải tạo thương nghiệp, trong toàn huyện có 600 tiểu thương, huyện đã tổ chức học tập cho 2.100 lượt tiểu thương về chính sách cải tạo thương nghiệp, một số đi xây dựng vùng kinh tế mới, một số chuyển sang sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đi đôi với việc cải tạo tiểu thương, mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được nhanh chóng hình thành, 9 trong tổng số 10 xã có hợp tác xã mua bán, các quầy công nghệ phẩm, nông sản thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân.

Từ ngày 29-4 đến ngày 5-5-1978, huyện uỷ lãnh đạo toàn dân hoàn thành tốt việc đổi tiền trên địa bàn toàn huyện theo Quyết định số 87 ngày 25-4-1978 của Chính phủ.

Cùng với những chuyển biến về kinh tế, sự nghiệp văn hoá, giáo dục có bước phát triển đáng kể. Đến cuối năm 1978, về văn hoá giáo dục đã cơ bản kiện toàn mạng lưới thông tin, văn hoá, tất cả các xã đều có cán bộ chuyên trách, thực hiện tốt việc tuyên truyền đường lối, chính sách, vận động quần chúng thực hiện nếp sống văn minh, bài trừ các tệ nạn xã hội, củng cố lại đài truyền thanh, thư viện, thông tin cổ động, tuyên truyền phổ biến việc áp dụng khoa học-kỹ thuật trong sản xuất.

Sự phát triển của sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế góp phần nâng cao trình độ dân trí, cải thiện sức khoẻ nhân dân, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần của đồng bào các dân tộc. Qua đó, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, đấu tranh với các tập tục lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan.

Tình hình chính trị, xã hội trong huyện có những chuyển biến tích cực, trình độ giác ngộ cách mạng trong quần chúng được nâng lên; vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động từng bước được phát huy. Lòng tin và sự gắn bó của quần chúng với Đảng, với chế độ ngày càng được củng cố. Các tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân trở thành lực lượng quan trọng trong phong trào truy quét FULRO; khai hoang, phục hoá, làm thuỷ lợi, làm phân bón, ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, trồng cây gây rừng, vệ sinh phòng dịch.⁹

Huyện uỷ đã chỉ đạo sát sao và có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội, chỉ đạo các xã trọng điểm bố trí thể ăn, ở, sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm ngăn chặn sự tiếp tế cho FULRO, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao ý thức trách nhiệm đấu tranh với các hoạt động phản cách mạng của bọn đội lốt tôn giáo, bọn tề nguỵ chưa chịu cải tạo.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ quê hương, Đảng bộ huyện Đơn Dương đã từng bước trưởng thành về chính trị, tư tưởng và tổ chức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên, sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ, đảng viên được tăng cường cả số lượng và chất lượng, từ đó đã góp phần xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh. Đến cuối năm 1978, Đảng bộ huyện có 25 chi bộ cơ sở, gồm 250 đảng viên.

⁹ Cuối năm 1978, huyện Đơn Dương có 3.644 hội viên hội phụ nữ; 9 ban chấp hành hội nông dân gồm 4.819 hội viên; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có 736 đoàn viên.

Huyện uỷ thường xuyên chỉ đạo, uốn nắn, đưa sinh hoạt chi bộ vào nề nếp. Nhờ vậy, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đảng viên được Huyện uỷ chú trọng, trong năm 1978 đã cử 10 đồng chí đi học các lớp do Trung ương mở, 20 đồng chí học các lớp do tỉnh mở nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và công tác xây dựng Đảng. Thực hiện Thông tri số 22 của Ban Bí thư về tự phê bình và phê bình, Đảng bộ tiến hành kiểm điểm, kiểm tra và đã xử lý kỷ luật 17 trường hợp vi phạm do thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, thoái hoá biến chất, xa rời tổ chức, bỏ sinh hoạt Đảng, tỷ lệ đảng viên vi phạm kỷ luật là 3,61%.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Lâm Đồng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đơn Dương đã phát huy truyền thống đoàn kết trong kháng chiến, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, nhanh chóng tiếp quản cơ sở vật chất kinh tế của chế độ cũ để lại. Động viên và phát huy sức mạnh của quần chúng tham gia thiết lập chính quyền cách mạng¹⁰, xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng, mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, đấu tranh triệt phá các tổ chức, đảng phái phản động, giải quyết cơ bản vấn đề FULRO, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, từng bước ổn định đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Chương II

TIẾN HÀNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1979-1985)

1. Cải tạo và xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng về việc tiến hành đại hội Đảng các cấp, từ ngày 07 đến ngày 10-5-1979, huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ II. Về dự Đại hội có 66 đại biểu đại diện cho 255 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Xuất phát từ điều kiện thực tế của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm 1979-

¹⁰ Về hành chính năm 1979 có sự thay đổi: xã Kilplanol hạ giao lại cho huyện Lạc Dương; xã Xuân Thọ, Xuân Trường giao về thành phố Đà Lạt. Nhận tiếp quản vùng kinh tế mới (Đà Loan và Ninh Loan).

1981 là: *Đẩy mạnh truy quét FULRO, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; tăng cường củng cố hệ thống chính trị và xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Đẩy mạnh sản xuất nông-lâm-công nghiệp; lấy nông nghiệp là hàng đầu, lương thực là mục tiêu số một, đồng thời chú trọng sản xuất thực phẩm và hàng tiêu dùng; đẩy mạnh tiến công, truy quét bọn phản động, đặc biệt là FULRO; phát động phong trào cách mạng của quần chúng; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; ra sức xây dựng và củng cố tổ chức Đảng và hệ thống chính quyền vững mạnh.*

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khoá II gồm có 31 uỷ viên (29 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết), Ban chấp hành bầu Ban thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Lâm tiếp tục được bầu làm Bí thư, đồng chí Võ Văn Danh và đồng chí Cha ma Lé Nghèo làm Phó bí thư Huyện uỷ.

Nghị quyết đại hội Đảng bộ chỉ rõ: Phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, trong đó chú ý đẩy mạnh sản xuất lương thực với phương châm là tự giải quyết vấn đề lương thực trên địa bàn huyện, tạo tiền đề phát triển vững chắc lâm nghiệp và công nghiệp.

Về sản xuất, chú trọng hơn nữa phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tận dụng ruộng đất hiện có và khai hoang mở rộng diện tích, trọng tâm hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời ra sức giữ vững và phát huy thế mạnh của địa phương là vùng cây lương thực, vùng trọng điểm ngô các xã nam sông Đa Nhim, vùng rau Lạc Lâm. Những biện pháp lớn là thâm canh tăng vụ, đưa các giống cây trồng, vật nuôi vào phát triển nông nghiệp, xây dựng, củng cố các vùng kinh tế mới như Đà Loan, Tu Tra nhằm thu hút lao động ở Đà Lạt, Xuân Thọ, Hà Nam Ninh đến lập nghiệp.

Phát triển công nghiệp địa phương, nhất là tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là cơ khí phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu bằng nguyên liệu tại chỗ. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, cần tích cực thu mua nguồn hàng, bảo đảm cho nhà nước nắm được phần lớn sản phẩm hàng hoá sản xuất tại địa phương.

Kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, tiến hành việc phân công lao động, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, xây dựng hệ thống quản lý trong nông, lâm nghiệp. Đẩy mạnh việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh; tổ chức lại các ngành tiểu thủ công

ng nghiệp, dịch vụ bằng những hình thức thích hợp. Chuyển phần lớn tiêu thương sang sản xuất, mở rộng nhanh mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, làm tốt công tác quản lý thị trường, ổn định giá cả.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng tăng nhanh cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp. Trước mắt, đầu tư mạnh cho các mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu, ưu tiên các vùng trọng điểm, đặc biệt chú trọng đầu tư cho khâu thâm canh trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến và cơ khí.

Tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, ra sức xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp vững mạnh, phát huy mạnh mẽ vai trò của hệ thống chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Gấp rút củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế, trước hết chú trọng tăng cường cán bộ cho huyện và cơ sở.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện về nhiệm vụ đẩy mạnh khôi phục, cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó nhiệm vụ cấp bách là sản xuất lương thực và thực phẩm. Năm 1981, kinh tế nông nghiệp của huyện có sự tăng trưởng toàn diện cả diện tích, năng suất và tổng sản lượng.¹¹

Thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 13-1-1981 về cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, các hộ nông dân đã gắn bó chặt chẽ hơn với hợp tác xã, trong phương thức sản xuất có nhiều thay đổi về tập tục, áp dụng khoa học-kỹ thuật mới rộng rãi hơn.

Những kết quả bước đầu trong công tác cải tạo, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa và tăng cường lực lượng sản xuất về cơ bản đã tạo ra được cơ sở ban đầu cho các bước phát triển tiếp theo. Ngành lâm nghiệp

¹¹ Diện tích gieo trồng cây lương thực năm 1981 có 11.157 ha, so với năm 1976 là 7.448, 5 ha. Sản lượng lương thực ngày một tăng. Năm 1979 đạt 73% kế hoạch bằng 14.600 tấn lương thực quy thóc, năm 1980 đạt 81,4% kế hoạch bằng 15.796 tấn và năm 1981 là 17.040 tấn. Điểm mới trong sản xuất nông nghiệp của huyện Đơn Dương là đưa sản xuất Đông-Xuân cùng vụ hè thu thành vụ sản xuất chính.

có những chuyển biến tốt, công tác lâm sinh, bảo vệ phòng chống cháy rừng đạt nhiều kết quả¹²

Các ngành khai thác gỗ, đá, làm gạch, ngói, các xưởng cơ khí sản xuất công cụ ngày càng phát triển, phục vụ nhu cầu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và đời sống nhân dân. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn được các cấp quan tâm. Các phương tiện giao thông liên lạc từ huyện đến cơ sở được chú ý phát triển với 207 km đường dây và 78 máy điện thoại, trên 145 km đường giao thông đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển hàng hoá phục vụ nhân dân.

Thực hiện chủ trương cải cách giáo dục của Đảng và Nhà nước, trong 3 năm 1979-1981, ngành giáo dục của huyện được Bộ giáo dục tặng cờ duy trì phong trào học bổ túc văn hoá. Hệ thống trường học phổ thông được chú ý đầu tư phát triển, nhất là các vùng kinh tế mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ giáo viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, số học sinh phổ thông tăng thêm 3.356 em so với năm học 1976-1977, bình quân 3 người dân có một người đi học.

Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập được quan tâm đầu tư, ngoài việc sửa chữa các cơ sở cũ, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” huyện đã đầu tư, xây dựng thêm nhiều trường lớp và nhà ở cho giáo viên.

Về chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, hệ thống khám chữa bệnh từ huyện đến các xã, thôn được củng cố, đội ngũ cán bộ được tăng cường với 1 bác sỹ, 23 y sỹ, 1 dược sỹ cao cấp, 1 dược sỹ trung cấp, 81 y tá, dược tá. Xây dựng được một bệnh viện với 80 giường bệnh. Hầu hết các xã đều đã xây dựng trạm xá, đẩy mạnh công tác phòng chống bệnh sốt rét, dịch sốt xuất huyết, tổ chức tiêm phòng, phun thuốc diệt muỗi, vận động nhân dân nằm màn, vệ sinh nhà cửa, ăn chín, uống sôi. Đến năm 1981, huyện Đơn Dương được Bộ y tế công nhận là đơn vị đầu tiên ở miền Nam khống chế được bệnh sốt rét.

Hoạt động văn hoá thông tin bám sát và phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện, thành lập các đội thông tin lưu động, đẩy mạnh phong trào văn hoá,

¹² trồng mới được gần 300 ha rừng trong đó có 10 ha rừng tập trung, khoanh 53.000 ha rừng cấm để bảo vệ. Tiến hành giao 33.000 ha rừng và đất rừng cho các xã quản lý, việc khai thác gỗ mặc dù có khó khăn về vật tư, nhưng hàng năm vẫn khai thác được từ 3 đến 4 nghìn m³ gỗ, 7 đến 8 nghìn m³ củi.

văn nghệ quần chúng, các hoạt động truyền thanh, phát hành sách báo, thư viện, chiếu bóng bước đầu phát huy tác dụng trong việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Song song với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ huyện chú trọng kiện toàn các đoàn thể quần chúng. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố thông qua bầu cử dân chủ. Tính đến cuối năm 1981, huyện Đơn Dương có 60 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và 240 đại biểu Hội đồng nhân dân xã do cử tri các dân tộc trong huyện bầu ra. Đại biểu Hội đồng nhân dân và uỷ viên Ủy ban nhân dân các cấp được lựa chọn từ những thành phần ưu tú có đủ tư cách đạo đức và trình độ năng lực lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hội Liên hiệp phụ nữ có 5.230 hội viên đã phát động sâu rộng phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản có 1.282 đoàn viên đã triển khai sâu rộng phong trào “Hành quân theo bước chân những người anh hùng”, đoàn thanh niên các cấp thực hiện hai Cuộc vận động lớn “Toàn đoàn tham gia xây dựng Đảng” và “xây dựng tổ chức cơ sở đoàn vững mạnh”. Hội nông dân tập thể với trên 5.000 hội viên đã góp phần tích cực vào việc củng cố phong trào hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức được các cấp uỷ đảng quan tâm chỉ đạo. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được chú ý, nhất là từ khi có Chỉ thị 72 và 83 của Trung ương về tiến hành công tác phát triển đảng viên. Đảng bộ huyện mở nhiều đợt học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, thứ II. Bên cạnh đó các sinh hoạt chính trị trong nội bộ Đảng, quần chúng tham gia xây dựng Đảng được duy trì thường xuyên. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã thể hiện sự đoàn kết nhất trí, tin tưởng vào đường lối chủ trương của Đảng. Chất lượng và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng không ngừng được nâng cao¹³.

¹³ Tháng 10-1980, đồng chí Hoàng Giang- Tỉnh uỷ viên-Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Lâm Đồng về thay đồng chí Nguyễn Lâm làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Lê Sơn Hồng- Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thay đồng chí Võ Văn Danh; bổ sung đồng chí Huỳnh Minh Xuyên vào Ủy viên Ban Thường vụ Thường trực Đảng, đồng chí Đoàn Xuân Diệu-Ủy viên Ban Thường vụ làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Thời gian này Đảng bộ Đơn Dương tập trung ổn định tình hình tư tưởng nội bộ, củng cố tổ chức sau đợt kiểm điểm kéo dài gần 3 tháng. Đến tháng 7-1981, đồng chí Hoàng Giang chuyển công tác, Tỉnh uỷ điều động đồng chí Huỳnh Thanh Phương- Tỉnh uỷ viên về làm Bí thư huyện uỷ.

Qua thực tiễn phong trào cách mạng, số lượng đảng viên phát triển, đến năm 1981 Đảng bộ huyện Đơn Dương có 283 đảng viên sinh hoạt trong 29 tổ chức cơ sở đảng, trong nhiệm kỳ 1979-1981 kết nạp được 89 đảng viên mới.

Công tác cán bộ thường xuyên được quan tâm, đội ngũ cán bộ qua đào tạo bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý kinh tế, quản lý nghiệp vụ ngày càng đông; đến năm 1981, trong số cán bộ lãnh đạo của huyện có 13 đồng chí đã được đào tạo chương trình lý luận trung, cao cấp; có 20 đồng chí tốt nghiệp đại học và nhiều đồng chí có trình độ trung cấp về chuyên môn. Đồng thời, tại huyện mở nhiều lớp ngắn ngày bồi dưỡng cho hàng trăm cán bộ cốt cán các ban ngành và cơ sở về chương trình lý luận và quản lý kinh tế.

Đạt được những thành tích trên, trước hết là do Đảng bộ huyện Đơn Dương đã biết vận dụng những chủ trương chính sách của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương. Trải qua bao khó khăn thử thách, Đảng bộ vẫn luôn giữ vững sự đoàn kết nhất trí, kiên quyết đấu tranh, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Nhân dân các dân tộc trong huyện luôn nêu cao ý thức làm chủ tập thể, tinh thần cách mạng sáng tạo trước yêu cầu của cuộc sống mới và tình hình mới, cần cù lao động sản xuất xây dựng quê hương giàu mạnh... Đội ngũ cán bộ, đảng viên qua hoạt động thực tiễn ngày càng trưởng thành trên tất cả các lĩnh vực công tác, nhiều đảng viên luôn nêu cao tinh thần tận tụy, hết lòng vì Tổ quốc, vì nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Chính quyền, mặt trận, tổ chức đoàn thể các cấp từng bước vươn lên đảm nhiệm tốt những trọng trách được giao.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự quyết tâm của quân và dân các dân tộc trên địa bàn huyện sau ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, Đơn Dương đã đạt được những thành tích đáng kể; gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và phát triển kinh tế với củng cố, giữ vững an ninh, quốc phòng.¹⁴

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng tiến hành tại thủ đô Hà Nội. Đại hội chủ trương tập trung sức phát

¹⁴ Từ ngày 31-12-1981 đến ngày 05-01-1982, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III (vòng I). Dự Đại hội có 79 đại biểu chính thức thay mặt cho 286 đảng viên của 29 tổ chức cơ sở đảng. Đại hội thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, dự thảo Báo cáo chính trị và báo cáo về công tác xây dựng Đảng, Điều lệ Đảng sửa đổi, bổ sung do Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) soạn thảo trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu cấp trên.

triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Đảng bộ huyện Đơn Dương xác định rõ tiềm năng và thế mạnh của huyện là nông nghiệp và lâm nghiệp, thâm nhuần quan điểm của Đảng coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Huyện uỷ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, lấy lương thực, thực phẩm là mục tiêu số một để giải quyết vấn đề lương thực tại chỗ; coi đó là cơ sở để phát triển sản xuất lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, thực hiện phương châm nông-lâm kết hợp; phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và nghề rừng, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp thành một cơ cấu trên địa bàn huyện.

Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, Đảng bộ, quân và dân huyện Đơn Dương nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn giành được kết quả trên nhiều lĩnh vực. Thành tựu lớn nhất là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa sản lượng lương thực tăng nhanh, góp phần ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1982, Huyện uỷ phát động phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, thi đua lao động sản xuất lập thành tích chào mừng thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2). Đồng thời, chỉ đạo tiến hành Đại hội Đảng các cấp cơ sở, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt tiến hành Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ III (vòng 2).

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, từ ngày 19 đến ngày 24-01-1983, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III (vòng 2). Dự Đại hội có 84 đại biểu, đại diện cho 286 đảng viên thuộc 29 tổ chức cơ sở đảng trong huyện.

ẢNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ III

Đại hội nghiêm túc kiểm điểm những hạn chế trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II đề ra, đánh giá ưu khuyết điểm trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và công tác xây dựng Đảng.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trong ba năm 1983-1985 là: *Phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của các dân tộc trong huyện, xây dựng, củng cố tinh thần đoàn kết nhất trí, quyết tâm khắc phục khó khăn, ra sức khai thác những khả năng hiện có để xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cơ bản quan hệ sản xuất mới trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng quân sự địa phương vững mạnh, đảm bảo số lượng và chất lượng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, đập tan mọi âm mưu thủ đoạn chống phá cách mạng của bọn phản động, bảo vệ vững chắc thành quả của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn huyện.*

Đại hội bầu Ban Chấp hành khoá III gồm: 27 đồng chí uỷ viên chính thức và 2 đồng chí uỷ viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí, đồng chí Lê Sơn Hồng được bầu làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm Phó bí thư.

Trước tình hình kinh tế-xã hội của đất nước lâm vào khủng hoảng, suy thoái, giá cả leo thang phi mã, lạm phát tăng 50-60%, đời sống xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn, tư tưởng nội bộ và ngoài xã hội hoang mang dao động, Ban Chấp hành Trung ương và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương cấp bách về kinh tế nhằm khắc phục một bước cơ chế kế hoạch hoá tập trung và bao cấp; kết hợp kế hoạch hoá với quản lý thị trường; duy trì ba thành phần kinh tế ở miền Nam; kết hợp ba lợi ích là tập thể, cá nhân và xã hội... Các chủ trương mới trên được ban hành đã tạo điều kiện “cho sản xuất bung ra”, bước đầu tạo khí thế mới, tiến bộ mới trong suy nghĩ, cách làm của toàn Đảng, toàn dân, đã được cán bộ, đảng viên, nhân dân cả nước hào hứng đón nhận. Đây là những tiền đề làm nền móng cho sự hình thành đường lối đổi mới của Đảng ta sau này.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Huyện uỷ Đơn Dương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh sản xuất công, nông, lâm

nghiệp, chỉ đạo quyết liệt lĩnh vực phân phối lưu thông, chủ yếu nắm hàng, nắm tiền, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phù hợp.

Trên mặt trận nông nghiệp, chủ trương của Đảng và Nhà nước khuyến khích phong trào khai hoang, phục hoá, tận dụng đất đai để mở rộng sản xuất được nông dân và kể cả một bộ phận cán bộ, công nhân viên trong huyện hưởng ứng mạnh mẽ nhằm cải thiện đời sống vốn đang rất khó khăn. Quyết định về việc xoá bỏ các trạm kiểm soát “ngăn sông, cấm chợ” của Chính phủ được nhân dân hồ hởi đón nhận và tự giác thực hiện, làm cho hàng hoá nhất là sản phẩm nông nghiệp lưu thông trên thị trường được thông thoáng hơn, kích thích được người nông dân phát triển sản xuất; Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13-01-1981 của Ban Bí thư về việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, tạo một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp của địa phương, Chỉ thị nêu rõ: *“Khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất, quản lý của hợp tác xã đều thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng, do đó mà đưa hết nhiệt tình và khả năng ra lao động sản xuất và xây dựng củng cố hợp tác xã”*.

Quán triệt Chỉ thị số 43-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 93-CT/TW, Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 28-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng về cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, quyết tâm xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ ở nông thôn. Ngày 03-3-1983, Huyện uỷ Đơn Dương tổ chức hội nghị và ra Nghị quyết số 01-NQ/HU về việc tiếp tục xây dựng củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp. Đảng bộ Đơn Dương xác định rõ phương hướng, biện pháp, cách làm với bước đi thích hợp từ thấp đến cao, giản đơn đến phức tạp, từ tổ đoàn kết vắn đôi công chuyên lên hai hình thức chủ yếu hợp tác xã nông nghiệp và tập đoàn sản xuất.

Thực hiện các chủ trương trên, Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương đạt được nhiều thành tích trên tất cả các lĩnh vực, tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 26.311 tấn, năm 1985 tăng 32% so với năm 1983 và tăng gần 10.000 tấn so với thời kỳ 1980-1982. Nhờ vậy, đã cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực trên địa bàn huyện và đóng góp nghĩa vụ với tỉnh. Đồng thời, chú ý phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, diện tích hàng năm đạt 438 ha gồm đậu hà lan, cây thuốc lá, cây thực phẩm; bên cạnh đó còn phát triển thêm cây công nghiệp dài ngày như cà phê 397 ha, dâu tằm 80 ha.

Kinh tế của huyện có bước phát triển mới, đảm bảo nhu cầu tự túc lương thực tại chỗ, thực hiện định canh, định cư và xây dựng các vùng kinh tế mới, có sự điều tiết cân đối giữa các ngành nông-lâm-công nghiệp, do hầu hết các ngành kinh tế, đặc biệt là nông, công nghiệp có sự phát triển mạnh, chú ý ưu tiên nông nghiệp, đưa nông nghiệp đi lên ngày một vững chắc, sản lượng lương thực năm 1984 đạt 28.008 tấn, so với năm 1980 tăng 12.233 tấn (tăng 177,5%), đưa bình quân lương thực 210 kg/người/năm năm 1980 lên 320 kg/người/năm năm 1985; tổng diện tích gieo trồng các loại đạt 11.005 ha, thâm canh được đầu tư vào chiều sâu, tận dụng diện tích, tăng vụ luân canh tổng hợp, đưa sản xuất vụ 2 hè thu trở thành tập quán của nông dân; áp dụng khoa học-kỹ thuật trong sản xuất, xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ như nâng cấp, xây dựng các hồ chứa nước ở Próch, Núi Pô; khởi công xây dựng các trạm bơm điện ở Lạc Xuân, Thạnh Mỹ, Lạc Lâm phục vụ tưới nước cho gần 800 ha đất sản xuất.

Trên phương diện lấy ngắn nuôi dài với ý thức “muốn no phải trồng màu, muốn giàu phải trồng cây công nghiệp” chủ trương của Đảng bộ huyện Đơn Dương là phát triển cây công nghiệp phục vụ xuất khẩu như đậu đen năm 1980 chỉ có 50 ha nhân giống, đến năm 1981 đã trồng 1.000 ha ổn định, năm 1984 có 1.504 ha với sản lượng hàng năm xuất khẩu 500 đến 800 tấn, các nhóm cây công nghiệp dài ngày như mía đường, cây dâu tằm, cà phê đều phát triển.

Tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 28-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, huyện uỷ đã rút ra một số mặt tích cực và hạn chế cơ bản trong quá trình triển khai như sau:

Việc thực hiện “khoán mới” đã kích thích người nông dân hăng hái sản xuất, chủ động trong công việc, tích cực chăm sóc, thâm canh nên năng suất và sản lượng cây trồng đều tăng; tận dụng được thời gian, nguồn lao động và đất đai; việc đóng thuế, bán sản phẩm cho Nhà nước ở nhiều cơ sở làm nhanh gọn hơn trước. Song bên cạnh đó vẫn còn tình trạng giấu diện tích, hạ thấp năng suất, sản lượng để hưởng lợi; một số diện tích đất, ruộng để lại cho xã viên mượn, làm ngoài kế hoạch đã tạo nên tình trạng đất đai, lao động bị phân tán, không tập trung cho tập thể; một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có biểu hiện khoán trắng và thu tô, có nơi giao trả ruộng đất và tư liệu sản xuất cho chủ cũ để họ tự làm rồi nộp tô cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

Lâm nghiệp là ngành trọng điểm sau nông nghiệp, được các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện chủ trương bố trí lại sản xuất khép kín từ công tác lâm sinh, khai thác và chế biến, năm 1984 trồng mới được 50 ha, năm 1985 trồng được 150 ha rừng; công tác bảo vệ phòng cháy, chữa cháy rừng đã được nhân dân quan tâm, hưởng ứng tích cực. Thực hiện phương châm lấy rừng nuôi rừng, kết hợp chặt chẽ việc trồng rừng, bảo vệ rừng với khai thác chế biến gỗ và các lâm sản phụ khác để đẩy mạnh sản xuất. Áp dụng các biện pháp, quy trình kỹ thuật để bảo vệ rừng, khôi phục xây dựng và phát triển vốn rừng. Kết hợp việc trồng rừng mới với việc khoanh nuôi, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng theo hình thức quốc doanh, tập thể, gia đình cùng làm. Trong 5 năm huyện Đơn Dương trồng mới được 450 ha rừng, khôi phục 650 ha rừng tự nhiên, giao đất, giao rừng 414 ha cho một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện tốt pháp lệnh bảo vệ rừng, quản lý rừng theo lâm luật của Nhà nước, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phá rừng làm nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác phòng chống cháy rừng thường xuyên được chú trọng.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giá trị tổng sản lượng năm 1985 đạt 10,5 triệu đồng, tăng 2,4 lần so với năm 1983, trong đó tiểu thủ công nghiệp chiếm 84%. Sản xuất các loại vật liệu xây dựng như gạch, ngói, đá cát có tiến bộ, mở thêm cơ sở sản xuất ván ép, đưa việc gia công đường mía vào các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Chế biến lương thực, các mặt hàng vật liệu xây dựng, cơ khí đều phát triển phục vụ yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Tuy vậy, so với tiềm năng của địa phương thì những thành tích đạt được còn thấp và chưa tạo được sự phát triển hợp lý giữa các ngành, các lĩnh vực kinh tế, nhất là giữa nông-lâm-công nghiệp, cơ cấu kinh tế chưa có chuyển biến mạnh; rừng và tài nguyên rừng bị thu hẹp; trình độ tổ chức, năng lực quản lý và điều hành của đội ngũ cán bộ còn yếu.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong 3 năm 1983-1985 đầu tư 141 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 31 triệu đồng xây dựng thêm một số cơ sở vật chất cơ bản phục vụ sản xuất và văn hoá xã hội, phong trào làm thuỷ lợi được các cấp uỷ đảng, chính quyền coi là biện pháp hàng đầu tận dụng nguồn nước, xây dựng các đập thuỷ lợi nhỏ, trạm bơm, các công trình

thuỷ lợi như: Próh, Yên Ngựa, Núi Pô, RLom, Diom, cải tạo đồng ruộng ở Lạc Lâm, tăng diện tích tưới thêm 500 ha lúa hai vụ.

Công tác định canh, định cư, xây dựng và mở rộng các vùng kinh tế mới được Huyện uỷ chú trọng, coi đó là một nhiệm vụ chính trị cấp thiết có tầm chiến lược, là khâu then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng của huyện. Đến năm 1985 đã định cư được 719 hộ ở Cầm Pút (Kamboutte), Ma Đanh xã Tu Tra, xã Ka Đơn, xã Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, các xã cũng đã tổ chức khai hoang và đưa vào sử dụng 150 ha đất mới, tạo điều kiện phân bổ lao động ở các địa phương.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, việc chỉ đạo thực hiện các Quyết định 25/CP, 26/CP, ngày 21-1-1981 của Chính phủ về quyền tự chủ trong sản xuất-kinh doanh, tự chủ tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm, vận dụng tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, được các cấp, các ngành và cơ sở tích cực hưởng ứng triển khai rộng rãi. Nhiều đơn vị xây dựng 3 phần kế hoạch và thực hiện lương khoán sản phẩm như: áp dụng các hình thức khoán cho tập thể, tổ, đội, ca, kíp hay cho từng người lao động; khoán từng sản phẩm, từng công việc, từng hạng mục công trình, từng chuyến xe...; các ngành thực hiện chính sách thưởng theo doanh số, mức độ hoàn thành kế hoạch, ngành công nghiệp chế biến lâm sản có những bước tiến bộ đáng kể. Hoạt động sản xuất đạt kết quả tốt, hàng năm hoàn thành chỉ tiêu khai thác và giao nộp sản phẩm cho Nhà nước.

Những đơn vị thực hiện tốt các Chỉ thị 25/CP, 26/CP của Chính phủ chưa nhiều, một số nơi còn dè dặt, chưa mạnh dạn thực hiện; nhiều đơn vị việc xây dựng và thực hiện 3 phần kế hoạch chưa thật sát đúng, còn tràn lan, không có cơ sở vững chắc; một số cơ sở còn nặng kế hoạch ba, chủ yếu là lo cho lợi ích cá nhân, ít quan tâm đến lợi ích của Nhà nước và lợi ích của tập thể. Trong thực hiện Quyết định 26/CP của Chính phủ, việc xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật chưa thật khoa học, hợp lý; các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm chưa chặt chẽ; trình độ tổ chức, quản lý trong nhiều xí nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện chế độ khoán và thưởng.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ được Huyện uỷ xác định là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở. Mạng lưới truyền thanh ngày càng được mở rộng, góp phần tuyên truyền kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, phục vụ đời sống, tạo cho quần chúng nhân dân nâng cao trách nhiệm, đấu tranh chống những tập tục

lạc hậu, mê tín, dị đoan, chống những tư tưởng tiêu cực trong xã hội; động viên gương người tốt việc tốt, xây dựng con người mới, nếp sống mới.

Trên lĩnh vực văn hoá, xã hội, Đảng bộ huyện lãnh đạo đoàn thể và các ngành liên quan tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị và giác ngộ cách mạng cho các tầng lớp nhân dân. Hệ thống thông tin đại chúng được hình thành và phát triển nhanh từ huyện đến cơ sở, góp phần tích cực trong việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Một số công trình văn hoá được xây dựng; công tác khoa học, kỹ thuật có bước chuyển biến.

ẢNH VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA: ĐƯA TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG VỀ VÙNG SÂU

Ngành giáo dục, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “2 tốt”, gắn với thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục và tập trung xây dựng ngành theo hướng giáo dục xã hội chủ nghĩa ở tất cả các ngành học, bậc học. Thực hiện Chỉ thị số 43-CT/TU, ngày 25-8-1982 của Tỉnh uỷ (khoá II) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp giáo dục”, đội ngũ giáo viên phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng; số học sinh qua các năm học đều tăng, trung bình 4 người dân có 1 người đi học.

Đến năm 1985, huyện Đơn Dương đã thanh toán xong nạn mù chữ cho toàn dân trong độ tuổi, hệ giáo dục phổ thông, bổ túc, mẫu giáo, nhà trẻ phát triển cả số lượng và chất lượng giảng dạy và học tập. Số học sinh tăng lên 17.616 em trong niên học 1984-1985; so với 14.810 em của niên học trước; đội ngũ giáo viên ngày càng phát triển theo yêu cầu, số giáo viên phổ thông cơ sở và phổ thông trung học năm 1980 có 400 người đã tăng lên 700 người tính đến năm 1985; có 6 cơ sở nuôi dạy trẻ thu hút các cháu ngày càng đông, chất lượng nuôi dạy trẻ ngày càng cải tiến và nâng cao.

Công tác y tế được chú trọng hơn, huyện đầu tư xây dựng cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khoẻ của nhân dân. Từ chỗ có nhiều cơ sở trạm xá tạm, đến năm 1985 hầu khắp các xã đều có trạm xá xây dựng kiên cố. Công tác phòng chống dịch bệnh, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên thực hiện 5 phong trào, 3 dứt điểm được tổ chức ở các xã, các loại dịch bệnh sốt rét, dịch tả, dịch hạch được phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời; công tác khám, điều trị ngày càng được bảo đảm tốt hơn, tỷ lệ tử vong giảm còn 0,38%; phong trào sinh đẻ có kế hoạch đã triển khai trong các cơ quan Nhà nước đến toàn dân. Mạng lưới y tế, hộ sinh phát triển khá nhanh; công tác phòng chống dịch bệnh, phong trào “5 dứt điểm” trong nhân dân có tiến bộ.

Công tác hậu phương quân đội cũng được các cấp uỷ quan tâm, huyện đã thành lập Ban thương binh xã hội ở các xã để chăm lo thực hiện chế độ chính sách xã hội đối với các thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng.

2. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Cùng với lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, Huyện uỷ Đơn Dương lãnh đạo toàn dân tập trung đẩy mạnh tấn công, truy quét bọn Fulro và các ổ nhóm phản động chống phá cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 2-12-1980, Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 5-1-1981 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ huyện về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, Đảng bộ huyện Đơn Dương xác định: Một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của huyện là tập trung lực lượng giải quyết vấn đề Fulro vũ trang. Huyện uỷ mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các cấp, các ngành, các đoàn thể và nhân dân, xác định rõ kẻ thù và đối tượng đấu tranh mới, đồng thời phát động phong trào quần chúng truy quét FULRO ngoài rừng, chống gián điệp, chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại nhiều mặt, bảo vệ an ninh chính trị. Năm 1980 Huyện uỷ chỉ đạo các xã, các cơ quan, xí nghiệp tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc 5 năm (1975-1979).

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng và duy trì củng cố thường xuyên ở các xã trọng điểm về Fulro và các xã phức tạp về an ninh chính trị, huy động hàng trăm cán bộ, chiến sĩ các cấp, các ngành, các đoàn thể thành lập các đội công tác xuống cơ sở để xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền và phát động quần chúng truy quét FULRO.

Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và thế trận chiến tranh nhân dân, nhất là ở cơ sở ngày càng vững mạnh, từng bước xây dựng huyện thành pháo đài vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, sản xuất với chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang, truy quét kết hợp với tấn công chính trị làm tan rã địch, nhằm giải quyết cơ bản vấn đề Fulro trong thời gian sớm nhất, ngăn ngừa và đập tan mọi âm mưu và hành động bạo loạn, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị bên trong và sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược từ bên ngoài.

Trong nhiều năm liên tục tấn công, đến năm 1981 đã tiêu diệt và làm vô hiệu hoá nhiều tên phản động đầu sỏ, giải quyết phần lớn lực lượng FULRO

ngoài rừng và các tổ chức phản động có vũ trang khác. Số lượng địch bị diệt, bắt sống và ra đầu thú cách mạng trên 300 tên. Kết hợp với tấn công, truy quét bọn địch ngoài rừng, trong thôn ấp, thông qua vận động quần chúng bóc gỡ hàng ngàn tên khác, làm tan rã nhiều tổ chức phản động, qua phong trào đấu tranh, đông đảo quần chúng đã trưởng thành, nâng cao giác ngộ cách mạng, hiểu biết về chế độ mới, an ninh chính trị, trật tự xã hội ngày càng ổn định.

Cùng với việc liên tục tấn công địch trên tất cả các mặt, trên cơ sở phát động các phong trào cách mạng của quần chúng đã xây dựng và củng cố mạng lưới an ninh nhân dân, lực lượng du kích tập trung tại xã, lực lượng dân quân rộng rãi tại thôn, lực lượng tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, qua thực tế đấu tranh lực lượng dân quân du kích ngày càng trưởng thành.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 25-10-1982 của Bộ Chính trị về công tác quốc phòng, công tác quân sự địa phương, Huyện uỷ Đơn Dương đã tăng cường lãnh đạo toàn dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, động viên sức mạnh tổng hợp của nền chuyên chính vô sản, kiên quyết đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, trước hết tập trung phần đầu năm 1985 phải giải quyết cơ bản vấn đề FULRO, xây dựng thực lực cách mạng, ổn định đời sống nhân dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số.

Ra sức củng cố quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ở địa phương. Xây dựng tuyến phòng thủ sẵn sàng chiến đấu chống địch xâm nhập từ bên ngoài vào. Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, buôn, làng, thôn, xã, xí nghiệp nông lâm trường là trận địa chiến đấu, cụm chiến đấu; xây dựng hậu phương trực tiếp và hậu cần tại địa phương.

Xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội địa phương, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, khẩn trương xây dựng lực lượng dự bị, thực hiện tốt việc gọi thanh niên nhập ngũ, từng bước tập dượt chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến. Củng cố công tác hậu cần, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm đời sống lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Kết hợp đồng bộ các biện pháp vừa tấn công chính trị, vừa truy quét bọn phản động vũ trang ngoài rừng. Kết quả đã tổ chức đánh địch 6 trận, diệt 14 tên, thu 6 khẩu súng các loại. Vận động hàng ngàn lượt quần chúng, người thân của lực lượng FULRO vào rừng thuyết phục kêu gọi 19 tên bỏ hàng ngũ quay về với gia đình; bóc gỡ 29 tên nằm vùng. Trong những thành tích đó, tiêu biểu là Công an huyện Đơn Dương đã đấu tranh khám phá tổ chức phản

động có vũ trang lấy tên là “Trung đoàn Lê Văn Duyệt”, tổ chức này chạy ra rừng hoạt động riêng lẻ, chúng có tổ chức vũ trang ngoài rừng gồm 36 tên và tổ chức bên trong ở xã Lạc Lâm.

**ẢNH LỰC LỰC CÔNG AN HUYỆN VÀ BÀ CON NHÂN DÂN XÃ TÀ IN TRÊN
ĐƯỜNG ĐI KÊU GỌI FULRO VỀ VỚI GIA ĐÌNH VÀ CÁCH MẠNG NĂM 1983**

Bên cạnh công tác truy quét vũ trang, lực lượng Công an huyện còn đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở góp phần tạo sự ổn định về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng kinh tế, xã hội của địa phương. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, qua phong trào phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã từng bước nâng cao nhận thức chính trị, nhân dân tin tưởng vào đường lối chủ trương, chính sách của Đảng; hệ thống chính quyền, đoàn thể, nhất là lực lượng công an, du kích luôn được củng cố, từ chỗ yếu kém đến năm 1985 tất cả 23 thôn đồng bào dân tộc đã đạt khá, tiêu biểu là 2 thôn Tà Hine và Charangao từ một vùng yếu kém bị FULRO không chế đã phấn đấu trở thành địa bàn khá.

Đạt được nhiều thành tích trong nhiệm vụ giải quyết FULRO, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngày 29-8-1985, Hội đồng Nhà nước đã ra quyết định số 735/KT/HĐNN, phong tặng Công an huyện Đơn Dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó là niềm vinh dự lớn lao và cũng là trách nhiệm nặng nề của Công an huyện Đơn Dương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đi đôi với việc giải quyết vấn đề FULRO ngoài rừng, công tác chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, các ổ nhóm phản động khác cũng được đẩy mạnh, công tác đấu tranh chống bọn phản động lợi dụng tôn giáo tuyên truyền trái phép, kích động một bộ phận nhân dân không nhận ruộng khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng, làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và gây mất trật tự xã hội. Vì vậy, đấu tranh chống bọn phản động lợi dụng tôn giáo được Huyện uỷ và các cấp uỷ rất chú trọng.

Quán triệt Nghị quyết số 40-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác tôn giáo, Huyện uỷ Đơn Dương tổ chức cho nhân dân quán triệt chính sách tôn giáo của Đảng và phát động phong trào quần chúng vạch trần âm mưu của bọn phản động lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng. Qua đó, trình độ nhận thức của quần chúng giáo dân được nâng lên một bước. Các

phong trào vùng đồng bào có đạo, nhất là phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đóng thuế nông nghiệp tiến triển rõ rệt, đồng bào tích cực tham gia vào việc giữ gìn an ninh trật tự, vạch trần âm mưu của bọn phản động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Trên mặt trận đấu tranh chống các tội phạm hình sự, chống bọn đầu cơ buôn lậu, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội đạt kết quả tốt, góp phần tích cực đấu tranh ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản và tính mạng của nhân dân.

Thực hiện 25 điều quy tắc về giữ gìn an ninh trật tự do tỉnh đề ra, Huyện uỷ Đơn Dương đã chỉ đạo sát phong trào bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhiều nơi quần chúng hưởng ứng tích cực, tham gia cùng lực lượng dân quân tự vệ, công an làm công tác tuần tra canh gác, làm chủ đường phố, xã, buôn, quản lý chặt chẽ đối tượng hình sự.

3. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Trong bối cảnh địch tăng cường chiến tranh phá hoại nhiều mặt, Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, từ Huyện uỷ đến các chi bộ cơ sở đều tích cực quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh. Bám chắc phương hướng chỉ đạo, gắn yêu cầu xây dựng về chính trị, tư tưởng và tổ chức với thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường củng cố tổ chức Đảng, trọng tâm là tổ chức cơ sở đảng.

Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán được các cấp uỷ đặc biệt quan tâm. Huyện uỷ đã cử cán bộ đi học các trường của huyện, tỉnh và Trung ương tổ chức như: lớp bồi dưỡng chương trình lý luận sơ cấp cho 50 đảng viên, chương trình lý luận trung cấp cho 18 đồng chí cán bộ chủ chốt ở cơ sở, bồi dưỡng lý luận cao cấp cho 4 đồng chí, cử 5 cán bộ đi học các lớp quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, 8 đồng chí học các lớp tại chức và tập trung ở tỉnh.

Với khẩu hiệu: “Tất cả cho cơ sở, vì cơ sở”, Đảng bộ huyện chỉ đạo đẩy mạnh củng cố xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ngay tại cơ sở. Thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí

thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 02-NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng huyện vững mạnh phải gắn với xây dựng các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, trong ba năm 1983-1985, Đảng bộ huyện Đơn Dương quán triệt nội dung Chỉ thị số 55 và Thông tri 240 về 5 yêu cầu xây dựng Đảng bộ, chi bộ vững mạnh, các tổ chức cơ sở đảng thường xuyên được củng cố. Đến cuối năm 1985, huyện Đơn Dương có 331 đảng viên sinh hoạt trong 31 tổ chức cơ sở đảng; qua các kỳ phân loại tổ chức đảng có 4 đơn vị được công nhận là tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, 17 đơn vị đạt loại khá.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư về phát triển đảng viên, công tác phát triển đảng viên cơ bản đã hoàn thành. Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp uỷ quan tâm, tiến hành thường xuyên liên tục. Hàng năm có tổng kết rút ra những ưu, khuyết điểm về việc vận dụng tiêu chuẩn và thực hiện nguyên tắc thủ tục trong việc phát triển đảng viên mới. Tuy vậy, công tác phát triển đảng viên mới tăng quá chậm, trong ba năm số lượng chỉ tăng 30 đồng chí, đảng viên phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các cơ quan hành chính; các đơn vị sản xuất rất ít hoặc không có đảng viên như Xí nghiệp 1/5, Xưởng cưa, Xí nghiệp lâm nghiệp, Xí nghiệp cơ khí, chăn nuôi, ngành giao thông vận tải, các trường phổ thông.

Thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết 15-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ và các cấp uỷ từ huyện đến cơ sở tiến hành các đợt bình xét tư cách đảng viên, lấy tự phê bình và phê bình, đồng thời tiếp thu ý kiến tham gia đóng góp xây dựng Đảng của các tổ chức quần chúng để phê bình nâng cao chất lượng đảng viên và tính chiến đấu, tính tiên phong gương mẫu của tổ chức đảng. Các cơ sở rà soát tình hình nội bộ Đảng, nắm chắc tình hình chính trị, diễn biến tư tưởng, phổ biến 15 điều quy định cho đảng viên và cán bộ thực hiện.

Hệ thống chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố, các tổ chức đoàn thể chính trị có nhiều cố gắng trong công tác vận động quần chúng. Đoàn thanh niên đề ra các chủ trương hoạt động cụ thể dựa trên các nhiệm vụ chính trị của địa phương để tổ chức thu hút tuổi trẻ tích cực tham gia, phát huy vai trò lực lượng xung kích trên mặt trận sản xuất và chiến đấu. Hội phụ nữ, công đoàn, Hội nông dân phát huy vai trò làm chủ tập thể, phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp để tổ chức vận động, tập hợp quần chúng học tập, quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tuyên truyền giác ngộ cho quần chúng nhận rõ bản chất và âm mưu của bọn phản động, vận động nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, thực

hiện định canh, định cư, xây dựng và phát triển kinh tế, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Về công tác cán bộ, do yêu cầu phát triển của vùng Loan và thực hiện nghị quyết 03-NQ/TU của tỉnh uỷ về giải quyết cơ bản vấn đề FULRO và nghị quyết 02-NQ/TU của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về tăng cường xây dựng cơ sở xã, phường, Huyện uỷ thành lập bộ phận lãnh đạo do đồng chí Phó Bí thư Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo vùng Loan. Bộ phận này huy động nhiều cán bộ các phòng, ban của huyện tham gia, trách nhiệm chủ yếu của bộ phận là nghiên cứu địa bàn giãn dân để chuẩn bị phương án chia tách, hình thành các xã vùng Loan, đồng thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Sau khi có quyết định thành lập 4 xã vùng Loan là Tà Hin, Đà Loan, Tà Năng, Ninh Loan, đội ngũ cán bộ được sắp xếp lại, một số đồng chí cán bộ lãnh đạo huyện được tăng cường trực tiếp làm Bí thư các xã.

Sau 10 năm cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh hết sức khó khăn phức tạp, vừa phải chống thù trong giặc ngoài, vừa khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, từ điểm xuất phát thấp, song với nghị lực và lòng quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, Đảng bộ huyện Đơn Dương đã lãnh đạo nhân dân địa phương từng bước vượt qua khó khăn, thử thách giành được những thành tựu bước đầu trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, V và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ Lâm Đồng, Đảng bộ huyện Đơn Dương xác định nhiệm vụ chiến lược trong những năm đầu sau ngày giải phóng là: Xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở; truy quét bọn phản động, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ cấp bách. Xây dựng và phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, sản xuất lương thực là nhiệm vụ số một. Trên cơ sở chủ trương đó, Đảng bộ lãnh đạo quân và dân thi đua thực hiện đạt nhiều thành tích trong phát triển kinh tế, truy quét FULRO giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Các cấp uỷ đảng huyện Đơn Dương lãnh đạo nhân dân tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội. Nhờ sự lãnh đạo sâu sát của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và sự nỗ lực của đồng bào các dân tộc trong huyện, sản xuất lương thực có bước phát triển

vượt bậc, từ chỗ thiếu ăn (sau giải phóng) đến giữa thập kỷ 80, cơ bản đã tự cân đối được lương thực và thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước; các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dần được phục hồi. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông-lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dần được củng cố và đóng vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển. Hoạt động văn hoá-xã hội góp phần nâng cao dân trí, từng bước xoá nạn mù chữ trong đồng bào các dân tộc thiểu số và đấu tranh với các hủ tục lạc hậu trong nhân dân. Hệ thống chính trị các cấp ngày càng vững mạnh, phát huy tốt vai trò lãnh đạo các phong trào thi đua lao động sản xuất và chiến đấu. Quá trình lãnh đạo trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ Đơn Dương đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, tạo tiền đề cho sự phát triển trong công cuộc đổi mới.

Phần thứ hai **THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG** **(1986-2005)**

Chương I **THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, ĐÁP ỨNG YÊU** **CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI** **(1986-1991)**

1. Chuyển biến về nhận thức tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội về chủ trương đổi mới

Năm 1986, đất nước trong tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng. Những sai lầm về cải cách giá, lương, tiền chưa thể sớm khắc phục càng làm cho khó khăn thêm gay gắt. Đối với tỉnh Lâm Đồng nói chung và huyện Đơn Dương nói riêng, qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ III, Đảng bộ đã cùng với toàn quân, toàn dân phấn đấu và giành được nhiều thành tựu quan trọng nhưng cũng còn một số yếu kém, khuyết điểm, sai lầm, nền kinh tế mất cân đối nhiều mặt, công tác quản lý xã hội còn nhiều lúng túng, hạn chế.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ IV và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, từ ngày 12 đến ngày 16-9-1986, Đại hội đại biểu

Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ IV được tiến hành với sự tham gia của 99 đại biểu, thay mặt cho 339 đảng viên của 31 tổ chức cơ sở đảng.

Đại hội đã đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị chuẩn bị trình Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV; Dự thảo Báo cáo chính trị và đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng của Trung ương trình trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đánh giá những thành tích của huyện trong nhiệm kỳ III (1983-1985) là đáng kể và có ý nghĩa quan trọng, nhất là trên lĩnh vực kinh tế-xã hội và an ninh-quốc phòng. Tuy nhiên, với khả năng và tiềm năng của huyện thì những thành tựu trên còn thấp. Đại hội cũng chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm tồn tại trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng bộ, chủ yếu là do việc quán triệt đường lối của Đảng trong thời kỳ quá độ và chặng đường của thời kỳ quá độ chưa vững chắc, sự vận dụng đường lối của Trung ương, của tỉnh vào điều kiện cụ thể của huyện chưa thật sát; cơ chế, chính sách chưa rõ ràng, chỉ đạo của các ngành vừa lúng túng vừa áp đặt theo mệnh lệnh ràng buộc. Một số ngành, đơn vị nhất là các cơ sở sản xuất kinh doanh còn mang nặng tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại, việc tổ chức thực hiện quản lý và điều hành của các cấp, các ngành ở huyện còn yếu.

Đại hội khẳng định: những thành tích đạt được vừa qua là những yếu tố cơ bản làm tiền đề để Đơn Dương tiếp tục phấn đấu khắc phục khó khăn, thiếu thốn vì sự mất cân đối của nền kinh tế, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng là xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Xuất phát từ tình hình thực tế tại địa phương, Đại hội đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong những năm 1986-1988 là: *Phấn đấu ổn định và phát triển cơ bản sản xuất nông-lâm nghiệp, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm cơ sở để bảo đảm đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày vững chắc với quy mô và tốc độ phù hợp, tạo ra giá trị hàng hoá và tỷ suất hàng hoá ngày càng cao trên địa bàn huyện. Tổ chức sắp xếp mở rộng và đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là các ngành nghề chế biến nông, lâm sản phục vụ thiết thực và đặc lực cho nông nghiệp và lâm nghiệp phát triển. Giải quyết cơ bản việc phân công, bố trí lại lao động, bảo đảm cho người lao động có việc làm. Trên cơ sở đó ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, phấn đấu thực hiện công bằng xã hội phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, từng bước giảm sự chênh lệch quá đáng giữa vùng kinh và vùng dân tộc, giữa những người làm ăn phi pháp với người lao động chân chính. Thực hiện tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa*

với nội dung và bước đi thích hợp. Ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường công tác quân sự địa phương vững mạnh, xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Từ phương hướng và quyết tâm đó, Đại hội quyết định những mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của huyện trong những năm 1986-1988 là:

Tập trung mọi cấp, mọi ngành đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là bàn đạp, tập trung phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm đưa dân lên thế ổn định. Đối với lương thực chủ yếu là lúa, bắp, kết hợp với bố trí một số loại cây trồng khác cơ cấu vào cây lương thực như khoai lang, dong riềng, sắn ở những vùng đất có điều kiện. Tập trung phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm làm cơ sở để đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày.

Trọng tâm là công tác bảo vệ rừng, trồng rừng, khai thác hợp lý nhằm giữ vốn rừng và bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết một bước công tác giao đất, giao rừng, gắn quyền lợi với nghĩa vụ của người nhận rừng, thực hiện đúng đắn, hợp lý ba lợi ích cho người nhận rừng.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đồng thời phát triển hợp lý các ngành công nghiệp khác, kết hợp công nghiệp, thủ công nghiệp phục vụ nông, lâm nghiệp để tạo cơ cấu kinh tế nông- lâm-công nghiệp. phấn đấu đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp lên 150 triệu đồng.

Ra sức xây dựng, củng cố Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ lên một bước, thực hiện đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý, đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 33 đồng chí uỷ viên chính thức và 8 đồng chí uỷ viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành huyện khoá IV bầu đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Phạm Báng Phó bí thư. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ IV.

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Với phương châm “*Đổi mới toàn diện,*

trước hết là đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế”, đổi mới nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó thể hiện ở những chủ trương, quan điểm lớn như: chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá, quan liêu, bao cấp, dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện của đất nước. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế. Việc đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế phải gắn liền với đổi mới về tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ và đổi mới phong cách làm việc”.

Đại hội VI của Đảng mở ra đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước chuyển biến rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã diễn ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự lãnh đạo nhạy bén, sáng tạo của các cấp uỷ Đảng.

ẢNH Đ/C PHẠM VĂN ĐỒNG VỀ THĂM XÃ QUẢNG LẬP NĂM 1987

Cụ thể hoá đường lối đổi mới của Đảng, huyện Đơn Dương đã thực hiện một số chủ trương, chính sách mới trong sản xuất, kinh doanh. Quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất bước đầu được phát huy. Cơ quan quản lý Nhà nước các cấp tập trung khắc phục tình trạng quan liêu, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Trong tình hình nền kinh tế của cả nước, của tỉnh nói chung, của địa phương nói riêng còn rất nhiều khó khăn. Sản xuất nông nghiệp chưa vững chắc. Chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố, tăng cường; chưa phát huy được năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế. Hoạt động khoa học-kỹ thuật chưa giải quyết được những mục tiêu chủ yếu trong sản xuất và đời sống. Lĩnh vực phân phối lưu thông tiếp tục rối ren. Giá cả thị trường tiếp tục tăng cao, lạm phát phi mã, đời sống của nhân dân gặp khó khăn. Công tác lãnh chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền còn nhiều lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Trong bối cảnh đó, tháng 4-1987, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (khoá VI) đã tập trung bàn những vấn đề cấp bách về lưu thông phân phối, chủ trương phân đấu “4 giảm” (giảm bội chi ngân sách, giảm tốc độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống), quyết định

bỏ chế độ hai giá, thực hiện một giá, tạo thị trường thống nhất trong cả nước, xoá bỏ “cấm chợ ngăn sông”.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết xác định: *Nông dân là lực lượng rất cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nông thôn là địa bàn trọng yếu của cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa; nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Nghị quyết xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản; hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã, thay thế cơ chế khoán theo Chỉ thị 100. Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế tự chủ của đơn vị kinh tế quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết 10 đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống, phù hợp nguyện vọng của nhân dân.*

Vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị Tỉnh uỷ Lâm Đồng lần thứ 3 (khoá IV) ra Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 17-1-1987, về phương hướng nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1987. Nghị quyết đề ra chủ trương sắp xếp và chuyển hướng một bước cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý; từng bước ổn định kinh tế-xã hội, trước hết là ổn định giá, lương, tiền; chỉ đạo thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, gắn nông nghiệp, lâm nghiệp với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở nhằm giải quyết từng bước vững chắc về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Thực hiện các Nghị quyết trên, Huyện uỷ Đơn Dương đã chỉ đạo giành phần lớn vốn đầu tư cho các vùng lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp dài ngày, tập trung chỉ đạo đồng bộ từ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đến tổ chức sản xuất; khuyến khích tư nhân và hộ gia đình bỏ vốn vào sản xuất, ưu tiên cho các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp. Chỉ đạo một số cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế trọng điểm, thí điểm hạch toán giá thành; khôi phục một bước tiền lương thực tế của người lao động ở cả khu vực sản xuất kinh doanh và hành chính sự nghiệp.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ Đơn Dương luôn bám sát sự lãnh đạo của trên, mặt khác mạnh dạn chỉ đạo làm điểm, đồng thời nhân ra một số mô hình trong sản xuất nông nghiệp có hiệu quả như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, không đặt nặng sản xuất lương thực, thực phẩm là trọng điểm hàng đầu mà xác định sản xuất lương thực, thực phẩm là cơ sở để đẩy mạnh phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá xuất khẩu. Từ đó, tuy sản lượng lương thực, thực phẩm không đạt

chỉ tiêu Đại hội đề ra (370/500 kg/người/năm) nhưng đó là tất yếu của quá trình chuyển đổi diện tích từ trồng cây lương thực sang các loại cây trồng khác. Điều đáng quan tâm là đã tạo tiền đề cho sản xuất hàng hoá phát triển, từ chỗ tỷ suất hàng hoá còn thấp nay đã tăng khá.

Các chính sách mới trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia khai thác chế biến các sản phẩm mía đường, tơ kén, gỗ, vật liệu xây dựng. Trong phân phối lưu thông, ngoài việc thực hiện các chỉ tiêu giao nộp theo hợp đồng và mua bán thoả thuận với trên, Huyện đã mạnh dạn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh kể cả các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán được giao lưu mua bán các sản phẩm hàng hoá còn lại với các địa phương khác trong cả nước.

Những cố gắng trên đây đã góp phần giảm bớt khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân, tiếp nhận thêm dân vào xây dựng kinh tế mới, vừa mở rộng diện tích đất sản xuất, củng cố và tăng cường cơ sở vật chất hạ tầng. Một số đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện hạch toán giá thành, bước đầu có chuyển biến về nhận thức và cách làm, sản phẩm được thị trường chấp nhận.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế-xã hội của huyện phát triển không ổn định, các chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp. Đặc biệt, lĩnh vực phân phối lưu thông diễn biến ngày càng xấu và phức tạp hơn, sản xuất lương thực không đạt kế hoạch, sản xuất công nghiệp tuy có bước phát triển đối với khu vực tập thể, tư nhân và hộ gia đình nhưng tốc độ chậm. Chưa có sự chuyển biến rõ rệt trong thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, các cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể thiếu vật tư, nguyên liệu, vốn; năng suất lao động giảm, nhiều sản phẩm quan trọng chỉ đạt 30-40% kế hoạch.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, phương thức kinh doanh chưa chuyển kịp theo yêu cầu nên chưa nắm được phần lớn hàng, tiền; tư thương chi phối thị trường; giá hàng hoá tăng nhanh, bội chi tiền mặt ngày càng lớn, việc thực hiện mục tiêu “4 giảm” gặp rất nhiều khó khăn.

Thực trạng trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do không đồng bộ và cương quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chậm chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước hết là trong phân phối lưu thông. Vì vậy, đã kìm hãm sản xuất phát triển, không giải phóng được năng lực sản xuất và sức lao động, sự chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành, cơ sở còn nhiều hạn chế.

Nhằm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh tế-xã hội năm 1987, giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông theo tinh thần Nghị quyết

Trung ương 2, Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ V đã ra Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 23-7-1987, Nghị quyết nêu một số chủ trương, giải pháp cụ thể:

Lĩnh vực nông nghiệp, tiến hành các biện pháp thâm canh, tăng vụ, đầu tư cho trồng mới cà phê, dâu tằm, cây mía, mở rộng chăn nuôi. Để giải quyết vấn đề bức xúc do thiếu đất sản xuất và bố trí lại dân cư, xây dựng vùng kinh tế mới Preh Kanah, đưa dân ở xã Lạc Nghiệp và Lạc Lâm vào khai hoang định cư tại chỗ. Đối với nông nghiệp, đề sử dụng ruộng đất tiết kiệm có hiệu quả và bảo đảm công bằng về nghĩa vụ đối với Nhà nước, tất cả các đơn vị quốc doanh, tập thể, cá thể sử dụng đất nông nghiệp đều phải nộp thuế theo quy định của Nhà nước. Đối với cây lương thực do đồng bào dân tộc trực tiếp canh tác, tạm thời miễn giảm 30% mức thuế nông nghiệp, thu thuế vườn trên đất thổ cư theo quy định của Nhà nước. Từng bước xoá bỏ chế độ trao đổi bằng hiện vật giữa Nhà nước và nông dân, thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế trong việc bán vật tư và mua nông sản theo giá thoả thuận.

Ngành lâm nghiệp, khai thác các sản phẩm lâm nghiệp phục vụ cho sản xuất, tiếp tục giao đất giao rừng cho tập thể và hộ gia đình quản lý, kinh doanh, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc chăm sóc bảo vệ rừng, khuyến khích hộ gia đình, tư nhân phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản.

Đối với các xí nghiệp quốc doanh, từ tháng 8-1987, tiến hành sản xuất kinh doanh theo cơ chế mới. Bước đầu tính đúng, tính đủ các yếu tố “đầu vào”, bán sản phẩm theo khung giá quy định, được thị trường chấp nhận và có tích lũy cho Nhà nước. Đối với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các tổ chức kinh doanh của Nhà nước bán vật tư theo giá kinh doanh thương nghiệp và mua sản phẩm theo giá thoả thuận qua hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, người sản xuất được quyền tiêu thụ sản phẩm ngoài hợp đồng kinh tế theo chính sách lưu thông hàng hoá của Nhà nước.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải thực sự chuyển sang kinh doanh, tác động vào sản xuất, nắm tuyệt đại bộ phận sản phẩm hàng hoá, vươn lên chiếm lĩnh 60% thị trường. Tăng cường cải tạo tư thương và quản lý thị trường, xoá bỏ tư bản thương nghiệp. Việc mua bán vật tư, thiết bị, hàng hoá giữa các tổ chức kinh tế thực hiện theo hợp đồng kinh tế trên cơ sở ngang giá. Hoạt động xuất nhập khẩu phải phục vụ ba chương trình kinh tế lớn: lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu của địa phương và chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phục vụ cho nền kinh tế địa phương.

Để giải quyết tiền lương và đảm bảo đời sống của công nhân viên chức, lực lượng vũ trang, Nghị quyết nêu chủ trương khôi phục 40% tiền lương thực tế so với tháng 9-1985, coi đó là lương cơ bản để tính các khoản phụ cấp. Thực hiện bù giá vào lương từ tháng 8-1987 cho các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội. Khoán quỹ lương cho các cơ quan hành chính sự nghiệp đã giảm biên chế. Cấp đất hoặc cho mượn đất để công nhân viên chức làm kinh tế vườn và phát triển nghề phụ. Đảm bảo cung cấp đủ số lượng, chất lượng và định lượng lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang.

Chính sách tài chính phải tạo nguồn theo hướng thúc đẩy kinh tế quốc doanh chuyển sang hạch toán kinh doanh đạt hiệu quả cao và phát triển sản xuất trong các thành phần kinh tế khác. Ngân hàng chuyển mạnh sang kinh doanh tiền tệ, mở rộng các dịch vụ, huy động tiền nhàn rỗi trong xã hội vào lưu thông.

Sau khi triển khai Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh uỷ, tình hình sản xuất, nhất là sản xuất lương thực tiếp tục có bước phát triển. Cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu là cây cà phê và dâu tằm phát triển nhanh trong khu vực kinh tế gia đình và cá thể, chăn nuôi phục hồi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển. Một số cơ sở sản xuất quốc doanh sản xuất kinh doanh khá hơn, sản phẩm đường, vật liệu xây dựng tăng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã tập trung hơn cho nông nghiệp.

Tuy đạt được nhiều kết quả khả quan nhưng tình hình kinh tế, xã hội của huyện phát triển chưa đều, chưa vững chắc và còn khó khăn trên nhiều mặt. Sản xuất lương thực, thực phẩm chưa ổn định; chất lượng cây công nghiệp dài ngày còn thấp; kinh tế quốc doanh còn nhiều yếu kém, tình hình phân phối lưu thông còn rối ren, hoạt động xuất nhập khẩu còn yếu, đời sống những người có thu nhập chính từ lương phần lớn gặp khó khăn.

2. Triển khai thực hiện ba chương trình kinh tế lớn

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV là tập trung sức thực hiện ba chương trình kinh tế lớn về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tích cực giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, từng bước ổn định thị trường giá cả. Trên cơ sở đó, phấn đấu giảm bớt khó khăn, tiến tới ổn định đời sống cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động, tăng thêm mức tiêu dùng bình quân đầu người hàng năm về lương thực, thực phẩm, vải mặc; cố gắng đảm bảo nhu cầu chữa

bệnh và học hành, đáp ứng thêm nhu cầu về nhà ở, đồ dùng thiết yếu, giảm bớt khó khăn về đi lại, tăng thêm điều kiện hưởng thụ văn hoá cho nhân dân.

Tạo sự biến đổi đáng kể về mặt xã hội, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới. Bảo đảm cho người lao động ở thành phố, thị trấn có việc làm, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội, xây dựng nếp sống lành mạnh, nhất là trong thanh thiếu niên.

Tạo nhanh tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Nhà nước và các nguồn vốn khác, tập trung cho các mục tiêu trọng điểm, tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục đẩy mạnh cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức và quy mô thích hợp trên mỗi vùng. Cũng cố và phát triển nhanh lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế quốc doanh, tập thể, đảm bảo vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế, đồng thời hình thành đồng bộ những bộ phận quan trọng của cơ chế quản lý mới, lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế.

Củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, kiên quyết đánh bại một bước quan trọng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giải quyết dứt điểm vấn đề Fulro. Từng bước xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh. Bảo đảm các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng ngay từ cơ sở trên địa bàn xung yếu, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Nhân tố cơ bản nhất để đảm bảo thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đã đề ra là phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo ra phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt.

Nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu trên, trong kế hoạch 5 năm 1986-1990 của huyện xác định: Phải bố trí đúng cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học-kỹ thuật, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất phù hợp với địa phương, xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, sử dụng và phát huy mọi khả năng các thành phần kinh tế khác,

tập trung đồng bộ thực hiện ba chương trình mục tiêu, ra sức xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện và cơ sở.

Huyện uỷ Đơn Dương quyết định điều chỉnh cơ cấu đầu tư hướng vào ba chương trình kinh tế lớn: “chương trình lương thực, thực phẩm, chương trình hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu” và “chương trình xã hội-định canh, định cư, kinh tế mới, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương”.

Tập trung củng cố và phát triển thành phần kinh tế Nhà nước và tập thể, chú trọng phát triển kinh tế gia đình, tăng cường mặt trận phân phối lưu thông, mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, làm tốt khâu quản lý thị trường.

Nghiên cứu và thực hiện chính sách xã hội, hướng mọi hoạt động của ngành văn hoá vào việc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đấu tranh chống âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ địch.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của tỉnh và huyện Đảng bộ, các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về tập trung sức đẩy mạnh ba chương trình kinh tế lớn; các chính sách đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ chế quản lý và các lĩnh vực khác. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đơn Dương, việc vận dụng các quan điểm và chính sách của Đảng về kinh tế nhằm mục đích đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hoá và giải phóng sản xuất trong các ngành nông-lâm-công nghiệp; trong 3 năm 1986-1988 thực hiện cơ cấu kinh tế mới có những chuyển biến cơ bản, trong nông nghiệp, cây trồng được bố trí lại theo hướng phát triển mạnh cây công nghiệp dài ngày, giữ vững và thâm canh chiều sâu diện tích cây lương thực, thực phẩm. Từ đó tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị cao hơn từ cây công nghiệp, tỷ suất hàng hoá tăng khá. So với năm 1986, sản phẩm mía đường tăng 60%, kén tằm tăng 3,2 lần, cà phê tăng 3,3 lần. Sản xuất nông-lâm nghiệp bước đầu hỗ trợ được với nhau trên một số địa bàn như mô hình giao đất, giao rừng ở hợp tác xã Tân Hoà (Lạc Nghiệp) , thực hiện trồng cây bờ lô, bờ thửa ở hợp tác xã Suối Thông B(Thạnh Mỹ). Kinh doanh nghề rừng ngày càng đạt hiệu quả, bảo đảm kế hoạch sản xuất lâm nghiệp trong các khâu lâm sinh, khai thác, chế biến gỗ khu vực quốc doanh. Cơ cấu nông-lâm-công nghiệp trên địa bàn huyện từng bước có sự gắn kết với nhau, các cơ sở chế biến lâm sản, mía đường, tơ tằm, xay xát lương thực, sản xuất vật liệu xây dựng, chăn nuôi được củng cố và từng bước đi lên. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng hàng năm 15%.

Trong hoàn cảnh khó khăn gay gắt về nhiều mặt, sản lượng lương thực vẫn đạt 18-19 ngàn tấn/năm, bình quân lương thực đầu người đạt 370 kg/năm, diện tích cây công nghiệp tăng khá, mía đường đạt 1.040 ha, dâu tằm 490 ha, cà phê 940 ha. Từ kết quả trong sản xuất đó đã có tác động đến phân phối lưu thông. Vấn đề cơ bản là bước đầu các đơn vị quốc doanh, tập thể đã chuyển sang hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc vận dụng và đổi mới về cơ cấu đầu tư có tiến bộ, nhất là nguồn vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản như xây dựng các công trình thuỷ lợi: Pro, R'Lom, nâng cấp phân viện Thanh Mỹ, tu sửa đường 413, xây dựng nhà văn hoá ở Lạc Lâm... Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, các đơn vị cơ sở, các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân đã góp hàng trăm triệu đồng xây dựng đường điện ở Ka Đô, xây dựng trường học, trạm xá, khai hoang trồng cây công nghiệp, sửa chữa và mở rộng các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Các hợp tác xã nông nghiệp vận dụng chính sách khoán mới theo nội dung của Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 5-4-1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (khoán 10). Khoán 10 được gọi là khoán hộ, khoán gọn cho hộ xã viên đảm nhận tất cả các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả đã tăng hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập của xã viên lên 3 lần, các hợp tác xã như Hợp tác xã Lạc Lâm, Hợp tác xã Suối Thông B, Hợp tác xã nông nghiệp Lạc Xuân thu nhập của xã viên đạt từ 35-50% tổng giá trị sản phẩm.

Vận dụng các chính sách khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân, cá thể bỏ vốn, sử dụng tay nghề kỹ thuật phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mua sắm phương tiện vận tải, do vậy khu vực này đã khai hoang đưa vào canh tác hàng trăm ha cà phê, dâu, mía, trang bị thêm máy móc chế biến đường; mở các dịch vụ, sản xuất tôn Pro ximent, tinh dầu xả xỉ, ươm tơ tằm v.v... Giá trị tổng sản phẩm chủ yếu trong khu vực cá thể, tư nhân chiếm 57% trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Sản xuất khu vực cá thể, tư nhân bước đầu mở hướng cho việc phát triển mạnh mẽ nền kinh tế toàn huyện, mà chủ yếu là tạo thêm sản phẩm hàng hoá, từ nguồn thu nhập ở các khu vực đó đã góp phần nâng cao đời sống của các vùng dân cư.

Tuy đạt được những thành tích đáng kể, nhưng việc vận dụng các quan điểm, chính sách mới còn bộc lộ nhiều yếu kém trên nhiều lĩnh vực như: cơ cấu kinh tế chưa hình thành rõ trên từng vùng, từng đơn vị cơ sở; trong nông nghiệp việc chuyển đổi cây trồng không theo quy hoạch; trong lãnh đạo, chỉ

đạo chưa chủ động nắm bắt kịp thời các nhu cầu và khả năng mới khi sản xuất hàng hoá phát triển dẫn đến thiếu chủ động trong sự kết hợp giữa kế hoạch với thị trường nên sản xuất mang tính tự phát, không ổn định.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa đi sâu khai thác sản phẩm của nông-lâm-công nghiệp địa phương, có khuynh hướng chạy theo lợi nhuận trước mắt, sản phẩm vừa ít, vừa kém chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hoá tạo ra chưa tương xứng với khả năng của địa phương, đơn vị.

Lĩnh vực phân phối lưu thông có nhiều diễn biến phức tạp, huy động nguồn hàng tại địa phương ngày càng giảm, nhất là lương thực, thực phẩm. Hoạt động của các ngành phân phối lưu thông khu vực quốc doanh, tập thể ngày càng bị thu hẹp, trong khi đó thị trường tự do bùng ra tràn lan không quản lý được. Nguồn hàng xuất nhập khẩu đang bị bế tắc chưa tìm được hướng đi thích hợp, giá trị ngoại tệ giảm nghiêm trọng; ngân sách không có tích lũy do bị thất thu trong các khu vực, nhất là thu thuế và các nguồn thu ngoài xã hội theo chính sách.

Vận dụng các chính sách đổi mới cơ chế quản lý còn nhiều yếu kém, trong thực hiện chưa xác lập rõ chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế gây chông chéo cản trở trong quá trình sản xuất kinh doanh của cơ sở; việc củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất trong nông nghiệp còn gò ép, thực hiện các chính sách về ruộng đất, khoán sản phẩm trong nông nghiệp chưa giải quyết thoả đáng cho nên chưa thu hút được sức lao động cho sản xuất.

Trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, kể cả quốc doanh, tập thể và các thành phần kinh tế khác, việc tiếp thu vận dụng cơ chế quản lý kinh tế mới còn nhiều lúng túng, thiếu năng động sáng tạo, chưa phát huy đầy đủ quyền tự chủ của cơ sở trong sản xuất kinh doanh.

Thương nghiệp và dịch vụ, việc cung ứng vật tư, lương thực, thực phẩm, hàng hoá khá sôi động, đa dạng phong phú, tuy nhiên mạng lưới thương nghiệp quốc doanh ngày càng thu hẹp. Nhìn chung xu hướng phát triển của các ngành kinh tế dịch vụ vẫn mang tính đơn thuần, chưa chú trọng phục vụ sản xuất, nhất là địa bàn nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Việc thực hiện các chính sách xã hội, Đảng bộ huyện Đơn Dương đã quan tâm chỉ đạo và giải quyết được một số mặt như mở thêm cơ sở sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động, trong nông nghiệp có thêm 1.230 lao động trong các lĩnh vực trồng dâu nuôi tằm, trồng cà phê, chăn nuôi gia súc.

Trong tiểu thủ công nghiệp tăng thêm 600 lao động vào các ngành nghề chế biến được, sản xuất gạch, ngói, chế biến, cơ khí. Các nhu cầu về văn hoá được chú trọng; hệ thống giáo dục phổ thông các cấp cũng như nhà trẻ, mẫu giáo, các trường phổ thông duy trì hoạt động; y tế không để xảy ra dịch bệnh nghiêm trọng.

Tuy vậy, việc thực hiện chính sách xã hội còn nhiều trì trệ, chất lượng giáo dục phổ thông giảm sút, tỷ lệ học sinh ra lớp chỉ đạt 30-34%, giáo dục bổ túc văn hoá không được duy trì, việc kết hợp thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng “Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”, đặc biệt là nguyên lý nhà trường gắn liền với xã hội ít được quan tâm, cơ sở vật chất trường học quản lý chưa chặt chẽ. Mạng lưới y tế mỏng, cơ sở thiết bị, thuốc men chưa đủ đáp ứng nhu cầu phục vụ khám và điều trị, công tác điều trị còn chạy theo mục đích kinh doanh.

Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, huyện đã đầu tư một số công trình phục vụ sản xuất và đời sống như đưa nguồn điện đến một số thôn, buôn, miễn giảm thuế, thực hiện tốt công tác định canh, định cư, lập vườn hộ, phát triển nghề rừng, do vậy đời sống đồng bào từng bước được nâng lên.

Tình hình an ninh chính trị trong những năm 1986-1988 vẫn diễn biến phức tạp trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và kinh tế; kẻ địch tăng cường xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng, nhen nhóm các tổ chức tôn giáo hoạt động trái phép... Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện và các cấp uỷ, sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng và phong trào cách mạng của quần chúng đã cương quyết đấu tranh, trấn áp bọn phản cách mạng, thành tích tiêu biểu nhất là đến cuối năm 1987 đã giải quyết dứt điểm lực lượng vũ trang Fulro ngoài rừng, quản lý được số về đầu hàng, đầu thú, các vụ vi phạm về an ninh chính trị, phạm pháp hình sự, trộm cướp tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân hầu hết được xử lý.

Mạng lưới an ninh nhân dân và dân quân tại cơ sở vẫn được duy trì hoạt động, công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và xây dựng thế trận phòng thủ của các xã đều được triển khai, việc giáo dục luật nghĩa vụ quân sự, công tác gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đảm bảo yêu cầu đề ra, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động thường xuyên ở các xã và cơ quan, đơn vị.

ẢNH CÁC CHIẾN SỸ HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

Củng cố xây dựng thực lực cách mạng trong nhiệm kỳ 1986-1988, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đã thực hiện đầy đủ vai trò triển khai các nghị quyết của Đảng, điều hành các hoạt động của nhà nước, hướng dẫn tổ chức các phong trào hành động cách mạng của quần chúng đạt được nhiều thành tích trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng. Đó là những yếu tố cơ bản, cốt lõi tạo nên kết quả các mặt trong sự lãnh đạo chung của cấp uỷ.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, công tác xây dựng Đảng cũng được tiến hành đồng thời, tính đến cuối năm 1988, Đảng bộ huyện Đơn Dương có 361 đảng viên sinh hoạt ở 30 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 70 đảng viên là nữ và 9 đảng viên là người dân tộc thiểu số.

Tuy đội ngũ đảng viên ít lại phân bố không đều nhưng huyện đã cố gắng sắp xếp tổ chức cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm công tác lãnh đạo nhiệm vụ chính trị. Công tác tổ chức xây dựng Đảng tập trung vào khâu trọng yếu là đào tạo bố trí cán bộ và công tác đảng viên, tổ chức quán triệt kịp thời các nghị quyết của Đảng cho cấp uỷ cơ sở và cán bộ chủ chốt.

Các cấp uỷ chú trọng xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặt trọng tâm lãnh đạo vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch nhà nước giao. Từ đó, phần lớn đảng viên giữ được phẩm chất chính trị, giữ vững sự đoàn kết nhất trí, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu.

Công tác xây dựng Đảng luôn gắn liền với phong trào của quần chúng, có tác dụng mạnh mẽ trong việc củng cố tổ chức Đảng và ngược lại xây dựng tổ chức Đảng mạnh là điều kiện quyết định sự thành công của phong trào quần chúng.

Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức Đảng chưa cao, xây dựng Đảng trên ba mặt chưa đồng bộ, thực hiện quy chế làm việc của từng loại hình cơ sở còn chông chéo, nhất là những đơn vị thực hiện chế độ thủ trưởng thường nhầm lẫn giữa nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng với hoạt động của chính quyền, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa cao.

Nhận thức về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối chính sách của Đảng và năng lực hoạt động thực tiễn của một số đảng viên còn nhiều hạn chế, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động kinh tế; chuyển nhận thức theo quan điểm đổi mới của Đảng còn chậm.

Để đánh giá tình hình kinh tế-xã hội của huyện sau gần 3 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đề ra phương hướng nhiệm vụ trong tình hình mới, nhằm phấn đấu đưa Đơn Dương từng bước vượt qua thử thách, tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, từ ngày 26 đến ngày 27-01-1989, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ V. Về dự Đại hội có 96 đại biểu, thay mặt cho 361 đảng viên của 30 tổ chức cơ sở đảng. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 33 đồng chí (6 đồng chí uỷ viên dự khuyết), Ban thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Minh Xuyên được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Báng làm phó Bí thư Huyện uỷ.

Xuất phát từ tình hình của địa phương, Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm 1989-1991 là: *ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế-xã hội, nắm vững và vận dụng quan điểm phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tập trung sức thực hiện ba chương trình kinh tế. Thực sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là phát triển cây công nghiệp dài ngày và kinh doanh nghề rừng. Đồng thời chú trọng việc sản xuất lương thực, thực phẩm ở những nơi đã sản xuất ổn định.*

Bằng các biện pháp chủ yếu là chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, khai thác mọi năng lực sản xuất, chuyển hướng trồng cây công nghiệp dài ngày và kinh doanh nghề rừng, đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Các chỉ tiêu cụ thể Đại hội đề ra trong ba năm 1989-1991 là: Phấn đấu trồng 2.000 ha cà phê, 1.000 ha dâu, 200 ha cây ăn quả, 1.000 ha mía; với sản lượng 300 tấn cà phê nhân, 200 tấn kén, 3.000 tấn đường thủ công. Trong lâm nghiệp, giao 1.200 ha rừng dọc quốc lộ 21 và các vùng dân cư gần rừng ở 3 xã phía Nam sông Đa Nhim, trồng mới 1.500 ha rừng. Về nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh chiều sâu, ổn định 1.500 ha ngô, trong đó có 1.000 ha chuyên canh, tăng diện tích lúa 2 vụ lên 1.100 ha, giữ diện tích lúa 1 vụ 1.700 ha, sản lượng lương thực đạt 2.500 tấn quy thóc. Tổng giá trị tiểu thủ công nghiệp tăng từ 10-12% hàng năm. Xây dựng cơ bản, thiết kế và thi công hồ Đa Ròn, Suối Tre, MRăng, hoàn thành thiết kế quy hoạch thị trấn Thạnh Mỹ và cụm xã Ka Đơn, xây dựng nhà văn hoá huyện; quy hoạch các tuyến đường giao thông phía Nam sông Đa Nhim.

Thực hiện phương hướng, mục tiêu nêu trên, Đảng bộ huyện Đơn Dương đề ra chủ trương tiếp tục làm chuyển biến về nhận thức tư tưởng trong Đảng

bộ, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, phát triển cây công nghiệp và lâm nghiệp là trọng tâm; biện pháp cụ thể cho từng lĩnh vực: trong nông nghiệp ổn định mức khoán, thời gian khoán tùy theo từng loại cây, cân đối diện tích đất cho xã viên, tập đoàn viên sử dụng canh tác, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân làm kinh tế vườn, khuyến khích tư nhân, cá thể đầu tư vốn, kỹ thuật để phát triển cây công nghiệp dài ngày, nhận đất kinh doanh nghề rừng không hạn chế diện tích theo quy hoạch và kế hoạch.

Trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích mọi tổ chức kinh tế, tư nhân, cá thể, hộ gia đình mở các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phát triển ngành nghề chế biến, ương tơ, làm hàng gia công dưới nhiều hình thức.

Về phân phối lưu thông, tập trung củng cố và chuyển mạnh các hoạt động kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa một cách tích cực, vững chắc, thực hiện cơ chế một giá trong bán vật tư, mua sản phẩm thông qua hợp đồng kinh tế. Các đơn vị sản xuất kinh doanh phải tính đúng, tính đủ chi phí vào giá thành, phí lưu thông, bảo đảm bán có lãi, không đội giá thị trường ở thời điểm bán ra. Những mặt hàng Nhà nước không định giá, đơn vị thông qua liên kết, liên doanh thì được bán theo giá thỏa thuận với người tiêu dùng. Củng cố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là hợp tác xã mua bán, các đơn vị đó trên cơ sở tự kinh doanh, tự trang trải và làm nghĩa vụ nộp ngân sách, mở thêm các quầy hàng đến thôn, tổ chức liên kết, liên doanh và đại lý theo nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

Về chủ trương, biện pháp xây dựng kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc, Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 15 (khoá IV), ngày 6-6-1990 ra Nghị quyết số 22-NQ/TU, nội dung Nghị quyết đề ra mục tiêu tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác định canh, định cư, đảm bảo việc làm, tiến tới chấm dứt nạn thiếu đói giáp hạt, cải thiện đời sống; xây dựng bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, thôn, buôn vững mạnh. Đảng bộ chỉ đạo tiếp tục rà soát, đánh giá, chuyển đại bộ phận hợp tác xã, tập đoàn sản xuất vùng dân tộc sang các hình thức phù hợp như: tổ đoàn kết sản xuất, tổ vận công đổi công, phát triển kinh tế gia đình và kinh tế cá thể. Các nông, lâm trường gắn với buôn làng và sử dụng lao động người dân tộc bằng các cơ chế: khoán, đầu tư ứng trước vật tư, lương thực, thu lại sản phẩm sau.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số huyện uỷ Đơn Dương chủ trương: nơi nào có rừng thì tổ chức làm thí điểm việc giao đất, giao rừng để đồng bào tổ chức sản xuất nghề rừng, soát xét lại

vùng trồng cà phê của đồng bào, xem xét và giúp đỡ đồng bào phát triển trồng mía, dâu ở những nơi có điều kiện. Mở hội nghị bàn về phát triển kinh tế vùng dân tộc, thu hút đội ngũ trí thức, già làng, những người có uy tín trong đồng bào tham gia vào việc xây dựng đời sống, ổn định sản xuất, đóng góp sức mình cho xã hội. Đầu tư kinh phí mở các lớp tập huấn, hướng dẫn cán bộ dân tộc thiểu số cách tổ chức làm ăn và phổ biến kỹ thuật canh tác. Trong nông nghiệp, ổn định mức khoán 5 năm, giao diện tích nhận khoán từ 10-15 năm đối với đất trồng cây lương thực, 20-30 năm đối với diện tích trồng cây công nghiệp và lâu dài đối với đất rừng, bảo hộ quyền thừa kế, sang nhượng thành quả lao động trên đất đã nhận khoán. Thực hiện chính sách xã hội gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, thực hiện công bằng xã hội thông qua điều tiết thu nhập, quan tâm các đối tượng chính sách, gia đình có công cách mạng. củng cố hệ thống truyền thanh khu vực Thạnh Mỹ, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm đảm bảo chất lượng trong công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Về an ninh - quốc phòng, Đảng bộ huyện Đơn Dương đề ra chủ trương phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù, không ngừng xây dựng thực lực cách mạng. Giáo dục và nâng cao nhận thức quốc phòng trong nhân dân, làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị. Xây dựng huyện từng bước trở thành khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm chất lượng, số lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Với những chủ trương và biện pháp đúng đắn, Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường, từng bước khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng lao động, đất đai, thúc đẩy chuyển dịch một bước cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp và dịch vụ. Cải tạo và sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, từng bước xác lập vai trò của kinh tế quốc doanh. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết những vướng mắc về tranh chấp đất đai, ổn định từng bước tình hình phân phối lưu thông. Duy trì và phát triển sự nghiệp văn hoá, xã hội, củng cố vững chắc an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất. Công tác kế hoạch hoá chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng là chủ yếu, mở rộng quyền chủ động của cơ sở, thu hẹp quan hệ sản xuất hiện vật, mở rộng quan

hệ giá trị. Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý, khắc phục dần sự điều hành tác nghiệp của cơ sở.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi do đó đã tạo ra giá trị hàng hoá cao hơn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, sản lượng lương thực hàng năm đạt từ 18-20 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người/năm đạt 300-330 kg. Diện tích trồng cây công nghiệp tăng, trồng dâu nuôi tằm đã tạo thu nhập cao cho một bộ phận nông dân, diện tích và sản lượng mía đường được duy trì, các loại rau thương phẩm tăng...

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhiều hộ xã viên trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, bước đầu giải phóng được năng lực sản xuất, phát huy tiềm năng về vốn, lao động, kỹ thuật của người nông dân. Một số hợp tác xã được quan tâm sắp xếp bộ máy, tổ chức sản xuất theo cơ chế quản lý mới.

Trong lâm nghiệp, đã kết hợp việc khai thác gỗ, củi với công tác trồng rừng tập trung và trồng cây trong vườn hộ, việc chăm sóc rừng, phòng chống cháy rừng đạt được nhiều kết quả.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải theo hướng phục vụ nông, lâm nghiệp phát triển đã tạo ra những mặt hàng đáp ứng yêu cầu xây dựng và đời sống, trong những năm 1989-1991, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Đơn Dương đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng, chế biến mía đường, gia công chế biến nông sản, đặc biệt là chế biến tơ tằm ở khu vực quốc doanh và gia đình, tiêu thụ khoảng 1/5 sản lượng kén của địa phương, giá trị sản lượng toàn ngành đạt gấp 3 lần so với năm 1988.

Về giao thông vận, tải tiến hành sửa chữa một số tuyến đường và làm cầu mới vào các xã phía Nam sông Đa Nhim, năng lực vận tải ngoài quốc doanh tăng khá, các thành phần kinh tế khác cũng tham gia vận tải hàng hoá và hành khách tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho nhân dân.

Kết quả đạt được về kinh tế gắn liền với việc thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư, Đơn Dương đã tập trung xây dựng một số công trình phục vụ sản xuất và đời sống, thực hiện phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm tiến hành đầu tư xây dựng sửa chữa cơ sở vật chất cho ngành y tế, giáo dục, các công trình phúc lợi ở nông thôn, hàng năm đầu tư ngân sách từ 200-300 triệu đồng và huy động trong nhân dân từ 450-600 triệu đồng cho xây dựng cơ bản.

Trong đổi mới kinh tế, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Việc vận dụng các chính sách của Đảng vào thực tiễn địa phương đã xoá bỏ một bước cơ chế bao cấp, tạo ra sự bình đẳng trong sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, giao lưu hàng hoá được mở rộng, hoạt động sản xuất và kinh doanh năng động hơn, có sự cạnh tranh để phát triển. Vận dụng chính sách giá linh hoạt, thoả thuận trong mua bán, do vậy Nhà nước nắm được một phần đáng kể hàng nông sản, chủ yếu là lương thực, kén tằm, đường mía.

Công tác kế hoạch hoá đã chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng, giành quyền chủ động cho đơn vị kinh tế cơ sở, chú trọng hợp đồng kinh tế, mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh. Bộ máy Nhà nước các cấp bước đầu đã nhận thức và từng bước đi vào thực hiện quản lý và điều hành theo chức năng, khắc phục tình trạng can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở.

Sự nghiệp giáo dục-đào tạo được đặc biệt quan tâm, trong điều kiện tiền lương và đời sống của đội ngũ giáo viên có nhiều khó khăn, một bộ phận giáo viên phải bỏ nghề. Trước tình hình đó, huyện quyết định trích một phần ngân sách phụ cấp thêm tiền lương cho giáo viên, do vậy đã có tác dụng động viên đội ngũ giáo viên an tâm công tác, góp phần thúc đẩy giáo dục có bước chuyển biến khá, chất lượng dạy và học ở các trường được nâng lên rõ rệt. Nhiều trường xây dựng được môi trường giáo dục có sự kết hợp giữa gia đình và xã hội và cảnh quan sư phạm tốt, vận động được toàn xã hội và gia đình học sinh tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học và giáo dục thế hệ trẻ, mở ra bước đột phá quan trọng, đưa sự nghiệp giáo dục vượt qua thời kỳ khó khăn gay gắt, chất lượng giáo dục toàn diện, phong trào thi đua “hai tốt” phát triển mạnh mẽ, xuất hiện nhiều tấm gương giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục toàn diện, làm cơ sở cho sự nghiệp giáo dục đi vào thời kỳ phát triển mới khá toàn diện.

Hoạt động y tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân; công tác phòng chống các loại dịch bệnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả ngăn ngừa sự bùng phát và lây lan các loại dịch bệnh. Chất lượng khám, điều trị bệnh cho nhân dân có bước chuyển biến đáng kể; huyện đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất như phòng mổ bệnh viện huyện, củng cố phân viện Thanh Mỹ. Phương châm điều trị kết hợp giữa đông, tây y; tiêm chủng mở rộng được ngành y triển khai thường xuyên.

Công tác giáo dục quốc phòng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, công an viên, công tác huấn luyện và trực sẵn sàng chiến đấu được các cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từ cơ sở. Huyện đề ra chủ trương, kế hoạch về củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phương án tác chiến phòng thủ trên địa bàn huyện, trong đó đặc biệt chú trọng các địa bàn trọng điểm như các xã Thạnh Mỹ, Lạc Lâm, Ka Đô...

Thường xuyên duy trì công tác huấn luyện, từng bước nâng cao chất lượng chính trị và độ tin cậy của lực lượng dân quân tự vệ, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đoàn và phát triển đảng viên, đoàn viên trong lực lượng dân quân tự vệ được chăm lo hơn.

Trong lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, Đảng bộ huyện thường xuyên quán triệt nguyên tắc: kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế; phối hợp đồng bộ và gắn kết chặt chẽ quốc phòng với an ninh trong xây dựng quốc phòng toàn dân, thể trận chiến tranh nhân dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ở cơ sở, là điều kiện bảo đảm môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế; trong kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế luôn luôn gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, thường xuyên phát động phong trào quần chúng tấn công, trấn áp bọn phản cách mạng và các loại tội phạm, chủ động tấn công triệt phá nhiều ổ nhóm lưu manh, côn đồ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đảng bộ huyện Đơn Dương vận dụng sáng tạo, phù hợp đường lối đổi mới của Đảng vào tình hình thực tế, đề ra những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn, lãnh đạo có hiệu quả các lĩnh vực kinh tế-xã hội của địa phương, mở ra những điều kiện thuận lợi cho bước phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V đề ra trên cơ sở tiếp thu và vận dụng các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương. Từ đó, Đảng bộ đề ra nhiều nghị quyết, chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả bước đầu trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 8b-NQ/TW (Khoá VI), Nghị quyết số 15-NQ/TU (Khoá IV) của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ xây dựng chương trình hành động “đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng

và nhân dân”, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng và đạt được những chuyển biến bước đầu, giảm bớt hiện tượng dân chủ hình thức trong sinh hoạt Đảng và hoạt động của đoàn thể, chính quyền. Các tổ chức đoàn thể nhân dân mạnh dạn tham gia phê bình, góp ý kiến cho Đảng và chính quyền các cấp.

Cấp uỷ Đảng, chính quyền, các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức nhiều hình thức tiếp dân, tiếp xúc cử tri, đối thoại, hội thảo, sinh hoạt câu lạc bộ, các diễn đàn, nghiên cứu thăm dò dư luận xã hội, điều tra xã hội học. Cán bộ lãnh đạo các cấp bám sát cơ sở tiếp xúc với nhân dân. Tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân bước đầu được xem xét, giải quyết. Những hoạt động đó tạo động lực mới về tinh thần trong xã hội.

Mặt trận và các đoàn thể, từng bước thực hiện có kết quả chủ trương mở rộng, công khai, phát huy dân chủ trên nhiều lĩnh vực. Trên cơ sở đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng, đẩy nhanh công tác phát triển đoàn viên, hội viên và tập hợp quần chúng vào tổ chức đạt hiệu quả, đồng thời chăm lo giải quyết quyền và lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân như: quyền dân chủ trong xây dựng, củng cố chính quyền, giải quyết việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, thực hiện chính sách hậu phương quân đội...

Kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp đánh dấu những tiến bộ mới về thực hiện dân chủ và ý thức làm chủ của nhân dân trong xây dựng chính quyền, tạo niềm tin của quần chúng đối với công cuộc đổi mới của Đảng.

Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và có nhiều chuyển biến tiến bộ, từng bước sắp xếp, tinh giản bộ máy phù hợp yêu cầu nhiệm vụ. Hoạt động của thường trực Hội đồng nhân dân đi vào nề nếp, định kỳ tổ chức tiếp xúc cử tri, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu tố của công dân. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, thực hiện ba chương trình kinh tế, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội đạt kết quả tốt hơn.

Về xây dựng Đảng, trước tình hình các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô khủng hoảng nghiêm trọng, các thế lực thù địch ra sức chống phá cách mạng quyết liệt nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của các Đảng cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Đảng ta đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TW(Khoá VI), Nghị quyết đánh giá tình hình diễn biến cực kỳ phức tạp, khó khăn của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới; đánh giá về công tác xây dựng Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế; đề ra những quan điểm, nhiệm vụ, chủ trương, giải

pháp đúng đắn, sáng tạo để xây dựng, củng cố trận địa tư tưởng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đảng bộ huyện Đơn Dương đã phổ biến, quán triệt sâu rộng các quan điểm của Đảng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, chú trọng bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lê nin và tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện. Tiến hành khảo sát đánh giá rõ thực trạng các tổ chức cơ sở đảng, đề ra giải pháp, tăng cường cán bộ để củng cố những cơ sở đảng yếu kém và tập trung nâng cao chất lượng đảng viên.¹⁵

Trong nhiệm kỳ 1989-1991, phát triển được 106 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn huyện lên 425 đồng chí. Công tác kiểm tra, xử lý những đảng viên vi phạm được tiến hành thường xuyên, tuy có lúc còn chậm về thủ tục, nhưng các trường hợp vi phạm đều được kiểm tra, xử lý nghiêm túc.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ này do nhiều nguyên nhân tác động, nhất là cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô ngày càng sâu sắc và đặc biệt nghiêm trọng, một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên hoài nghi về chế độ xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng, mất phương hướng và suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng trong Đảng xuất hiện. Cán bộ đảng viên băn khoăn về mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, cá biệt có đồng chí tư tưởng bị dao động nhưng đã được chấn chỉnh kịp thời.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, sau hai kỳ Đại hội Đảng bộ huyện, công cuộc đổi mới ở địa phương bước đầu đã thu được một số kết quả khả quan.

Nền kinh tế có chuyển biến, năng lực sản xuất được phát huy, tổng sản phẩm xã hội tăng 2,4 lần, thu nhập quốc dân tăng 2,5 lần. Nông nghiệp phát triển theo hướng tăng nhanh cây công nghiệp, sản xuất hàng hoá từng bước hình thành. Tiềm năng thế mạnh được khai thác tốt hơn, cơ sở vật chất tăng

¹⁵ Qua kiểm tra chất lượng đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và phân loại đảng viên, trong năm 1991, số chỉ bộ yếu kém có phần đầu vươn lên khá hơn, số đảng viên đủ tư cách 377/425 (đạt 88%), số đảng viên vi phạm là 41, đưa ra khỏi Đảng 5 và các hình thức khác là 2.

thêm, đời sống của một bộ phận nhân dân vùng cây công nghiệp, vùng rau, cây ăn quả được cải thiện; đồng bào dân tộc một số nơi đã ý thức và chuyển đổi được cách làm ăn mới. Tình hình chính trị, an ninh trật tự tại địa phương ổn định.

Kết quả trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, phù hợp; việc vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng vào thực tế địa phương có hiệu quả, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Qua thực tiễn, Đảng bộ có thêm nhận thức, kinh nghiệm mới về chỉ đạo nhiệm vụ kinh tế-xã hội, xây dựng bộ máy và phong cách làm việc.

Chương II

TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CÓ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1991-1995)

1. Vượt qua khó khăn thử thách, phát triển kinh tế xã hội, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế

Năm 1991, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch đứng đầu là đế quốc Mỹ tăng cường tấn công chống phá cách mạng xã hội chủ nghĩa, phong trào cách mạng thế giới lâm vào thoái trào. Bối cảnh thế giới tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, tư tưởng, kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh của nước ta. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hoang mang dao động, thậm chí mất phương hướng; bọn phản động và cơ hội trong nước lợi dụng để tuyên truyền chống phá cách mạng nhằm âm mưu xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; sự nghiệp đổi mới phải đương đầu với nhiều khó khăn thách thức.

Từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tiến hành tại thủ đô Hà Nội. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ và chiến lược ổn định, phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000. Nghị quyết Đại hội khẳng định con đường phát triển của đất nước: xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhằm đẩy mạnh và phát triển ba chương trình kinh tế lớn, tiếp tục công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (vòng 2) từ ngày 20 đến 23-10-1991, về dự Đại hội có 99 đại biểu thay mặt cho 425 đảng viên của 29 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ.¹⁶

ANH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ VI

Đại hội Đảng bộ huyện tập trung vào 3 nội dung: thảo luận góp ý các Văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, tiến hành kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội và kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1989-1991, đề ra phương hướng, nhiệm vụ kinh tế-xã hội 5 năm 1991-1995.

Đại hội nhận định: bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, phong trào cộng sản và công nhân thế giới đứng trước thử thách to lớn sau những biến động về chính trị ở Đông Âu và Liên Xô. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” chống phá quyết liệt phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với nước ta, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch càng siết chặt bao vây, cấm vận cả về chính trị và kinh tế với nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm thực hiện âm mưu xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tình hình đó đã làm ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm và mọi mặt của đời sống xã hội nước ta nói chung và địa phương nói riêng.

Nền kinh tế xã hội của Đơn Dương chưa ổn định, thu không đủ chi, chưa có tích lũy nội bộ. Hướng phát triển và điều kiện phát huy thế mạnh kinh tế chưa đủ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn; đời sống của phần lớn nhân dân nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn thấp; số người chưa có việc làm và việc làm chưa ổn định tăng thêm; hiệu lực quản lý của Nhà nước chưa nghiêm; tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công tác quản lý theo cơ chế mới. Trật tự kỷ cương, pháp luật đôi lúc còn buông lỏng; hiện tượng tiêu cực, lãng phí còn phổ biến.

Xuất phát từ thực tế của địa phương, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1991-1995: *Phát huy ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn thử thách, thực sự giải phóng năng lực sản xuất, khuyến khích các thành*

¹⁶ Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ VI (vòng I) được tiến hành từ ngày 23 đến ngày 25 tháng 3 năm 1991, dự Đại hội có 93 đại biểu.

phần kinh tế đẩy mạnh đầu tư, hình thành cơ cấu kinh tế nông-lâm-công nghiệp, từng bước tăng tổng sản phẩm xã hội, khai thác mọi tiềm năng về lao động, đất đai, cơ sở hạ tầng, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và các vấn đề xã hội. Giữ vững sự ổn định về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh chống tiêu cực, hạn chế bất công trong xã hội.

Đại hội đã bầu 27 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Khoá VI) và 9 đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ, đồng chí Phạm Báng được bầu làm Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Ngô Đình Bốn làm Phó bí thư.

Sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, từ ngày 20 đến ngày 22-11-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ V (vòng 2) được tiến hành tại thành phố Đà Lạt. Trên cơ sở đánh giá một cách nghiêm túc kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 5 năm 1991-1995 là: *Tăng cường đoàn kết thống nhất toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn thử thách, khai thác có hiệu quả tiềm năng và thế mạnh của địa phương đi đôi với mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài, tỉnh ngoài, từng bước ổn định và phát triển kinh tế-xã hội; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo được tích lũy từ nội bộ nền kinh tế; đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững an ninh và trật tự an toàn xã hội; phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng, khắc phục bất công xã hội; đồng thời chuẩn bị đủ điều kiện để tranh thủ mọi thời cơ phát triển nhanh nền kinh tế-xã hội của tỉnh trong những năm sau.*

Quán triệt phương châm chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ V, Huyện uỷ đề ra những chủ trương, nhiệm vụ thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh tế-xã hội và xây dựng hệ thống chính trị, trong đó tập trung đẩy mạnh thực hiện ba chương trình kinh tế: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Giải phóng năng lực sản xuất, khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế, tạo nhiều sản phẩm hàng hoá, phấn đấu tăng giá trị tổng sản phẩm xã hội, huy động vào ngân sách huyện từ 10 đến 12% thu nhập quốc dân hàng năm.

Phấn đấu giải quyết việc làm cho người lao động, giảm mạnh hiện tượng tăng dân số, từng bước cải thiện đời sống về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa

bệnh cho nhân dân. Có chủ trương, biện pháp cụ thể đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục sắp xếp lại sản xuất, cơ cấu đầu tư, tăng thêm cơ sở vật chất hạ tầng, xây dựng và củng cố kinh tế quốc doanh, tập thể.

Giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù và trấn áp tội phạm. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, sắp xếp tổ chức cán bộ và xây dựng cơ sở.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI, Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương đã ra sức khắc phục khó khăn, tranh thủ những thuận lợi, phấn đấu và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng.

Trong nông nghiệp, đã chuyển đổi nhanh cơ cấu cây trồng theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hoá và cơ chế thị trường. Giá trị sản phẩm hàng hoá nông nghiệp tăng 30% so với năm 1991, trong đó trồng trọt tăng 32%., chăn nuôi tăng 26%. Về trồng trọt đã chuyển dần sang thâm canh, đa dạng hoá các loại cây trồng; bước đầu áp dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất nên tạo ra năng suất cao trong một số sản phẩm chủ yếu. Tổng sản lượng quy thóc bình quân hàng năm 17.000 tấn, đạt 92% so với chỉ tiêu Đại hội VI đề ra. Các loại cây công nghiệp như cà phê, mía do giá cả hợp lý nên từng bước ổn định, cây dâu phát triển mạnh, có năm đạt tới 2.500 ha. Đặc biệt cây rau chiếm tỷ trọng về giá trị sản phẩm hàng hoá cao nhất trong trồng trọt, diện tích rau đạt 417% và sản lượng đạt 366% so với năm 1991. Chăn nuôi gia súc hàng năm tăng từ 10 đến 12%, công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm thường xuyên.

Trong lâm nghiệp, xác định nhiệm vụ hàng đầu là khâu lâm sinh, bảo vệ rừng, gắn phát triển vốn rừng với phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giao được 3.181 ha cho 196 hộ gia đình để khoanh nuôi, bảo vệ, lập vườn rừng, trong đó có 91 hộ đồng bào dân tộc nhận 2.598 ha, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc, chấm dứt tình trạng chặt phá rừng làm rẫy. Tăng cường các biện pháp quản lý lâm sản, xử lý kiên quyết tình trạng khai thác rừng, buôn bán lâm sản trái phép. Tích cực tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho toàn dân; công tác trồng rừng được quan tâm đúng mức, trồng được 766 ha rừng và 280.000 cây phân tán.

Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển chế biến nông, lâm sản, nâng cao giá trị sản phẩm có giá trị kinh tế cao từ nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển mạnh sản xuất vật liệu xây dựng,

gia công cơ khí và sản xuất hàng tiêu dùng nhằm giải quyết việc làm cho người lao động, thúc đẩy tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ phát triển.

Giá trị sản lượng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng hàng năm từ 8-10%, bình quân hàng năm 11,3 tỷ đồng, sản phẩm chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn trong ngành là sản phẩm dịch vụ lao động và chế biến nông, lâm sản.

Các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển với quy mô, hình thức đa dạng và có đan xen, hợp tác trong quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng thích ứng hơn với nền kinh tế, hàng hoá trong cơ chế thị trường, các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn huyện được tổ chức, sắp xếp lại và từng bước chuyển giao, quản lý kinh tế kỹ thuật theo Nghị định 388/HĐBT. Về hợp tác đầu tư, có 2 dự án với 100% vốn nước ngoài được cấp giấy phép đi vào hoạt động, chủ yếu sản xuất hạt giống và chế biến rau xuất khẩu. Kinh tế tư nhân, cá thể, hộ gia đình phát huy được nguồn nhân lực, đất đai, vốn, ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật, góp phần giải quyết việc làm.

Thương mại, dịch vụ phát triển theo chiều hướng tích cực, giá trị hàng hoá tăng gấp ba lần so với năm 1990, phát triển giao lưu hàng hoá giữa các vùng, đảm bảo các mặt hàng chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số. từ đó, khơi dậy tiềm năng, thế mạnh và giải phóng sức sản xuất trong xã hội. Đến năm 1995, toàn huyện có 3 công ty trách nhiệm hữu hạn, 2 hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ vận tải, trên 10 doanh nghiệp tư nhân và 234 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp với quy mô và hình thức khác nhau, có 1.039 hộ đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 66/CP của Chính phủ.

Xây dựng cơ bản gắn với xây dựng nông thôn, hình thành các cụm dân cư tập trung, tranh thủ nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cấp, hoàn chỉnh một số tuyến đường, các công trình thuỷ lợi, từng bước hình thành các trung tâm xã, cụm xã; tiếp tục thực hiện các công trình chuyển tiếp và xây dựng một số công trình mới phục vụ sản xuất, đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân. Giá trị toàn ngành đạt 10,3 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 2 tỷ đồng.

Trên cơ sở thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, đạt hiệu quả cao đã tăng nhanh nguồn thu ngân sách nhà nước. Công tác huy động ngân sách có những cố gắng nhất định nhằm đảm bảo các khoản chi thiết yếu, bước đầu tích lũy được từ nội bộ nền kinh tế. Tổng thu ngân sách 5 năm là 16,8 tỷ, bình quân mỗi năm thu 3,4 tỷ đồng, chi là 2,3 tỷ đồng. Ngân hàng có nhiều cố gắng

trong huy động vốn, trong 5 năm tăng thu 7,2 tỷ đồng, cho trên 10.000 lượt người vay vốn với số tiền đầu tư 48 tỷ đồng. Công tác tiền tệ và doanh số hàng năm đều tăng, bội chi tiền mặt có xu hướng giảm, mở rộng thanh toán thu hút tiền mặt phục vụ kịp thời nhu cầu chi, góp phần đẩy lùi lạm phát.

Cùng với phát triển kinh tế, tình hình xã hội cũng có nhiều chuyển biến tích cực, nét nổi bật bước đầu là huy động các cấp, các ngành, các tổ chức chăm lo và giải quyết các vấn đề xã hội. Tính năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được khơi dậy, phát huy tiềm năng về vốn, lao động, đất đai để cải thiện cuộc sống gia đình và góp phần xây dựng đất nước. Do vậy, đời sống của đa số nhân dân được cải thiện một bước, nhất là nhân dân ở các thị trấn và những vùng trồng cây công nghiệp, rau thương phẩm và cây ăn quả. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm đều tăng, năm 1995 ước đạt 250 USD.

Thực hiện chủ trương giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo, huyện Đơn Dương xây dựng nhiều dự án nhằm ổn định sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân. Đến năm 1995, có 15 dự án giải quyết việc làm với số vốn đầu tư 982 triệu đồng và 3 dự án xoá đói giảm nghèo với số vốn đầu tư là 210 triệu. Từ đó, đời sống của những hộ nghèo từng bước được cải thiện, tình trạng đói giáp hạt ngày mỗi giảm. Các đối tượng thuộc diện chính sách được quan tâm chăm lo thường xuyên, tiến hành xây dựng 14 nhà tình nghĩa, quy tập mộ liệt sĩ, gây quỹ tình thương, gây quỹ bảo trợ chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Quá trình thực hiện các nghị quyết của Trung ương, huyện Đơn Dương đã đầu tư 2 dự án 327 với số vốn là 2 tỷ đồng, các dự án phát triển kinh tế-xã hội khác tiếp tục được triển khai, việc chuyển đổi cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá được áp dụng ở nhiều vùng, có 300 ha dâu, 50 ha cà phê và một số diện tích rau thương phẩm, bước đầu hình thành tư duy sản xuất hàng hoá, hoà nhập cuộc sống cộng đồng trong thời kỳ mở cửa và kinh tế thị trường. Thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng nên hạn chế được nạn phá rừng làm rẫy, giảm được 20 lần diện tích rừng bị phá so với năm 1991. Việc đưa điện vào 2/4 xã vùng dân tộc thiểu số không những đáp ứng nhu cầu sinh hoạt mà còn mở ra hướng làm ăn mới cho nhân dân. Đã vận động và giải quyết nhiều hộ đồng bào dân tộc Cĩ định canh, định cư ổn định cuộc sống.

Công tác giáo dục, y tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm thường xuyên, có nhiều chuyển biến tốt, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được ra lớp ở bậc tiểu học đạt 98%, ở bậc trung học cơ sở đạt 60%, chăm sóc sức

khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh; xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị nhằm bảo đảm cho công tác khám chữa bệnh.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội được đảm bảo, không xảy ra những phức tạp lớn. Hệ thống chính trị ở các xã, thôn có nhiều chuyển biến tích cực, đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành cả số lượng và chất lượng. Lòng tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối Đảng, Nhà nước được củng cố và tăng lên.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như năng suất cây trồng thấp, nông dân còn rất lúng túng trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi. Diện tích vườn được đầu tư thấp, số hộ có vườn không nhiều, tình trạng thiếu đất sản xuất lớn, hộ có diện tích dưới 0,2 ha/người là 2378/3911 hộ. Trong khi đó tình trạng cho thuê đất lâu dài, mua bán, sang nhượng trái phép còn xảy ra ở nhiều nơi.

Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hệ thống kênh mương thủy lợi. Một số nơi, đồng bào chưa có ý thức bảo vệ, sử dụng tốt các công trình đã được đầu tư xây dựng.

Việc cung cấp hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu vẫn do tư thương thực hiện. Do đó, tình trạng nâng giá, ép giá vẫn còn xảy ra khá phổ biến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao, hộ có thu nhập dưới 80.000đ/ người/ tháng là 2673/3911 hộ chiếm tỷ lệ 68,3%. Khoảng cách giàu nghèo của đồng bào kinh nơi khác đến định cư so với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ còn lớn. Đây cũng là yếu tố dễ kích động gây chia rẽ mất đoàn kết.

Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em vùng dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi còn cao. Trình độ dân trí thấp, chậm được nâng lên. Công tác đào tạo nhân lực là con em người dân tộc thiểu số chưa theo quy hoạch, cán bộ viên chức là người dân tộc thiểu số còn ít.

Thực lực cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn mỏng và yếu, tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nhiều nhân tố có khả năng gây mất ổn định. Tình trạng tranh chấp đất đai, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân vẫn xảy ra. Hoạt động tôn giáo trái phép có chiều hướng gia tăng, tập tục lạc hậu và tình trạng mê tín dị đoan chưa được xóa bỏ triệt để.

Đề khắc phục những yếu kém trên Đảng bộ huyện Đơn Dương đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số là: *Thực hiện nhất quán chủ trương của Đảng về đoàn kết các dân tộc, đoàn kết giữa đồng bào kinh và đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến mạnh mẽ và đồng bộ về tư tưởng và nhận thức về công tác dân tộc của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Quan tâm nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, phát huy ý thức tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xoá cơ bản nạn đói, giảm hộ nghèo. Từng bước ổn định và cải thiện đời sống. Xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh.*

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo có nhiều cố gắng, việc đa dạng hoá các loại hình trường, lớp được Đảng bộ quan tâm, tập trung củng cố các trường lớp hiện có, xây dựng thêm một số trường mẫu giáo dân lập, nhóm trẻ gia đình, từng bước hình thành trường bán công. Tiếp tục tiến hành xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học; chú trọng đẩy mạnh công tác chuẩn hoá và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và tâm huyết nghề nghiệp. Tỷ lệ học sinh hàng năm tăng 10%, số học sinh bỏ học ngày càng giảm (cấp 1 giảm 2,3%, cấp 2 giảm 5% so với năm 1991); có 8 trong số 9 xã và thị trấn được công nhận phổ cập tiểu học. Kinh phí xây dựng, tu sửa trường, lớp hàng năm đều tăng, tổng số vốn huy động là 1,5 tỷ đồng.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân và dân số kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ, huyện đã thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia và tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, củng cố y tế cơ sở. Tăng cường quản lý các hoạt động hành nghề y, dược tư nhân, góp phần chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Hoạt động văn nghệ, thể dục-thể thao với các loại hình hoạt động đa dạng, tổ chức nhiều buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng, chiếu phim lưu động, giao lưu thi đấu bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cờ tướng... thu hút đông đảo thanh niên và các tầng lớp nhân dân trong huyện tham gia.

Lĩnh vực quốc phòng-an ninh thường xuyên được Đảng bộ quan tâm, tăng cường lãnh đạo xây dựng quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1991-1995, có nhiều yếu tố tác động ảnh hưởng đến tình trạng an ninh chính trị của địa phương và tư tưởng trong nội bộ nhân dân sau sự kiện Đông âu và Liên Xô

sụp đổ; bên cạnh đó kẻ thù lại thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” dưới nhiều hình thức và thủ đoạn tinh vi; vấn đề tôn giáo, dân tộc tiếp tục nảy sinh những phức tạp mới. Trong một bộ phận nông dân có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai mà chưa kịp thời giải quyết. Trước tình hình đó Đảng bộ cùng với chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, giáo dục tư tưởng, nâng cao cảnh giác cách mạng, tuyên truyền vạch rõ những âm mưu thủ đoạn của địch, duy trì thường xuyên phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm ngăn chặn kịp thời những âm mưu thủ đoạn của địch và các phần tử xấu; ngăn ngừa, đấu tranh với các phần tử kích động, chống phá cách mạng, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội... góp phần làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành nội chính với sự tham gia của các đoàn thể quần chúng, qua đó phát hiện 17 vụ tham ô, hối lộ với giá trị thiệt hại gần 200 triệu, khởi tố 25 trường hợp và đề nghị xử lý hành chính 38 trường hợp khác.

Quán triệt và thực hiện đường lối quốc phòng toàn dân của Đảng, trên địa bàn huyện đã xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ, tổ chức huấn luyện, diễn tập các phương án tác chiến; đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, từng bước nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu. Đến năm 1995, lực lượng dân quân tự vệ đạt 2,5% dân số, không có thôn trắng, có 3/9 xã, thị trấn có tổ chức Đảng trong lực lượng dân quân tự vệ, công tác tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

2. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới

Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng: phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, là yếu tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng của các tổ chức cơ sở đảng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Huyện uỷ đề ra kế hoạch, chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng Đảng; nâng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, bản lĩnh chính trị và lòng tin của đảng viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Tiến hành sắp xếp và chấn chỉnh các tổ chức cơ sở đảng, các phòng ban của chính quyền, thành lập Ban cán sự Đảng và Đảng đoàn theo quy định của

Trung ương. Chất lượng sinh hoạt và tác dụng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng có quy chế hoạt động và cải tiến nội dung sinh hoạt. Qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, chất lượng các tổ chức cơ sở đảng có nhiều tiến bộ. Năm 1990, chưa có tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, có 6 tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Đến năm 1995, trong tổng số 28 tổ chức cơ sở đảng đã có 8 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, 18 cơ sở khá và 2 cơ sở yếu. Chất lượng đảng viên được nâng lên, số đảng viên tiên phong gương mẫu đạt 57,7%, (tăng gấp 2 lần so với năm 1991), số đảng viên giữ gìn phẩm chất tốt nhưng năng lực hạn chế đạt 36,3%; số vi phạm tư cách nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng là 4,1% và số vi phạm nặng phải đưa ra khỏi Đảng là 1,9%. Công tác tạo nguồn và phát triển Đảng được quan tâm thường xuyên, trong 5 năm kết nạp được 112 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 450 đồng chí.

Qua kiểm tra toàn diện các xã, thị trấn về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, nhiều cơ sở đảng được củng cố về tổ chức, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, nhiều nơi đã chú trọng công tác quản lý, phân công công tác cho đảng viên. Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ và các tổ chức cơ sở đảng tiến hành thường xuyên công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.¹⁷ Huyện mở các lớp trung cấp lý luận chính trị phổ thông, quản lý nhà nước; cử một số đồng chí theo học các trường của tỉnh và Trung ương. Qua đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, đa số vận dụng được kiến thức đã học vào thực hiện nhiệm vụ trong từng lĩnh vực cụ thể, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

Từng bước kiện toàn hệ thống Nhà nước từ huyện đến cơ sở thông qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã, bước đầu có sự đổi mới về phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy dân chủ, kịp thời cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng để tổ chức thực hiện. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là Hội đồng nhân dân huyện bước đầu có đổi mới, phát huy dân chủ, đa dạng hoá các loại hình tập hợp quần chúng, hướng mạnh hoạt động về cơ sở, qua đó tập hợp lực lượng đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội của địa phương. Đồng thời, Mặt

¹⁷ Trong nhiệm kỳ đã kiểm tra 691 lượt đảng viên, qua đó phát hiện 83 trường hợp sai phạm và xử lý kỷ luật 54 trường hợp với các hình thức: khai trừ 22, cách chức 8, cảnh cáo 11, khiển trách 13 và đã kiểm tra 37 lượt tổ chức cơ sở đảng, trong đó 86% số tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt tất cả các mặt.

trận và các tổ chức quần chúng xây dựng được nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được tâm tư, tình cảm của quần chúng như: Phong trào thanh niên giữ nước, công tác chuyển giao khoa học-kỹ thuật, phong trào nông dân sản xuất giỏi, giúp nhau làm kinh tế gia đình, tín chấp cho đoàn viên, hội viên vay vốn để sản xuất kinh doanh, xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, tổ chức các hoạt động của hội tự quản trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua hoạt động của phong trào, quần chúng mạnh dạn tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và đoàn thể được củng cố, nhất là trong quá trình thực hiện Nghị quyết 8b của Trung ương; lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và tin tưởng vào sự thành công của sự nghiệp đổi mới được nâng lên rõ rệt.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phấn đấu hoàn thành cơ bản các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Những thành tích đạt được là kết quả tổng hợp của quá trình 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng ở địa phương, là tiền đề để Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương tiếp tục vươn lên, phát huy thế mạnh, khai thác tiềm năng, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội trong những năm tiếp theo.

Chương III

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1995- 2005)

1. Khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, tạo bước tăng trưởng nhanh về kinh tế

Để đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, thiếu sót trong thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 1991-1995, đồng thời đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ mới, từ ngày 22 đến ngày 24-3-1996, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VII, với sự tham gia của 98 đại biểu, thay mặt cho hơn 450 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

ANH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ VII

Đại hội nêu rõ: bước vào thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 1996-2000 trong điều kiện nước ta có nhiều thời cơ thuận lợi, sự kiện Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam và nước ta trở thành thành viên chính thức của ASEAN đã tạo điều kiện cho cả nước cũng như địa phương trong việc mở

rộng quan hệ hợp tác về kinh tế-xã hội với nước ngoài nhằm tiếp thu những công nghệ tiên tiến phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá của Đơn Dương.

Quán triệt và nhận thức đúng đắn các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ huyện đánh giá những thành tựu đạt được bước đầu trên các lĩnh vực, kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị đã và đang được phát huy, là tiền đề để tiếp tục phấn đấu cho những năm tiếp theo. Mặt khác đời sống của phần lớn nhân dân được ổn định và cải thiện, tạo được niềm tin và sự ủng hộ vào sự thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, thử thách gay gắt đối với Đảng bộ và nhân dân trong huyện là nguy cơ tụt hậu kinh tế so với các địa phương khác, nguyên nhân do điều kiện sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt, thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định, điểm xuất phát ban đầu rất thấp, cơ sở vật chất nghèo nàn, nền kinh tế còn mất cân đối trên nhiều mặt. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ của huyện vừa thiếu lại vừa yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn mới. Trong lúc đó, các thế lực thù địch và các phần tử bất mãn với chế độ đang tiếp tục âm mưu chống phá cách mạng. Tệ nạn xã hội chậm được khắc phục, dân số tăng nhanh, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Đó là những vấn đề cấp bách cần được quan tâm giải quyết.

Để vượt qua những thách thức và khó khăn nêu trên, đòi hỏi Đảng bộ, quân và dân Đơn Dương phát huy hơn nữa truyền thống tự lực, tự cường, chủ động sáng tạo nhằm sớm đưa huyện nhà thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tạo ra thế và lực mới để phát triển đi lên.

Xuất phát từ những thuận lợi, khó khăn của địa phương, Đại hội đề ra mục tiêu phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1996-2000 là: *Tạo sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp, tính năng động sáng tạo của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương nhằm ổn định về chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, tạo bước tăng trưởng nhanh về kinh tế đi đôi với giải quyết tốt những vấn đề bức xúc của xã hội, đưa Đơn Dương thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu và kém phát triển, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tiếp tục ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề cần thiết để phát triển mạnh mẽ sau năm 2000.*

Hoàn thiện cơ cấu kinh tế nông-lâm-công nghiệp và dịch vụ, tiếp tục giải phóng sức sản xuất, khai thác sử dụng các nguồn lực bên trong, tranh thủ tối

đa các nguồn lực bên ngoài để đạt nhịp độ tăng trưởng GDP hàng năm từ 12-15%, phấn đấu đến năm 2000 thu nhập bình quân đầu người đạt 450-500 USD, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo ra những chuyển biến mới trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trọng tâm là vừa đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, vừa phát triển các cơ sở công nghiệp, chế biến nông, lâm sản, phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu và kêu gọi vốn đầu tư để mở rộng sản xuất.

Đại hội bầu 33 đồng chí uỷ viên vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VII, Ban Thường vụ Huyện uỷ 11 đồng chí, đồng chí Ngô Đình Bốn được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Thành Long và đồng chí Nguyễn Đức Bình làm Phó bí thư Huyện uỷ.

Để thực hiện mục tiêu phương hướng của Đại hội, Đảng bộ huyện đề ra chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp là: đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông-lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với thị trường và các cơ sở công nghiệp chế biến. Từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất nông nghiệp, chuyển cơ cấu sản xuất nặng về thuần nông sang cơ cấu sản xuất nông-lâm-công nghiệp và dịch vụ một cách hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp theo hướng giữ vững diện tích lúa nước ở những nơi điều kiện sản xuất ổn định, phấn đấu đạt sản lượng lương thực từ 18-19 ngàn tấn, bảo đảm cân đối lương thực trên địa bàn huyện; thay thế giống mới đối với cây lúa, cây bắp và đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.

Duy trì và phát triển ổn định cây rau thương phẩm, xác định vùng chuyên canh hợp lý, chú trọng công tác bảo vệ thực vật, thử nghiệm và trồng các loại rau mới nhằm tạo thêm sản phẩm hàng hoá, tăng thu nhập của người dân và trao đổi lương thực, tìm nguồn liên doanh hợp tác chế biến rau, tạo nguồn hàng xuất khẩu. Phấn đấu đạt 4.000-4.500 ha rau hàng năm với sản lượng hàng hoá đạt trên 100.000 tấn. Duy trì cây dâu với diện tích trên 2.000 ha, chủ động và quan hệ với các ngành hữu quan tìm biện pháp hữu hiệu nhằm tổ chức phương thức thu mua kén tằm hợp lý, tạo điều kiện cho cây dâu đứng vững. Khuyến khích trồng các loại cây như mía, cà phê, cây ăn quả chú trọng ở vùng có điều kiện đất đai khí hậu phù hợp. Phát triển chăn nuôi tương ứng với trồng trọt.

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phải nhanh chóng tu sửa, xây dựng các công trình thuỷ lợi, triển khai các chương trình khuyến nông có kết quả,

mở rộng liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, tăng cường mạng lưới dịch vụ nông nghiệp.

Để sử dụng ruộng đất có hiệu quả, cần phải phân đấu đo đạc cấp quyền sử dụng đất hoàn thành vào năm 1997, làm cơ sở để giải quyết vấn đề tranh chấp đất đai, tiến tới quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế-xã hội trên phạm vi toàn huyện.

Thực hiện phương châm phát triển kinh tế rừng gắn với kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh giao khoán quản lý bảo vệ rừng. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư theo các chương trình dự án để tổ chức trồng rừng, lập vườn rừng, xây dựng vành đai chắn gió, chống xói mòn đất ở các xã phía Nam sông Đa Nhim, phủ xanh đất trống đồi trọc, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, có biện pháp hạn chế nạn cháy rừng, quản lý tài nguyên lâm, khoáng sản.

Phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tiếp tục phát triển các dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng mộc gia dụng, mía đường, kén tằm, các ngành nghề cơ khí, may mặc; đẩy mạnh hình thức liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ tiên tiến, cải tạo cơ sở sản xuất, đầu tư trang thiết bị, xây dựng mới các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phân đấu giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm từ 20-25% nhằm thúc đẩy chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế của huyện.

Khai thác mọi nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức cá nhân trong và ngoài huyện đầu tư phát triển các ngành chế biến, dịch vụ, thương mại, vận tải, phân đấu đưa các ngành dịch vụ sản xuất bình quân thời kỳ 1996-2000 tối thiểu đạt từ 17-19%.

Khôi phục hợp tác xã dịch vụ vận tải, cân đối năng lực vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách, quản lý chặt chẽ an toàn giao thông. Từng bước mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc vào các xã phía Nam sông Đa Nhim, tăng số đầu máy điện thoại, phát triển đa dạng các dịch vụ bưu điện, nâng chất lượng phát hành thư tín, báo chí kể cả vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, huy động mọi nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho các chương trình kinh tế-xã hội của huyện, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, ưu tiên tu sửa các công trình thuỷ lợi Próch, R'Lom, các trạm bơm, chuẩn bị thi công công trình

thuỷ lợi Đa Ròn, quy hoạch một số vùng hạ lưu sông Đa Nhim nhằm phục vụ phương án phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, triển khai xây dựng các khu trung tâm xã.

Nâng cao chất lượng các tuyến giao thông huyện, xã, phát triển đường nông thôn theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, xây dựng một số cầu ngầm qua sông Đa Nhim, tu sửa đường 413 từ Ka Đơn đi Tu Tra, khôi phục đường 412 từ Kăn Kil đi Ka Đô. Phấn đấu hoàn thành các công trình nhà văn hoá, đài tưởng niệm liệt sĩ trong năm 1996. Xây dựng trung tâm y tế huyện, tu sửa các trạm xá, xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp nhằm xoá học ca ba, lập lại trật tự kỷ cương trong xây dựng cơ bản, giải quyết hành lang an toàn giao thông theo quy hoạch của Nhà nước.

Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển các thành phần kinh tế. Tạo môi trường điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn huyện nhằm khắc phục trì trệ, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mở rộng liên kết các thành phần kinh tế, từng bước vươn lên đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế địa phương.

Đổi mới kinh tế hợp tác, phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình, khơi dậy tính năng động, sáng tạo của nhân dân trong phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW ngày 24-5-1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế” và Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 17-10-1996 của Tỉnh uỷ về “củng cố và phát triển kinh tế hợp tác”; Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện việc xây dựng, củng cố hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, cùng có lợi. Số hợp tác xã làm ăn khá thì có hướng củng cố đổi mới hình thức hoạt động phù hợp để tiếp tục phát triển, số yếu kém phải cương quyết xử lý; tổ chức các hình thức hợp tác mới theo tinh thần kinh doanh nhiều ngành, nhiều khâu tuỳ nhu cầu, nguyện vọng và lợi ích của xã viên theo luật hợp tác xã.

Kinh tế hộ gia đình là bộ phận đông đảo có tiềm năng to lớn, Nhà nước cần tạo điều kiện hỗ trợ trong vay vốn, nắm bắt thông tin tiến bộ về kỹ thuật, giao lưu thị trường, từng bước hướng dẫn tạo điều kiện để kinh tế hộ gia đình đi vào làm ăn hợp tác, tự nguyện, cùng có lợi.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn, nâng cao năng lực sản xuất dưới các hình thức trang trại, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần theo luật khuyến khích đầu tư trong nước, luật công ty. Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hình thức liên kết, liên doanh.

Tăng cường quản lý Nhà nước đối với các thành phần kinh tế, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chính sách, pháp luật, uốn nắn lệch lạc, đảm bảo phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường các biện pháp tạo vốn, sử dụng vốn có hiệu quả trong đầu tư phát triển sản xuất, đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu ngân sách của trên giao hàng năm. Ngoài việc tận thu theo luật định và chống thất thu phải làm tăng nguồn thu và triệt để khai thác các nguồn thu để bảo đảm chỉ tiêu thường xuyên ở mức cần thiết, hợp lý theo nội dung, phạm vi phân cấp ngân sách. Hàng năm phải giành một lượng dự phòng cần thiết về ngân sách tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Tăng cường kiểm tra tài chính ngân sách ở các xã, thị trấn; có chính sách cụ thể nhằm huy động các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế ở địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện để đầu tư cho phát triển kinh tế-xã hội. Phần đầu huy động vào ngân sách từ 10-12% so với GDP.

Sớm ổn định định canh, định cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phân đầu hoàn thành vào năm 2000, chấm dứt nạn phá rừng làm rẫy, giao khoán bảo vệ diện tích rừng hiện có. Cải thiện đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số bằng cách đẩy mạnh sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm đảm bảo đủ ăn, không thiếu đói trong mùa giáp hạt. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương.

Đẩy mạnh tiến độ lập vườn hộ, hỗ trợ giúp vốn để đồng bào chuyển nhanh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các loại rau thương phẩm, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đầu tư nâng cấp một số cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học, trạm xá, hạ thấp tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, bấu cổ, đề phòng dịch bệnh xảy ra, ưu tiên thực hiện chương trình nước sạch nông thôn. Thực hiện có kết quả dự án điểm xã Tu Tra về định canh, định cư và xây dựng mô hình nông-lâm kết hợp, phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Với sự vận dụng sáng tạo các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ huyện Đơn Dương đã đề ra những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn có tác dụng tích cực, thúc đẩy toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện phấn đấu khắc phục những khó khăn, yếu kém và đạt được những kết quả khả quan trên tất cả các lĩnh vực kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới phát triển mạnh mẽ hơn,

giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị.

Nền kinh tế tiếp tục có bước tăng trưởng theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, tổng thu nhập quốc dân (GDP) giai đoạn 1996-2000 tăng bình quân hàng năm 7%. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch; đầu tư cho mục tiêu phát triển kinh tế ngày càng tăng và tương đối hợp lý với điều kiện đặc điểm nền kinh tế địa phương theo hướng phát huy nội lực, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn.

Ngành nông nghiệp phát triển khá, cơ cấu cây trồng từng bước chuyển đổi phù hợp từng vùng sản xuất và có xu thế phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế nông nghiệp, nông thôn được quan tâm xây dựng nhằm phục vụ sản xuất. Đại bộ phận nhân dân địa phương đã thay đổi lối canh tác cổ truyền, lạc hậu chuyển sang hướng thâm canh, đa dạng hoá cây trồng, áp dụng những thành tựu của khoa học-công nghệ, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng hệ số sử dụng đất sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hoá.¹⁸

ẢNH CÂY RAU THƯỜNG PHẨM

Cây rau phát triển nhanh về diện tích, tăng cao về sản lượng, đa dạng về chủng loại đã góp phần chuyển cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Diện tích rau tăng từ 5.200 ha năm 1996 lên 7.500 ha năm 2000, sản lượng tăng từ 100.000 tấn/năm lên 150.000 tấn/năm, tốc độ tăng bình quân hàng năm 10% về diện tích và 6% về sản lượng, so với thời kỳ 1991-1995 diện tích rau tăng 2,5 lần. So với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra đến năm 2000 cây rau vượt 42% về diện tích và 58% về sản lượng.

Một số loại cây công nghiệp chủ yếu đều tăng cả diện tích và sản lượng, cơ cấu khá hợp lý theo vùng sản xuất. Cây mía từ 240 ha năm 1996 tăng lên 530 ha năm 2000; cây cà phê từ 800 ha năm 1986 tăng lên 1.550 ha năm 2000. Vườn cây ăn quả thuộc kinh tế hộ gia đình tiếp tục phát triển về diện tích, các loại cây khác được trồng nghiên cứu thử nghiệm.

¹⁸ Giá trị sản xuất nông nghiệp trong 5 năm tăng 54%, bình quân hàng năm tăng 11%; trong đó mức tăng của ngành trồng trọt 64%, chăn nuôi 17%, diện tích cây lương thực 6.500 ha và tổng sản lượng đạt 23.250 tấn, tốc độ tăng hàng năm là 5%, vượt 26% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội VII Đảng bộ huyện đã đề ra; sản lượng lương thực bình quân đầu người tăng từ 290 kg năm 1996 lên 315 kg/người năm 2000.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được duy trì, riêng đàn heo tăng, đàn gà công nghiệp phát triển ở một số hộ gia đình. Công tác thú y phòng chống dịch bệnh, chương trình khuyến nông lai tạo đàn bò, heo được quan tâm và bước đầu thực hiện có hiệu quả.

Trong lâm nghiệp, Huyện uỷ chỉ đạo tăng cường công tác lâm sinh, giao khoán, quản lý và bảo vệ rừng, thành lập các ban quản lý rừng nhằm tiếp tục đổi mới cơ chế, nâng cao năng lực quản lý, giữ vững vốn rừng, chú trọng các hoạt động lâm nghiệp. Tiến hành phân định đất nông-lâm nghiệp, đánh giá tài nguyên rừng làm cơ sở cho công tác quản lý và sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn; trong 5 năm 1995-2000 trồng mới hơn 1.000 ha rừng; giao khoán quản lý, bảo vệ trên 15.800 ha, từ đó hạn chế nạn cháy rừng, khai thác và mua bán lâm sản trái phép.

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá, giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm đạt 28 tỷ đồng, chủ yếu là sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp nông thôn như cơ khí, vật liệu xây dựng; ngành dịch vụ hàng năm tăng 18%; dịch vụ vận tải hoạt động đảm bảo kế hoạch, cân đối được năng lực vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách. Mạng lưới thông tin liên lạc phát triển và mở rộng ở các xã, thị trấn, đến năm 2000 có bình quân 2,7 máy điện thoại/100 người dân.

Công tác xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng được chú trọng, trong 5 năm đầu tư trên 70 tỷ đồng, cơ cấu đầu tư tập trung cho vùng nông thôn và vùng dân tộc; xây dựng đường giao thông 412, 413, một số đoạn đường liên xã, thôn, xây dựng hệ thống thuỷ lợi Ka Đô, Đa Ròn và tu sửa các hồ đập, phát huy năng lực tưới tiêu từ 30% lên 50% công suất thiết kế; một số công trình nước sinh hoạt đưa vào sử dụng có hiệu quả; công trình điện thấp sáng vào hai xã Ka Đơn, Proh là hai xã cuối cùng có điện lưới quốc gia; bệnh viện, trạm xá, trường học được xây dựng khang trang, từng bước đáp ứng nhu cầu dạy và học, khám và chữa bệnh cho nhân dân.

Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách Nhà nước hàng năm đạt khá, bình quân 10 tỷ đồng/năm, tăng từ 20-25%, đảm bảo thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm. Ngành tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng có những cố gắng, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội của địa phương.

Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tăng nhanh, chiếm trên 80% tổng giá trị sản phẩm, chủ yếu ở các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Một số trang trại tuy mới hình thành, quy mô còn nhỏ nhưng đã

góp phần tham gia khai thác, sử dụng quỹ đất, ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất.

Đặc biệt ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã sử dụng các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh để trồng và chăm sóc cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, nhận giao khoán, khoán nuôi, bảo vệ và chăm sóc rừng, xây dựng đường giao thông, trường học. Do đó, cuộc sống của đồng bào từng bước ổn định, giảm được nạn phá rừng làm rẫy, du canh, du cư, hạn chế dần tình trạng đói giáp hạt. Việc đi lại, giao lưu hàng hoá giữa các thôn xã vùng sâu, vùng xa thuận lợi hơn. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới cho 400 lao động; các đối tượng gia đình chính sách thường xuyên được chăm sóc, tạo điều kiện nâng cao mức sống, thu nhập bình quân đầu người đến năm 2000 ước đạt 4 triệu đồng, một bộ phận dân cư có thu nhập cao, diện đói nghèo thu hẹp dần.¹⁹

Sự nghiệp giáo dục-đào tạo, tiếp tục phát triển mạnh về quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, hoàn thành các mục tiêu và chủ trương, nhiệm vụ phát triển giáo dục-đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 09 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng “về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo và khoa học-công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, huyện Đơn Dương cơ bản hoàn thành công tác xoá mù chữ, phổ cập giáo dục bậc tiểu học, tỷ lệ học sinh hàng năm tăng 10%; đội ngũ giáo viên được tăng cường về số lượng và chất lượng, giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên.

Các hoạt động văn hoá, thể thao, thông tin tuyên truyền đã hướng về phục vụ cơ sở, công tác truyền thanh, tiếp sóng truyền hình thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền phục vụ đời sống và sản xuất, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân; công tác vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở đạt nhiều kết quả.

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ được tăng cường và củng cố vững chắc. Công tác quốc phòng, an ninh ở từng địa bàn dân cư đã gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển kinh tế; tăng cường cơ sở chính trị và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố các tổ tuần tra, tổ an ninh đấu tranh phòng chống

¹⁹ Năm 2000 có 1.465 hộ đói nghèo chiếm 9,3%; tốc độ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,6% xuống 2,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi 30%, có 95% trẻ em được tiêm chủng mở rộng, đến năm 1997 đã thanh toán bệnh phong trên địa bàn huyện, sớm hơn kế hoạch 3 năm.

tội phạm, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tích cực giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của công dân, nhất là tình hình tranh chấp đất đai và các mâu thuẫn khác trong nội bộ nhân dân, không để xảy ra điểm nóng. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

Lực lượng vũ trang tập trung, dự bị động viên, dân quân tự vệ, an ninh nhân dân ngày càng được nâng cao về chất lượng và số lượng, thường xuyên huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và bổ sung, hoàn thiện các phương án tác chiến phòng thủ, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang.

Cùng với phong trào chung của toàn huyện, quân và dân xã Quảng Lập đã có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất xây dựng phát triển đời sống kinh tế, lập nhiều chiến công trong chiến đấu bảo vệ an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội. Với những thành tích đó, ngày 22-8-1998 quân và dân xã Quảng Lập được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ẢNH NHÀ BIA GHI DANH LIỆT SỸ XÃ ANH HÙNG QUẢNG LẬP

2. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW của Bộ chính trị về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Sau thời gian tích cực chuẩn bị, từ ngày 26 đến ngày 29-11-2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ VIII được tiến hành. Dự Đại hội có 118 đại biểu, thay mặt cho 721 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

ẢNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ VIII

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ VIII diễn ra trong thời điểm Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đang ra sức lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Đại hội đã đánh giá những kết quả đạt được, những khuyết điểm, tồn tại và rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm của nhiệm kỳ 1996-2000. Từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho nhiệm kỳ 2000-2005 trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của

Đảng bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2000-2005 là: *Phát huy thuận lợi, tập trung đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn. Phát huy tối đa nội lực của các thành phần kinh tế gắn với kêu gọi đối tác đầu tư nhằm tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và hiệu quả kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững.*

Kết hợp hài hoà giữa đẩy mạnh phát triển nền kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội phát huy tốt năng lực của mình, khuyến khích việc làm giàu hợp pháp, đi đôi với xoá đói giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư.

Phát triển kinh tế-xã hội gắn với củng cố quốc phòng-an ninh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, phòng chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với từng bước xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, trọng tâm là củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng ngang tầm nhiệm vụ mới. Bố trí, sắp xếp và nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành của hệ thống Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP bình quân hàng năm 9-10%, GDP bình quân đầu người phân đầu đến năm 2005 đạt 5,2-5,6 triệu đồng. Tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm của ngành nông-lâm nghiệp 12-15%; công nghiệp, xây dựng 9%; dịch vụ 7%. Phân đầu đến năm 2005 tỷ trọng ngành nông-lâm nghiệp 70%; công nghiệp, xây dựng 13%; dịch vụ 17% so với GDP. Thu ngân sách Nhà nước hàng năm tăng bình quân từ 5-7%.

Tiếp tục thực hiện các chương trình kinh tế-xã hội, giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên từ 2,2% xuống còn dưới 1,8%. Tiến hành phổ cập Trung học cơ sở trong toàn huyện, đến năm 2005 hoàn thành ở 3/4 đơn vị xã, thị trấn. Phân đầu xoá hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 9%. Đến năm 2005: 100% thôn có điện, 50% dân số được sử dụng nước sạch, trên 50% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá.

Phần đầu đến năm 2005 có từ 65-70% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh, không còn cơ sở đảng yếu kém và thôn buôn chưa có đảng viên. Hàng năm phát triển thêm 60 đảng viên trở lên.

Đại hội bầu 33 đồng chí uỷ viên vào Ban chấp hành Đảng bộ khoá VIII, Ban thường vụ có 11 đồng chí. Đồng chí Ngô Đình Bốn tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí Thái On và đồng chí Phạm Thành Long làm Phó bí thư Huyện uỷ.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, khẳng định sự đoàn kết, thống nhất ý chí, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là tiền đề và cơ sở để vững tin bước vào thế kỷ XXI.

Để Nghị quyết Đại hội sớm đi vào cuộc sống, Ban thường vụ Huyện uỷ yêu cầu Đảng uỷ các xã, thị trấn tổ chức Hội nghị phổ biến quán triệt, học tập nội dung Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII, qua đó xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tương đối toàn diện về phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị, trong đó có sự bứt phá của một số lĩnh vực.

Về kinh tế, lĩnh vực nông-lâm nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển theo hướng chú trọng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu từng vùng.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn của địa phương, ngày 26-9-2000, Huyện uỷ Đơn Dương ra Nghị quyết số 09-NQ/HU về chương trình thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá IX), Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh uỷ Lâm Đồng (Khoá VII) về “đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn”. Huyện uỷ xác định những mục tiêu lớn đến năm 2005 là:

Xây dựng các vùng chuyên canh một số cây trồng chủ yếu, cây rau, hoa, cây ăn trái, cây dâu, cây lương thực, đảm bảo cơ cấu cây trồng hợp lý, phân

đầu đến năm 2005: cây lúa đạt diện tích là 4.055 ha gieo trồng, sản lượng 31.300 tấn, cây bắp có diện tích 2.800 ha, sản lượng 16.250 tấn; cây rau có diện tích 8.000 ha, đạt sản lượng khoảng 200.000 tấn, chú ý đến sản xuất rau an toàn, tìm đối tác đầu tư và thị trường tiêu thụ để phát triển rau cao cấp có giá trị kinh tế cao. Thúc đẩy phát triển đàn gia súc, tăng nhanh số lượng, chất lượng sản phẩm, cải tạo giống để nâng cao chất lượng đàn bò đến năm 2005 đạt 1.600 con.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp chế biến, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, phấn đấu giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trưởng bình quân hàng năm 12%, chú trọng các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh cao, phấn đấu giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích 25 triệu đồng/ha/năm 2005.

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, ưu tiên cho thủy lợi, hoàn thiện kiên cố hoá kênh mương, nâng cấp hồ đập và xây dựng công trình thủy lợi mới cho vùng chuyên canh; cải tạo đồng ruộng, hệ thống giao thông nội đồng, tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hoá đồng bộ các khâu làm đất, công nghệ tưới tiêu, công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

Đầu tư ứng dụng thành tựu khoa học-công nghệ trong nông nghiệp, nhất là về giống mới cây trồng, vật nuôi, quy trình kỹ thuật sản xuất tiên tiến; chú trọng công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn kiến thức khoa học nông nghiệp, thông tin thị trường nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo bồi dưỡng lực lượng tại chỗ có trình độ kỹ thuật. Phát triển các khu thị tứ, trung tâm cụm xã, phấn đấu đến năm 2005 tất cả các thôn đều dùng lưới điện quốc gia. Phát triển bưu chính viễn thông, nâng cấp mạng lưới điện nông thôn, tu sửa hệ thống giao thông nông thôn liên xã-thôn.

Xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh, phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn liền với giữ gìn quốc phòng, an ninh.

Để thực hiện được những mục tiêu trên, Huyện uỷ đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp:

Tập trung chỉ đạo, điều hành việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, quy hoạch các vùng chuyên canh rau, hoa, cây ăn quả, cây dâu tằm, cây lương thực, áp dụng khoa học-kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi để phát triển sản xuất với tốc độ tăng trưởng cao.

Phát triển một số cây trồng chủ lực, ổn định diện tích canh tác, tăng hệ số sử dụng đất từ 2,5-3 lần/năm, chuyển giao quy trình sản xuất tiên tiến, từng bước liên kết với các đại lý, các hiệp hội sản xuất để tiếp nhận thông tin, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

Đưa chăn nuôi cùng với trồng trọt trở thành ngành sản xuất chính của huyện, phát triển mạnh đàn bò sữa và bò thịt bằng các biện pháp như nhập giống mới, lai tạo giống, cải tạo đàn heo, phát triển đàn gia cầm, nuôi cá nước ngọt. Lây kinh tế hộ, kinh tế trang trại làm động lực thúc đẩy nhanh việc tăng trưởng trong ngành chăn nuôi...

ẢNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Tập trung công tác quản lý tài nguyên rừng, trồng mới rừng, nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng, gắn sản xuất kinh doanh rừng với nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng mô hình kinh tế trang trại nông lâm kết hợp, đầu tư du lịch sinh thái, chế biến lâm sản nâng cao giá trị hàng hoá, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Xây dựng đời sống văn hoá-xã hội và phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, phát huy văn hoá truyền thống, tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ và hỗ trợ cộng đồng dân cư.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII và Nghị quyết 09 của Huyện uỷ, lĩnh vực nông-lâm nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển theo hướng chú trọng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của từng vùng, tập trung đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp dài ngày, mở rộng diện tích trồng cây rau, hoa.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 8,27%; công nghiệp, xây dựng tăng 11,46%; dịch vụ tăng 9,49%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm tỷ trọng ngành nông-lâm nghiệp. Đến năm 2005, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp chiếm 78,4%, công nghiệp xây dựng chiếm 7,44%, dịch vụ chiếm 20,83% trong tổng GDP toàn huyện.

Diện tích gieo trồng rau mỗi năm trên 11.000 ha, sản lượng đạt 270.000 tấn, so với năm 2000 tăng trên 3.000 ha và gần 10.000 tấn. Đã xuất hiện một số mô hình trồng rau an toàn với công nghệ cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng, có khả năng tiêu thụ tại các siêu thị hoặc xuất khẩu. Sản lượng lương thực bình

quân hàng năm đạt từ 26.000-27.000 tấn; đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không chế được dịch bệnh.

Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng kết hợp nông nghiệp với ngành nghề dịch vụ, xây dựng được một số mô hình sản xuất mới như kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi nông-lâm kết hợp, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động của địa phương.

Về lâm nghiệp đã tăng cường trồng rừng kinh tế và khoanh nuôi tái sinh, giữ tỷ lệ che phủ của rừng trên 60% diện tích tự nhiên. Giao khoán quản lý bảo vệ rừng đạt 58% diện tích, diện tích rừng bị xâm hại, bị cháy giảm hơn thời kỳ trước năm 2000.

Huyện đã quy hoạch sử dụng đất đến năm 2005, phân định rõ đất nông-lâm nghiệp, cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp trên 90% diện tích. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm, từng bước lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý đất đai.

Cùng với sự phát triển chung, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có những chuyển biến đáng kể. Đặc biệt là sau hơn 15 năm đổi mới, Đảng bộ Đơn Dương đã triển khai thực hiện nghị quyết 22/NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá VI), Quyết định 72-QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Chỉ thị 25-CT/TU của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về “Tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số”. Ngày 26-04-2002, Huyện uỷ Đơn Dương ra Nghị quyết số 06-NQ/HU “ Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời kỳ 2002-2005” nhằm chăm lo đầu tư để khai hoang phục hoá đất đai, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện định canh, định cư, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Kết quả thực hiện nghị quyết đã làm chuyển biến bước đầu về nhận thức trong tổ chức sản xuất, đời sống văn hoá xã hội của số đông đồng bào thiểu số. Nhân dân cơ bản định canh định cư, hạn chế tình trạng phá rừng làm rẫy, từng bước ổn định đời sống. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, nhất là cây lúa nước, cây lương thực tăng nhanh so với trước đây. Nhiều hộ chuyển đổi cơ cấu cây trồng như trồng rau thương phẩm, trồng dâu nuôi tằm, sử dụng giống mới, từng bước xoá dần tập quán canh tác lạc hậu, mà chủ yếu là sản xuất tự cung, tự cấp, bước đầu hình thành tư duy sản xuất hàng hoá, hoà nhập cuộc sống cộng đồng dân cư trong thời kỳ mở cửa và kinh tế thị trường. Lưu thông hàng hoá ngày càng thuận lợi, giá cả giữa các vùng không chênh lệch lớn. Bộ mặt nông thôn nhất là ở các xã điểm, xã được đầu tư từ chương trình 135/CP của Chính phủ khởi sắc và thay đổi; cơ sở vật chất,

hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư xây dựng. Đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, một bộ phận vươn lên làm giàu, nhiều hộ sản xuất giỏi xây dựng nhà cửa khang trang, mua sắm phương tiện sản xuất, tiện nghi phục vụ sinh hoạt gia đình. Tỷ lệ hộ đói nghèo hàng năm giảm.

Lĩnh vực giáo dục, y tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm thường xuyên, có nhiều chuyển biến tốt, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp ở bậc tiểu học đạt 98%, ở bậc trung học cơ sở đạt 60%; quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh... Cơ sở vật chất, trang thiết bị để đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư, đội ngũ cán bộ y tế thôn buôn được nâng lên cả số lượng và chất lượng.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, chưa xảy ra những phức tạp lớn. Hệ thống chính trị ở các xã - thôn hoạt động có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Lòng tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng, Nhà nước được củng cố và nâng lên.

Đề kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, chi phối được các ngành, các lĩnh vực, sản phẩm then chốt của nền kinh tế. Hội nghị lần thứ 11 (Khoá VIII), ngày 24-11-2003, Huyện uỷ Đơn Dương ra Nghị quyết số 19-NQ/HU về “Xây dựng và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Đơn Dương đến năm 2010”.

Nghị quyết đánh giá: Nhờ chính sách đổi mới, nền kinh tế huyện nhà đã có những khởi sắc, bước đầu đã chuyển sang sản xuất hàng hoá. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng có những chuyển biến cơ bản, đạt mức tăng trưởng bình quân 9,5% năm, các giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, giải quyết việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp hơn 25% thu ngân sách hàng năm.

Tuy nhiên, về cơ bản Đơn Dương vẫn là một huyện nông nghiệp, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong GDP chiếm tỷ lệ 78,4%, năng suất lao động vẫn còn thấp, hiệu quả sản xuất trên một diện tích sản xuất chưa cao, ngành nghề, thương mại, dịch vụ tuy có phát triển nhưng tỷ trọng chỉ chiếm 16,7%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tác động chưa có hiệu quả vào nền kinh tế chung của địa phương.

Trên cơ sở đánh giá những kết quả và hạn chế, Huyện uỷ xác định hướng phát triển của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Đơn Dương đến năm 2005 là: lấy nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làm khâu đột phá để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập... Phải gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tiến hành phân công lại lao động, phát triển kinh tế hàng hoá, nâng cao giá trị nông sản, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân và rút ngắn khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phải gắn với việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp của tỉnh, huy động các nguồn lực tại chỗ, đẩy mạnh việc kêu gọi các đối tác đầu tư vào huyện.

Gắn phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với đào tạo nguồn nhân lực, trước hết là đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề, bồi dưỡng và sử dụng hợp lý lực lượng lao động tại địa phương.

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, trong thời kỳ 2000-2005, các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển cả về số lượng và quy mô, có tác động tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Huyện quy hoạch cụm công nghiệp Ka Đô, thu hút ba dự án đầu tư nước ngoài, trong đó có hai nhà máy đi vào hoạt động, các doanh nghiệp trên địa bàn đã tạo ra một số sản phẩm mới, có khối lượng hàng hoá tập trung phục vụ xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

ẢNH CỤM CÔNG NGHIỆP KA ĐÔ

Ngành thương mại phát triển khá nhanh ở các khu vực đông dân cư, đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đóng góp từ 25-30% tổng thu ngân sách địa phương, các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, tín dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đã tranh thủ tập trung được các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh. Đồng thời huy động nội lực để xây dựng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, đặc biệt là đường giao thông, hạ thế điện, công trình thuỷ lợi. Cơ bản hoàn thành các công trình do Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ VIII đề ra. Rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội, quy hoạch các khu trung tâm dân cư và các ngành tạo thuận lợi trong quản lý và xây dựng.

Các lĩnh vực văn hoá-xã hội, Huyện uỷ đã ban hành Nghị quyết “về xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; “về đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục-thể thao và bảo trợ xã hội”; “giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ đến năm 2005”. Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương.

Về giáo dục, có bước phát triển vững chắc hơn, mạng lưới trường lớp từng bước được hoàn chỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đến năm 2005. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được tăng cường, chất lượng giáo dục-đào tạo được quan tâm. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân, đến năm 2005 có 6/10 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ bản đáp ứng về số lượng và tiêu chuẩn hoá về chất lượng.

Về y tế, cơ sở vật chất trang thiết bị của mạng lưới y tế xã, huyện được đầu tư nâng cấp, mở rộng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân, công tác phát triển y tế thôn, buôn đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra, có 6 trong tổng số 10 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, 8 trong tổng số 10 xã, thị trấn có bác sĩ. Khám, chữa bệnh miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách. Có trên 95% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin phòng các bệnh truyền nhiễm trong chương trình tiêm chủng mở rộng, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 30% năm 2000 xuống dưới 22,7% năm 2005.

Tiếp tục thực hiện xã hội hoá công tác dân số, gia đình và trẻ em. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,2% năm 2000 xuống còn 1,65% năm 2005; công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm.

Hoạt động văn hoá-thông tin, văn học-nghệ thuật, báo chí, phát thanh-truyền hình có nhiều tiến bộ đáng kể, từng bước đổi mới về nội dung, hình thức, phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, tạo môi trường văn hoá vui tươi, lành mạnh nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Cán bộ, nhân dân tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, có 65% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá, 40% số thôn đạt văn hoá cấp huyện và trên 60% cơ quan đạt chuẩn về xây dựng nếp sống văn hoá công sở. Hệ thống truyền thanh, tiếp sóng truyền hình tiếp tục được đầu tư, các xã đều có trạm truyền thanh, sóng truyền hình phủ trên 90% vùng dân cư.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) và Nghị quyết 15 của Tỉnh uỷ (Khoá VI) về “xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” nhận thức của phần lớn cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của văn hoá đối với đời sống xã hội ngày càng được nâng lên. Cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành xác định rõ hơn, cụ thể hơn nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá. Đạo đức và lối sống xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, nhiều giá trị văn hoá, phẩm chất đạo đức mới được nhân dân đề cao, hưởng ứng và tham gia tích cực, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn tại địa phương.

Những chuẩn mực giá trị xã hội và các giá trị về văn hoá đã và đang được khơi dậy ngày càng khẳng định như: hướng về cội nguồn, tôn vinh tài năng, sở trường, năng lực cá nhân được khuyến khích đúng mức, từng bước tạo nên đời sống tinh thần cao đẹp cho mọi nhà, mọi người trước những thách thức gay gắt của mặt trái kinh tế thị trường.

Nhận thức về văn hoá được nâng lên nên nhân dân tích cực và tự giác tham gia Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, làm cho văn hoá trở thành sự nghiệp rộng lớn của toàn xã hội.

Về quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội, trong 5 năm 2000-2005, tổ chức đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo đảm an ninh-quốc phòng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng trong các tầng lớp nhân dân về âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Thông qua phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động phá hoại và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm; công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực quốc phòng-an ninh được tăng cường, cùng với việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức thanh tra nhân dân các cấp. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân để tham gia quản lý xã hội trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tranh chấp khiếu kiện trong nhân dân được quan tâm giải quyết.

Trước tình hình các tỉnh Tây Nguyên có những diễn biến phức tạp về an ninh chính trị, ảnh hưởng đến địa phương, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ an ninh-quốc phòng. Xây dựng lực lượng quân đội và công an

vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và trình độ chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; đồng thời xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, kiểm chế sự gia tăng các loại tội phạm, tệ nạn, tai nạn xã hội. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra bạo loạn chính trị, biểu tình, gây rối trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác quân sự địa phương được triển khai đúng kế hoạch, nền quốc phòng toàn dân và thể trận chiến tranh nhân dân ngày càng được củng cố. Các kế hoạch phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quốc phòng từng bước được nâng lên. Công tác huấn luyện, diễn tập và tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu.

Trước tình hình thế giới tiếp tục có những biến đổi lớn, tình hình trong nước, đặc biệt là Tây Nguyên có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch bên ngoài cấu kết với bọn phản động, cơ hội trong nước lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo và những sơ hở của ta để chống phá cách mạng. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện Đơn Dương tập trung thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, tạo sự thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới. Cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp tập trung thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức tốt các ngày kỷ niệm, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh và của địa phương, qua đó phát huy truyền thống yêu nước và khí thế cách mạng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Các cấp uỷ Đảng chú trọng hơn công tác củng cố, xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, tập trung kiện toàn các cơ sở đảng yếu kém, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cấp uỷ viên, cán bộ chủ chốt gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (Khoá VIII); Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá IX) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên có nhiều tiến bộ, trong nhiệm kỳ 2000-2005 kết nạp được 286 đảng viên, đạt 95,3% chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết Đại hội VIII đề ra, nâng tổng số đảng viên của toàn đảng bộ lên 956 đồng chí. Các cấp uỷ đảng từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy dân chủ trong sinh hoạt, tăng cường công tác kiểm

tra, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội phát huy vai trò, chức năng theo quy định của pháp luật. Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng, chủ trương của Huyện uỷ nhằm ngăn ngừa, phát hiện, chấn chỉnh sai phạm và rút kinh nghiệm chỉ đạo.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên đáng kể, kết quả đánh giá phân loại năm 2005, trong tổng số 40 tổ chức cơ sở đảng, có 22 tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 56,4%; 17 tổ chức cơ sở đảng đạt khá, chiếm 43,6%; không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Phân loại các tổ chức cơ sở đảng đã gắn kết công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng với công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng.

Công tác cán bộ có nhiều chuyển biến tích cực, các cấp uỷ Đảng đã nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ trong hệ thống chính trị. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VIII). Việc đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ cơ bản thực hiện đúng quy trình, số đông cán bộ phát huy tốt năng lực và tinh thần trách nhiệm.

Xây dựng chính quyền, các cấp uỷ đảng đều nhận thức sâu sắc và quan tâm chăm lo xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Quan tâm củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, vững mạnh, thực hiện phân cấp cho cấp dưới, cho cơ sở.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới, chất lượng các kỳ họp của Hội đồng nhân dân và vai trò giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân ngày càng có nhiều chuyển biến tiến bộ, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 9 (Khoá VII) về chương trình thực hiện “Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn” đã được cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp triển khai thực hiện. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, dân chủ ở cơ sở được phát huy, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh trật tự ở địa phương.

Đội ngũ cán bộ xã, thị trấn phân đông giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước được nâng lên, tuổi đời bình quân của cán bộ được trẻ hoá.

Thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện cải cách hành chính, các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị trong huyện tập trung triển khai thực hiện, bước đầu có những chuyển biến tích cực. Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính sự nghiệp trong huyện cơ bản được sắp xếp, kiện toàn và từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả. Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” bước đầu hạn chế được những phiền hà những nhiễu, ách tắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác cải cách thủ tục hành chính có bước đổi mới tích cực, việc quản lý và thực hiện chế độ trách nhiệm theo pháp lệnh và các quy định của công chức, viên chức từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân vẫn còn những khuyết điểm yếu kém. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên của một số tổ chức cơ sở đảng chưa thường xuyên. Một số chủ trương, nghị quyết của Đảng chỉ mới tổ chức học tập trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân; một số tổ chức cơ sở đảng chưa xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; việc triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ chính trị đạt thấp; công tác xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở chưa vững chắc; công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa theo kế hoạch, không đúng quy trình nên đội ngũ cán bộ cơ sở hẫng hụt, chậm được chuẩn hoá, năng lực hoạt động bị hạn chế; công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh thiếu tính bền vững, chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

Công tác kiểm tra của Huyện uỷ và một số cấp uỷ đảng về thực hiện nghị quyết chưa thường xuyên, chưa theo kế hoạch hàng năm và trong từng nhiệm kỳ.

Phát triển đảng trong lực lượng dân quân, trong cán bộ nữ và cán bộ là người dân tộc thiểu số còn chậm, việc kết nạp đảng viên mới ở các thôn, khu phố chưa có đảng viên không đạt kế hoạch đề ra; một số đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện dẫn đến vi phạm phẩm chất đạo đức, thiếu tinh thần trách nhiệm, chấp hành nguyên tắc kỷ cương chưa nghiêm, việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng chưa cao.

Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp không đồng bộ trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách Nhà nước. Thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” còn nhiều tồn tại, bất cập, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai, nhà cửa; trật tự kỷ cương quản lý hành chính chưa thực hiện nghiêm và chưa trở thành ý thức, nề nếp trong hoạt động của cán bộ, công chức, còn biểu hiện gây phiền hà cho nhân dân.

Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn hạn chế, chưa nắm chắc diễn biến tâm lý của các tầng lớp nhân dân, chưa đề xuất giải pháp nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, động viên nhân dân tham gia vào việc phát triển kinh tế, thực hiện các chính sách xã hội.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng bộ huyện Đơn Dương tập trung đổi mới công tác lãnh đạo về chính trị, giáo dục tư tưởng trong toàn Đảng, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào công cuộc đổi mới của Đảng. Phần lớn cán bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức; có lối sống trong sạch, lành mạnh, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiến hành việc sắp xếp, củng cố hệ thống tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (Khoá VIII) và Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ, chất lượng và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao hơn, số lượng tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh ngày càng tăng (từ 40% năm 1996 lên 65% năm 2005), không còn tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, việc xây dựng quy chế hoạt động, cải tiến nội dung, giữ vững nguyên tắc sinh hoạt của Đảng.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được duy trì thường xuyên, vì vậy đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở được từng bước chuẩn hoá, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong giai đoạn 2000-2005 toàn huyện cử đi đào tạo 174 cán bộ, trong đó: đại học chuyên môn 17 đồng chí, trung cấp 40 đồng chí, cao cấp và cử nhân chính trị 15 đồng chí, trung cấp chính trị 102 đồng chí.

Thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ. Qua kiểm tra đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị, củng cố đoàn kết nội bộ, kịp thời uốn nắn những lệch lạc ở cơ sở và giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Trong nhiệm kỳ 2000-2005 tiến hành kiểm tra 21 tổ chức cơ sở đảng, phát hiện một ban chi uỷ có dấu hiệu vi phạm

và xử lý kỷ luật với hình thức khiển trách, 53 đảng viên có dấu hiệu vi phạm bị xử lý (trong đó khai trừ 15, cách chức 6, cảnh cáo 18 và khiển trách 14).

Tập trung xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, lựa chọn những đại biểu ưu tú để bầu vào Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã, thị trấn; hoạt động của Hội đồng nhân dân từng bước đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng các kỳ họp, thường xuyên tổ chức tiếp xúc cử tri, giám sát hoạt động của Nhà nước và tổ chức tốt công tác tiếp dân. Trong 5 năm đã chấn chỉnh, sắp xếp lại một số phòng, ban theo quy định của Trung ương, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khoá VII) về cải cách thủ tục hành chính, kết quả bước đầu đã giảm bớt phiền hà trong việc giải quyết các thủ tục cho nhân dân.

Mở rộng khối đoàn kết toàn dân, xây dựng Mặt trận, các đoàn thể vững mạnh, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Đa số các cấp uỷ Đảng đã xác định công tác vận động quần chúng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng, từ đó tập trung xây dựng, củng cố Mặt trận và các đoàn thể; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở, góp phần vận động quần chúng tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các phong trào cách mạng của địa phương.

Mối quan hệ và sự phối hợp giữa cấp uỷ Đảng với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng chặt chẽ và đồng bộ hơn. Việc phát huy dân chủ theo tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 29-NĐ/CP, 71-NĐ/CP của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ngày càng tốt hơn.

3. Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng

Tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức cán bộ, từ đổi mới phương pháp lãnh đạo đến phong cách hoạt động, từ đổi mới kinh tế đến đổi mới hệ thống chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong chủ trương đổi mới toàn diện, Đại hội VI đã chú ý đặc biệt cho đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế, Đại hội cũng chỉ ra rằng đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, mà là tìm ra phương thức, con đường để đạt được mục tiêu đó với hiệu quả cao hơn. Đại hội VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt cơ bản trong tiến trình hình thành đường lối đổi mới ở nước ta, tạo bước đột phá lớn đem lại

luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, huyện Đơn Dương đã phát huy được năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao, đẩy mạnh việc khai hoang, mở rộng diện tích cây trồng, hình thành được các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, rau, hoa, gắn với phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến, cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ và từng bước hiện đại; gắn liền quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế với tăng cường hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Bộ máy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân từng bước củng cố, kiện toàn. Tình hình chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững tạo điều kiện cho phát triển kinh tế- xã hội, không ngừng tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đề cao vai trò tích cực vận động nhân dân của mặt trận và các đoàn thể quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, truyền thống cách mạng của các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Bằng các chủ trương chính sách mới ra đời như đổi mới cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô chuyển từ cơ chế quản lý hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và tự hoạch toán kinh doanh đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh; điều chỉnh, sắp xếp lại các doanh nghiệp, tổ chức lại sản xuất, thực hiện phân công, phân cấp cho địa phương và cơ sở, xoá bỏ mọi hình thức bao cấp, hạn chế kiểm soát và xoá bỏ độc quyền kinh doanh, đẩy mạnh liên doanh, liên kết và xuất khẩu... tạo tiền đề và hành lang pháp lý cho sản xuất hàng hoá phát triển mạnh mẽ, nhất là các mặt hàng có thế mạnh (rau, hoa, cà phê, dâu tằm...) đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu đem lại nguồn thu ngân sách đáng kể. Năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế hầu hết được giải phóng và phát huy thêm một bước.

Tỷ trọng các ngành sản xuất trong nền kinh tế có sự thay đổi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tỷ trọng sản xuất công nghiệp và dịch vụ tăng dần lên hàng năm cả về tuyệt đối và tương đối, so với sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu các vùng kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh. Trong từng địa bàn đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh nguyên liệu chất lượng cao phục vụ cho sản xuất kinh doanh và chế biến sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế và khả năng cạnh tranh cao.

Những chuyển biến đó làm tăng thêm tiềm lực cho nền kinh tế địa phương, tăng dần tích lũy từ nội bộ của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để tiến tới ổn định và phát triển bền vững, giải quyết cơ bản đời sống của các

tầng lớp nhân dân. Đồng thời, thể hiện bước tiến bộ vượt bậc của Đảng bộ trong nhận thức cũng như trong lãnh đạo và chỉ đạo điều hành phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới.

Nhận thức về hệ thống chính trị và xây dựng hệ thống chính trị có sự đổi mới đáng kể, nhất là trong việc lãnh đạo hệ thống chính trị vận hành theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Đảng vừa là bộ phận của hệ thống chính trị vừa là “hạt nhân” lãnh đạo hệ thống ấy hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật. Tích cực đấu tranh chống các quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, chống các quan điểm sai trái nhằm âm mưu phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị. Thông qua vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội tạo sự đồng thuận trong nhân dân ngày càng tốt hơn. Việc ban hành và thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở với cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân, chính nhân dân vừa là người làm chủ xã hội, vừa là người làm chủ trực tiếp ở cơ sở thông qua các hình thức tự quản trong các cộng đồng dân cư. Đối với các vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo vai trò của già làng, trưởng bản, cha xứ...được các cấp uỷ Đảng và chính quyền chú ý phát huy có hiệu quả, nhất là trong việc vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia xây dựng chính quyền cơ sở ngày càng vững mạnh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, hệ thống xã hội chủ nghĩa bị tan rã, các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng tôn giáo len lỏi vào trong các cộng đồng dân cư, tuyên truyền kích động tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ hồng gây mất ổn định tình hình, làm giảm sút niềm tin trong nhân dân. Song, Đảng bộ Đơn Dương vẫn vững vàng kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Hệ thống tổ chức Đảng từ huyện đến cơ sở thường xuyên tự đổi mới và tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, củng cố và xây dựng tổ chức cơ sở gắn với việc tự kiểm điểm đánh giá phân tích chất lượng Đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng, qua các kỳ Đại hội Đảng các cấp, bước đầu xây dựng được phong cách làm việc có chương trình, có kế hoạch, lựa chọn các vấn đề trọng tâm, trọng điểm để đề ra các nghị quyết chỉ đạo sát với thực tiễn. Mối quan hệ giữa các cấp uỷ Đảng với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể các cấp bước đầu được đổi mới theo

hướng tạo điều kiện để phát huy vai trò của các đoàn thể và mặt trận chủ động trong các hoạt động, Đảng không làm thay Nhà nước, đề cao vai trò quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền, thực hiện quản lý Nhà nước bằng hiến pháp và pháp luật.

Thường xuyên chăm lo công tác tư tưởng chính trị của Đảng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới.

Trong công tác tổ chức cán bộ, đánh giá cán bộ đã chú ý lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí đề bạt cán bộ. Gắn việc sinh hoạt của cán bộ, đảng viên với việc đánh giá, giám sát của nhân dân nơi cư trú tạo mối quan hệ khăng khít giữa cán bộ với nhân dân, nhân dân với cán bộ nhằm phát huy tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên mọi lúc mọi nơi, nâng cao chất lượng đảng viên trong tình hình mới.

Nhìn lại chặng đường 20 năm lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đơn Dương đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cơ bản thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế-xã hội, tình trạng nghèo nàn và lạc hậu kéo dài nhiều năm, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội... Bộ mặt nông thôn, vùng sâu, vùng xa không ngừng được đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc được cải thiện đáng kể và có mặt khởi sắc. Bước đầu hình thành được một số yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy được năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Những thành tựu quan trọng đó chứng tỏ khả năng vận dụng và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng bộ, quân, dân huyện Đơn Dương là đúng đắn và sáng tạo, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Tuy vậy, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới tình hình kinh tế xã hội của Đơn Dương vẫn trong tình trạng chậm phát triển và thiếu bền vững, nhiều vấn đề trên lĩnh vực văn hoá, xã hội... đời sống nhân dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy có bước cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Nội dung và hình thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới. Một số tổ chức cơ sở

đảng yếu kém kéo dài, hiệu lực quản lý nhà nước trên một số mặt chưa cao. Những yếu kém tồn tại đó đòi hỏi Đảng bộ Đơn Dương cần nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo toàn diện, tiếp tục phát huy những thành tựu của 20 năm đổi mới vừa qua để đến năm 2010 đưa Đơn Dương ra khỏi tình trạng chậm phát triển.

4. Chủ trương đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2005-2010

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/W của Bộ Chính trị (khoá IX), Chỉ thị số 39-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng (Khoá VII) về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đơn Dương tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng tiến hành Đại hội và tích cực chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX.

Từ ngày 10 đến ngày 12-9-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ IX được tiến hành trọng thể, dự Đại hội có 165 đại biểu thay mặt cho 954 đảng viên sinh hoạt ở 40 tổ chức cơ sở đảng. Đại hội thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và dự thảo Văn kiện của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VIII trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX (nhiệm kỳ 2005-2010).

ẢNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ IX

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, yếu kém, khuyết điểm trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII và 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phân tích những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức. Đại hội xác định phương hướng phát triển 5 năm 2005-2010 là: *Tranh thủ và phát huy tối đa mọi nguồn lực đầu tư đưa nền kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng, hiệu quả cao và bền vững. Phấn đấu chuyển nhanh nền kinh tế thuần nông sang phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trong đó, ưu tiên thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến rau, quả, phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm sử dụng có hiệu quả tài nguyên lao động, đất đai. Tập trung đầu tư ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động của tất cả các ngành, các địa bàn. Đẩy mạnh quá trình đô thị hoá và bảo đảm sự phát triển tương đối đồng đều giữa các khu vực.*

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ xã hội, quan tâm đúng mức việc phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Phát huy yếu tố con người, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lao động, coi trọng việc phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Tăng cường công tác xây dựng hệ thống chính trị đảm bảo thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đại hội thông qua những mục tiêu chủ yếu sau:

Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2005-2010 đạt 11%; đến năm 2010, GDP bình quân đạt 9-10 triệu đồng/người. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm đạt từ 25-30% so với GDP. Đến năm 2010, tỷ trọng ngành nông-lâm nghiệp chiếm 62%, công nghiệp-xây dựng 16%, dịch vụ 22% trong GDP. Tỷ lệ thu ngân sách địa phương thời kỳ 2005-2010 đạt 6-7%.

Đến năm 2010, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn dưới 1,5%, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 20%. Không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 7%; trong đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn dưới 20%. Hàng năm giải quyết việc làm cho 800-1.000 lao động. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đến năm 2010, có trên 70% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, không có cơ sở đảng yếu, kém và thôn, khu phố chưa có đảng viên. Hàng năm phát triển từ 65 đảng viên mới trở lên.

Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá IX, nhiệm kỳ 2005-2010, gồm có 39 đồng chí uỷ viên. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Đảng bộ huyện bầu Ban Thường vụ huyện uỷ gồm 11 đồng chí, đồng chí Thái On được bầu làm Bí thư, các đồng chí Lưu Tấn Huệ, Hồ Huy Phấn, Lý Văn Kiệt được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ IX là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, khẳng định sự đoàn kết, thống nhất ý chí trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị; nêu cao quyết tâm “*Đoàn kết, kỷ cương, tiếp tục đổi mới, phát huy nội lực và tranh thủ các nguồn lực xây dựng Đơn Dương ngày càng phát triển*”

KẾT LUẬN

Trải qua 30 năm (1975-2005) xây dựng và trưởng thành, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, Đảng bộ quân và dân huyện Đơn Dương tiếp tục đối mặt với những gian khổ, hy sinh mới, thử thách lớn nhất của Đảng bộ trong thời kỳ 1975-2005 là phải vượt qua chính bản thân mình, từ lãnh đạo chiến tranh sang lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội, đòi hỏi Đảng bộ phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ năng lực lãnh đạo mọi mặt, nhằm quyết tâm thực hiện sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong vòng hơn 10 năm đầu (1975-1986), Đảng bộ, quân và dân Đơn Dương phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, thử thách từ kháng chiến chuyển sang hoà bình, nhiệm vụ chính trị thay đổi, thực lực cách mạng quá mỏng nhưng phải đảm nhận một khối lượng công việc nặng nề nhằm giải quyết hậu quả do chiến tranh để lại; trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp và cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế-xã hội, ổn định đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần. Thời kỳ này, Đảng bộ, quân và dân huyện Đơn Dương đã có nhiều thành tích trong việc chống lại âm mưu phá hoại của các thế lực phản cách mạng, góp phần làm tan rã tổ chức phản động Fulro trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Từ cuối năm 1986 trở đi, quán triệt và vận dụng một cách sáng tạo đường lối của Trung ương, của Tỉnh vào đặc điểm của địa phương, Đảng bộ Đơn Dương đề ra nhiều chủ trương, giải pháp tích cực thực hiện đường lối đổi mới; xây dựng, phát triển, hoàn thiện cơ chế quản lý mới, cùng cả nước nhanh chóng thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa huyện nhà tiến bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Những quyết sách và giải pháp đúng đắn của Đảng bộ đã đưa kinh tế-xã hội của huyện đi dần vào ổn định và tăng trưởng, đời sống nhân dân được cải thiện về nhiều mặt. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tiến bộ, phù hợp, xác định đúng và khai thác các tiềm năng, lợi thế. Hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hoá với các loại cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: các loại rau, hoa, cà phê, mía, dâu, bò sữa...; công nghiệp và dịch vụ có bước phát triển đáng kể; kết cấu hạ tầng từng bước được xây dựng, phục vụ cho sản xuất, đời sống, nhất là các công trình thuỷ lợi, điện, đường, trường học, trạm xá... bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, y tế, văn hoá, xã hội có nhiều

chuyển biến tiến bộ rõ nét, sức khỏe nhân dân được chăm sóc tốt hơn; an ninh, quốc phòng được giữ vững. Đội ngũ đảng viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, nâng cao về phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc; hệ thống chính trị được củng cố, giữ vững khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trong huyện.

Từ thực tiễn hoạt động với những thành công và chưa thành công, Đảng bộ huyện Đơn Dương rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ vào đặc điểm tình hình thực tế của địa phương để đề ra chủ trương, giải pháp hợp lý, lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ

Do điều kiện tự nhiên và lịch sử, Đơn Dương là địa bàn miền núi, dân cư thưa thớt, đời sống của đồng bào các dân tộc sau ngày giải phóng gặp vô vàn thiếu thốn khó khăn, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lạc hậu, đội ngũ đảng viên, cán bộ là người địa phương ít, trình độ có hạn. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Đơn Dương đã nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân; nắm vững tình hình, hiểu rõ đặc điểm của địa phương để quán triệt vận dụng chủ trương, đường lối, quan điểm của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ Lâm Đồng vào thực tiễn, vượt qua khó khăn thử thách. Thực tế lịch sử đã chứng minh, nhờ kiên định vững vàng, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ Đơn Dương đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành sự nghiệp đổi mới đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, làm tiền đề vững chắc cho Đơn Dương bước sang một thời kỳ lịch sử mới. Qua thực tế của phong trào đã khẳng định: muốn giành được thắng lợi, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Đơn Dương cần phải phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần chủ động, tự lực tự cường, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp; không trông chờ, ỷ lại, có định hướng đúng, có quyết tâm cao và có biện pháp tổ chức thực hiện hiệu quả nhất các chủ trương, giải pháp đề ra.

2. Xây dựng tổ chức Đảng ngày càng vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong mọi hoàn cảnh.

Sự phát triển toàn diện của huyện Đơn Dương trong những năm qua gắn liền với vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng. Đồng bào các dân tộc huyện nhà luôn đặt niềm tin vào Đảng bộ, vào đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ là kết quả hoạt động bền bỉ, kiên trì, là sự

phấn đấu, hy sinh, khắc phục mọi khó khăn gian khổ. Kinh nghiệm thành công của 30 năm qua cho thấy, nhờ chú trọng chăm lo công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là trước các bước ngoặt chuyển giai đoạn hoặc những biến cố thăng trầm của đất nước, của địa phương, Đảng bộ Đơn Dương luôn vững vàng, không hoang mang dao động. Đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn trung kiên, tận tụy phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, đoàn kết, gương mẫu, có sức lôi cuốn, tập hợp đông đảo quần chúng tích cực tham gia vào các phong trào cách mạng. Sự nghiệp cách mạng luôn luôn vận động, phát triển không ngừng, Đảng bộ đã thường xuyên phấn đấu vươn lên ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ ở mỗi giai đoạn cách mạng mới đặt ra.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt, có ý nghĩa then chốt, là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho mọi thành công, có ý nghĩa sống còn đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng; phải làm cho tất cả các cấp uỷ đảng, các cán bộ chủ chốt, đến từng đảng viên nhận thức được tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng bộ luôn trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Muốn vậy, Đảng bộ cần nâng cao trí tuệ và bản lĩnh chính trị, tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, xây dựng đi đôi với bảo vệ Đảng trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra sự thống nhất về tư tưởng và hành động, đảm bảo cho sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng được nâng lên. Phải đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, thực sự trong sạch, vững vàng trước mọi thử thách, chăm lo rèn luyện, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo đảm cho uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng được củng cố và nâng cao.

3. Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng được thực hiện thông qua hệ thống chính trị của Đảng để tiến hành giáo dục, vận động, tập hợp, tổ chức quần chúng tạo nên lực lượng hùng hậu của cách mạng có sức “dời non, lấp biển”, biến nghị quyết, chủ trương của Đảng thành hiện thực sinh động.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị, Đảng bộ vừa là một thành viên của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo vững chắc bảo đảm cho hệ thống chính trị hoạt động và hoàn thành vai trò của mình đối với

nhệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực tiễn cách mạng đã thể hiện rõ: xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng và củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng cách mạng luôn là nhệm vụ cơ bản, xuyên suốt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Được xây dựng, phát triển trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, chính quyền các cấp cùng với Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã quy tụ được khối đoàn kết toàn dân, khơi dậy tinh thần yêu nước. Trong 30 năm xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, mặc dù trong mỗi giai đoạn lịch sử có những biến đổi về hình thức tổ chức và tên gọi, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng cách mạng trên địa bàn huyện Đơn Dương luôn thể hiện rõ bản chất cách mạng của dân, do dân và vì dân, tạo ra sức mạnh to lớn; khẳng định mối quan hệ khăng khít, những tác động hai chiều giữa tổ chức Đảng với cả hệ thống chính trị, vận động, tập hợp, tổ chức quần chúng thành lực lượng của cách mạng chính là trách nhệm của cán bộ, đảng viên trong từng chi bộ, từng tổ chức cơ sở của Đảng.

4. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ, thúc đẩy sự nghiệp đổi mới ở địa phương.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực là nhệm vụ có tính quyết định đối với công tác lãnh đạo thực hiện nhệm vụ chính trị trong mỗi giai đoạn cách mạng. Thực tiễn cách mạng những năm qua đã khẳng định đội ngũ cán bộ đóng vai trò quan trọng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có tính quyết đoán, dám chịu trách nhệm về việc làm của mình trước Đảng và trước nhân dân; phẩm chất đó có tác dụng khuyến khích cán bộ, đảng viên, quần chúng trong lao động sáng tạo, học tập và công tác.

Công tác cán bộ là công tác đặc biệt quan trọng nhưng cũng nhiều phức tạp khó khăn. Những thành tích và thiếu sót của phong trào cách mạng ở địa phương đều phản ánh chất lượng của đội ngũ cán bộ trong công cuộc đổi mới, xây dựng kinh tế; các cấp uỷ đảng phải đề cao trách nhệm, có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ, phát huy sức chiến đấu, làm tốt công tác giáo dục rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ; các cấp uỷ đảng phải đề ra được những chủ trương đúng, hợp lòng dân, đấu tranh có hiệu quả nạn quan liêu, tham nhũng. Đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, làm cho các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu, xứng đáng với sự tin cậy của quần chúng.

Ngày nay, cùng với tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, về kiên định lập trường tư tưởng, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, người cán bộ đảng viên trong thời kỳ đổi mới cần phải có trình độ năng lực hiểu biết sâu rộng cả về văn hoá, xã hội, cả về kiến thức chuyên môn, trình độ quản lý kinh tế, điều hành xã hội... Đặc biệt chăm lo bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ người dân tộc, tạo điều kiện cho cán bộ dân tộc thiểu số tại địa phương tham gia quản lý xã hội... đáp ứng ngày càng cao nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới về công tác quy hoạch cán bộ của Đảng. Cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng phải không ngừng học tập, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến của quần chúng, không ngừng trau dồi đạo đức, rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì quyền lợi của nhân dân, được quần chúng tín nhiệm, làm nòng cốt trong các tổ chức chính trị-xã hội, tích cực tham gia vận động quần chúng trong các phong trào cách mạng của địa phương.

Người cán bộ, đảng viên của Đảng là những tấm gương về lối sống văn hoá, nếp sống lành mạnh, trong sạch. Các cấp uỷ đảng phải thực sự tin tưởng, không ngừng tạo điều kiện cho lớp cán bộ, đảng viên trẻ được học tập, rèn luyện, thử thách, cọ xát với thực tế. Thông qua hoạt động thực tiễn của các đoàn thể quần chúng, không ngừng phát huy tính xung kích, hăng hái của tuổi trẻ trong mọi nhiệm vụ được giao. Cán bộ, đảng viên trẻ được đắm mình trong thực tiễn và rèn luyện sẽ nhanh chóng trưởng thành. Đó là bài học rút ra từ thực tiễn trong công tác quy hoạch, đào tạo, chăm lo bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”

5. Tăng cường khối đại đoàn kết, nắm vững và vận dụng đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng.

Quá trình định cư, lập nghiệp, xây dựng bảo vệ quê hương, các thế hệ dân cư ở Đơn Dương đã hình thành mối quan hệ cố kết cộng đồng bền chặt, gắn bó trên nhiều phương diện của cuộc sống như văn hoá, xã hội, kinh tế. Được thử thách qua nhiều biến đổi mang tính thời đại và lịch sử, đã trở thành sức mạnh đoàn kết toàn dân. Chính nhờ sức mạnh đó, nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện Đơn Dương đã bảo tồn, giữ gìn những giá trị văn hoá dân tộc, phát huy truyền thống yêu quê hương, đất nước, ý chí tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo từ đó tạo nên sức mạnh tinh thần và nghị lực vượt qua khó khăn thử thách.

Luôn kiên định quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, coi trọng kết hợp mục tiêu chính trị và chăm lo đến lợi ích vật chất và tinh

thần của đồng bào các dân tộc, kết hợp giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị với tổ chức cho quần chúng tham gia cách mạng, qua hoạt động của phong trào mà tăng cường khối đoàn kết dân tộc, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa nhân dân các dân tộc với chế độ mới, với Đảng. Thực tiễn đã khẳng định những kinh nghiệm có tính nguyên tắc trong công tác lãnh đạo ở một huyện miền núi có nhiều dân tộc là phải quan tâm đầy đủ về mọi mặt, giải quyết các nhu cầu về sản xuất và đời sống, động viên sức dân và bồi dưỡng sức dân. Nắm vững và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, từ chủ trương đến phương thức, hình thức vận động phải phù hợp lòng dân. Đồng thời, phải cương quyết đấu tranh với những tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ địa phương, tự ti dân tộc, phấn đấu cho sự bình đẳng và tiến bộ của từng dân tộc. Để thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng bộ và nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải đồng cam cộng khổ với nhân dân, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của nhân dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu, vùng xa.

Những thành tích và kinh nghiệm tích lũy trong 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị... là tài sản vô cùng quý báu đã và đang được Đảng bộ, chính quyền huyện Đơn Dương tiếp tục phát huy, lãnh đạo, chỉ đạo, động viên nhân dân địa phương hăng hái thi đua trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa huyện nhà từng bước trở thành địa phương giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng-an ninh.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
QUA CÁC NHIỆM KỲ (GIAI ĐOẠN 1975-2005)
(Được bầu tại Đại hội, trong mỗi nhiệm kỳ có sự thay đổi, bổ sung)

BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
(SAU GIẢI PHÓNG 30/4/1975)

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1. Lưu Minh Nghiệp | 5. A Ma Lúc |
| 2. Trần Mười | 6. Huỳnh Minh Xuyên |
| 3. Phan Công Chúng | 7. Phạm Báng |
| 4. Cha Ma Lế nghèo | 8. Đào Đức Thuận |

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA I
(1977 - 1978)

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Nguyễn Lâm | Bí thư |
| 2. Võ Phú Nam | Phó Bí thư |
| 3. Trịnh Luyện | Phó Bí thư |
| 4. Võ Văn Danh | Ủy viên Thường vụ |
| 5. Trần Đình Thung | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Lê Văn Nha | Ủy viên Thường vụ |
| 7. Nguyễn Đức Hải | Ủy viên Thường vụ |
| 8. Lê Sơn Hồng | Ủy viên Thường vụ |
| 9. Huỳnh Thạnh | Ủy viên Thường vụ |

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

10. Nguyễn Hồng Chương
11. Lê Ngọc Bích
12. Hứa Thanh Bình
13. Đoàn Xuân Diệu
14. Cha K'Nang
15. A Ma Lúc

16. Vũ Xuân Đán
17. Nguyễn Thị Hiền
18. Phan Hoàng Tăng
19. Vũ Hồng Hà
20. Trương Văn Chù
21. Lê Văn Khánh
22. Trần Thị Loan UV dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯỠNG KHÓA II
(1979 - 1981)**

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Nguyễn Lâm | Bí thư |
| 2. Cha Ma Lé Nghèo | Phó Bí thư |
| 3. Võ Văn Danh | Phó Bí thư |
| 4. Trần Đình Thung | Ủy viên Thường vụ |
| 5. Lê Văn Nha | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Nguyễn Đức Hải | Ủy viên Thường vụ |
| 7. Lê Sơn Hồng | Ủy viên Thường vụ |
| 8. Vũ Hồng Hà | Ủy viên Thường vụ |
| 9. Nguyễn Hồng Chương | Ủy viên Thường vụ |

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

10. Lê Ngọc Bích
11. Hứa Thanh Bình
12. Đoàn Xuân Diệu
13. Trần Thị Loan
14. Hồ Thị Hoài Ngọc
15. A Ma Lúc
16. Vũ Xuân Đán
17. Nguyễn Thị Hiền
18. Phan Hoàng Tăng

- | | |
|----------------------|--------------|
| 19. Nguyễn Văn Trung | |
| 20. Nguyễn Văn Luân | |
| 21. Nguyễn Tiến Dân | |
| 22. Phan Văn Minh | |
| 23. Phạm văn Diệp | |
| 24. Nguyễn Văn Sách | |
| 25. Nguyễn Văn Minh | |
| 26. Hồ Minh Hoàng | |
| 27. Dương Thanh Thủy | |
| 28. Nguyễn Đức Bình | |
| 29. Đặng Phước Thiệp | |
| 30. Hoàng Xuân Diêu | UV dự khuyết |
| 31. Nguyễn Văn Chín | UV dự khuyết |

Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi:

- Đồng chí Hoàng Giang làm Bí thư Huyện ủy thay đ/c Nguyễn Lâm;
- Đồng chí Huỳnh Thanh Phương làm Bí thư Huyện ủy thay đ/c Hoàng Giang.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA III
(1982 - 1985)**

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Lê Sơn Hồng | Bí thư |
| 2. Huỳnh Minh Xuyên | Phó Bí thư |
| 3. Lê Văn Nha | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Đoàn Xuân Diêu | Ủy viên Thường vụ |
| 5. Hứa Thanh Bình | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Phạm Báng | Ủy viên Thường vụ |
| 7. Võ Văn Danh | Ủy viên Thường vụ |
| 8. Trịnh Lương Hy | Ủy viên Thường vụ |
| 9. Thân Đức Châu | Ủy viên Thường vụ |

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

10. Hồ Minh Hoàng
11. Nguyễn Thị Hiền
12. Nguyễn Văn Minh
13. Phan Văn Minh
14. Phan Hoàng Tăng
15. Huỳnh Ngọc Anh
16. Trần Thị Loan
17. Nguyễn Văn Toàn
18. Hà Phước Toàn
19. Nguyễn Đức Bình
20. Cha Ma Lé Nghèo
21. Dương Hiền Đế
22. Lê Ngọc Bích
23. Nguyễn Mạnh Hồng
24. Phan Văn Kết
25. Phạm Thành Long
26. Nguyễn Văn Luân
27. Hoàng Minh Thập
28. Phan Ngọc Diêu UV dự khuyết
29. Nguyễn Hữu Dũng UV dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA IV (1986 - 1988)

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Huỳnh Minh Xuyên | Bí thư |
| 2. Phạm Báng | Phó Bí thư |
| 3. Nguyễn Văn Minh | Phó Bí thư |
| 4. Phan Tuấn Kiệt | Ủy viên Thường vụ |
| 5. Ngô Đình Bốn | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Huỳnh Mân | Ủy viên Thường vụ |

7. Dương Hiền Đế	Ủy viên Thường vụ
8. Phạm Thành Long	Ủy viên Thường vụ
9. Huỳnh Ngọc Anh	Ủy viên Thường vụ
10. Thái On	Ủy viên Thường vụ
11. Ya Trang	Ủy viên Thường vụ

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

12. Phan Đình Kết
13. Huỳnh Duy Tân
14. Trần Thị Loan
15. Lưu Tấn Huệ
16. Phan Văn Minh
17. Hồ Trí
18. Đỗ Tiến Hiếu
19. Hồ Minh Hoàng
20. Nguyễn Mạnh Hồng
21. Nguyễn Đức Ba
22. Lê Đình Hữu
23. Phạm Như Phiên
24. Lê Quang Xuân
25. Nguyễn Đức Bình
26. Nguyễn Đức Ôn
27. Nguyễn Thị Duyên
28. Nguyễn Văn Luân
29. Nguyễn Đình Thập
30. Phan Ngọc Diêu
31. Nguyễn Văn Chín
32. Hoàng Minh Thập
33. Lê Chính
34. Nguyễn Ngọc Hoàn

UV dự khuyết

35. Lê Xuân Hương	UV dự khuyết
36. Nguyễn Thị Thanh	UV dự khuyết
37. Dương Hùng Bảo	UV dự khuyết
38. Hồ Huy Phần	UV dự khuyết
39. Trần Quang Thái	UV dự khuyết
40. Lê Đức Lam	UV dự khuyết
41. Nguyễn Ước	UV dự khuyết

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA V
(1989 - 1991)**

1. Huỳnh Minh Xuyên	Bí thư
2. Phạm Báng	Phó Bí thư
3. Nguyễn Văn Minh	Phó Bí thư
4. Dương Hiền Đế	Ủy viên Thường vụ
5. Phạm Thành Long	Ủy viên Thường vụ
6. Huỳnh Ngọc Anh	Ủy viên Thường vụ
7. Ngô Đình Bốn	Ủy viên Thường vụ
8. Lê Đình Hữu	Ủy viên Thường vụ
9. Phan Tuấn Kiệt	Ủy viên Thường vụ
10. Mai Văn Y	Ủy viên Thường vụ
11. Thái On	Ủy viên Thường vụ

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

12. Dương Hùng Bảo
13. Lưu Tấn Huệ
14. Nguyễn Văn Chín
15. Lê Chính
16. Lê Đức Lam
17. Phan Ngọc Diêu
18. Nguyễn Văn Luân

19. Hồ Minh Hoàng
20. Phan Văn Minh
21. Nguyễn Đức Bình
22. Nguyễn Đức Ôn
23. Hồ Huy Phấn
24. Phạm Như Phiên
25. Huỳnh Duy Tân
26. Nguyễn Đình Thập
27. Trần Quang Thái
28. Hồ Trí
29. Lê Quang Xuân
30. Nguyễn Đức Ba
31. Đỗ Tiến Hiều
32. Đặng Phước Sở
33. Đ'rong Đào
34. Nguyễn Thị Thu Ba UV dự khuyết
35. Vương Thị Thu Ba UV dự khuyết
36. Lê Xuân Hương UV dự khuyết
37. Lê Thị Hường UV dự khuyết
38. Nguyễn Thị Minh Tâm UV dự khuyết
39. Nguyễn Đình Thức UV dự khuyết

Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi: Tháng 2/1990 đồng chí Phạm Báng làm Bí thư Huyện ủy thay cho đồng chí Huỳnh Minh Xuyên.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA VI (1991 - 1995)

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 1. Phạm Báng | Bí thư |
| 2. Ngô Đình Bốn | Phó Bí thư |
| 3. Dương Hiễn Đế | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Phan Tuấn Kiệt | Ủy viên Thường vụ |

5. Phạm Thành Long	Ủy viên Thường vụ
6. Mai Văn Y	Ủy viên Thường vụ
7. Thái On	Ủy viên Thường vụ
8. Hồ Huy Phấn	Ủy viên Thường vụ
9. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Thường vụ

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

10. Trần Thành An	19. Lê Đức Lam
11. Vương Thị Thu Ba	20. Đặng Phước Sở
12. Trương Thị Bông	21. Phạm Kim Sự
13. Lê Chính	22. Nguyễn Đình Thúc
14. Phan Ngọc Điều	23. Nguyễn Đình Thập
15. Đ'rong Đào	24. Jơ Long Thu
16. Đỗ Tiến Hiều	25. Huỳnh Duy Tân
17. Lưu Tấn Huệ	26. Nguyễn Ước
18. Nguyễn Văn Luân	27. Nguyễn Thanh Vũ

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA VII (1996 - 2000)

1. Ngô Đình Bốn	Bí thư
2. Phạm Thành Long	Phó Bí thư
3. Nguyễn Đức Bình	Phó Bí thư
4. Thái On	Ủy viên Thường vụ
5. Hồ Huy Phấn	Ủy viên Thường vụ
6. Phan Ngọc Long	Ủy viên Thường vụ
7. Nguyễn Văn Luân	Ủy viên Thường vụ
8. Phan Tuấn Kiệt	Ủy viên Thường vụ
9. Nguyễn Đình Thập	Ủy viên Thường vụ
10. Hồ Minh Hoàng	Ủy viên Thường vụ
11. Dương Hiến Đế	Ủy viên Thường vụ

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

12. Phan Ngọc Diêu	23. Đ'rong Dao
13. Dương Hùng Bảo	24. Nguyễn Thanh Vũ
14. Đặng Phước Sổ	25. Trần Thành An
15. Lê Đức Lam	26. Trần Thị Phượng
16. Lê Xuân Hương	27. Jơ Long Thu
17. Nguyễn Đình Thúc	28. Nguyễn Văn Việt
18. Lưu Tấn Huệ	29. Nguyễn Phú Ca
19. Nguyễn Cư Em	30. Dương Văn Sự
20. Phan Văn Phần	31. Bùi Trọng
21. Nguyễn Thị Lệ	32. Nguyễn Thuật
22. Trương Thị Bông	33. Phạm Văn Mệnh

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA VIII (2000 - 2005)

1. Ngô Đình Bốn	Bí thư
2. Phạm Thành Long	Phó Bí thư
3. Thái On	Phó Bí thư
4. Lưu Tấn Huệ	Ủy viên Thường vụ
5. Phan Tuấn Kiệt	Ủy viên Thường vụ
6. Lý Văn Kiệt	Ủy viên Thường vụ
7. Nguyễn Văn Luân	Ủy viên Thường vụ
8. Phan Ngọc Long	Ủy viên Thường vụ
9. Hồ Huy Phần	Ủy viên Thường vụ
10. Nguyễn Đình Thập	Ủy viên Thường vụ
11. Nguyễn Thanh Vũ	Ủy viên Thường vụ

CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

12. Đặng Phước Sổ	23. Trương Thị Bông
13. Lê Hữu Túc	24. Phan Văn Phần

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 14. Phan Ngọc Điều | 25. Bùi Thanh Tùng |
| 15. Trương Văn Bình | 26. Trương Ngọc Thành |
| 16. Nguyễn Văn Việt | 27. Nguyễn Thị Lệ |
| 17. Dương Văn Sự | 28. Lê Đức Lam |
| 18. Nguyễn Cư Em | 29. Ya Tuấn |
| 19. Võ Ngọc Trạch | 30. Đinh Ngọc Hùng |
| 20. Trần Thành An | 31. Dương Công Hiệp |
| 21. Trần Thị Phụng | 32. Trương Văn Trường |
| 22. Lê Quang Đạo | 33. Phạm Hiến |

Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi: Đồng chí Đặng Văn An làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Ngô Đình Bốn.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐƠN DƯƠNG KHÓA IX (2005 - 2010)

- | | |
|---------------------|-------------------|
| 1. Thái On | Bí thư |
| 2. Lưu Tấn Huệ | Phó Bí thư |
| 3. Lý Văn Kiệt | Phó Bí thư |
| 4. Hồ Huy Phấn | Phó Bí thư |
| 5. Trần Thành An | Ủy viên Thường vụ |
| 6. Trương Văn Bình | Ủy viên Thường vụ |
| 7. Đinh Ngọc Hùng | Ủy viên Thường vụ |
| 8. Đoàn Văn Minh | Ủy viên Thường vụ |
| 9. Phan Văn Phấn | Ủy viên Thường vụ |
| 10. Nguyễn Thanh Vũ | Ủy viên Thường vụ |
| 11. Phan Tuấn Kiệt | Ủy viên Thường vụ |

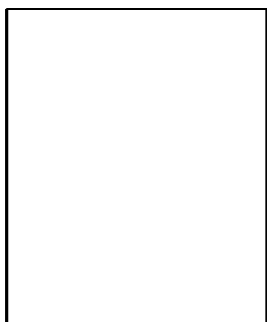
CÁC ĐỒNG CHÍ HUYỆN ỦY VIÊN

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 12. Phạm Viết Ân | 26. Nguyễn Thị Ái Như |
| 13. Lê Thị Bé | 27. Trần Thị Phụng |
| 14. Trương Thị Bông | 28. Nguyễn Danh Sinh |

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 15. Phan Ngọc Điều | 29. Dương Văn Sự |
| 16. Dương Đức Đại | 30. Ka Sung |
| 17. Phạm Phú Đào | 31. Trương Ngọc Thành |
| 18. Trương Thành Được | 32. Nguyễn Thuật |
| 19. Nguyễn Cư Em | 33. Lê Đình Thủy |
| 20. Ya Hiêng | 34. Võ Ngọc Trạch |
| 21. Trần Xuân Hồng | 35. Ya Tuân |
| 22. Lê Xuân Hương | 36. Lê Hữu Túc |
| 23. Lê Đức Lam | 37. Nguyễn Văn Việt |
| 24. Nguyễn Văn Luân | 38. Nguyễn Việt Xuân |
| 25. Nguyễn Nhật Nga | 39. Lê Quang Đạo |

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY

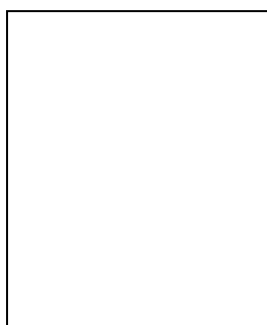
Từ Đại hội khóa Lâm thời đến Đại hội khóa IX



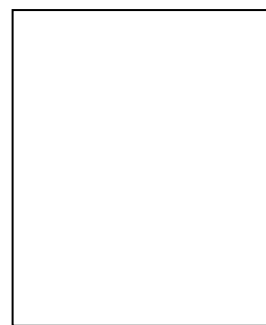
Đồng chí LƯU MINH NGHIỆP
Bí thư Huyện ủy
(30/4/1975)



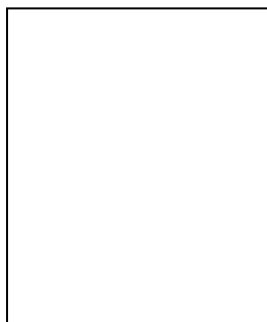
Đồng chí NGUYỄN LÂM
Bí thư Huyện ủy
1977-1980



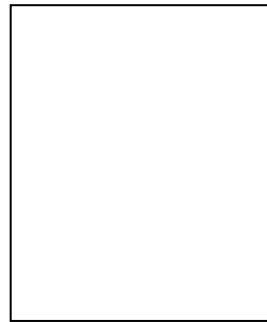
Đồng chí HOÀNG GIANG
Bí thư Huyện ủy
1980-1981



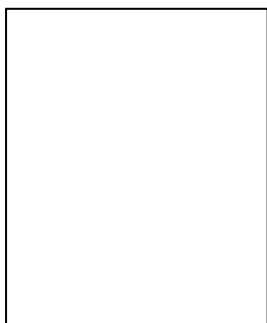
Đồng chí HUỖNH THANH PHƯƠNG
Bí thư Huyện ủy
1981-1983



Đồng chí LÊ SƠN HỒNG
Bí thư Huyện ủy
1983-1986



Đồng chí HUỖNH MINH XUYẾN
Bí thư Huyện ủy
1986-1990



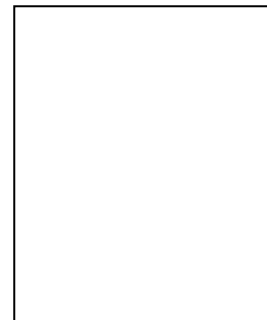
Đồng chí PHẠM BÁNG
Bí thư Huyện ủy
1990-1996



Đồng chí NGÔ ĐÌNH BỐN
Bí thư Huyện ủy
1996-2004



Đồng chí ĐẶNG VĂN AN
Bí thư Huyện ủy
2004-2005



Đồng chí THÁI ON
Bí thư Huyện ủy
2005-2010

DANH SÁCH
Các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng

01	Mẹ: Thới Thị Tới	Thanh Mỹ - Đơn Dương
02	Mẹ: Hồ Thị Đại	Ka Đô - Đơn Dương
03	Mẹ: Trần Thị Cao	Ka Đô - Đơn Dương
04	Mẹ: Võ Thị Khuyển	Ka Đô - Đơn Dương
05	Mẹ: Nguyễn Thị Thanh	Ka Đô - Đơn Dương
06	Mẹ: Võ Thị Nhâm	Ka Đô - Đơn Dương
07	Mẹ: Nguyễn Thị Luốc	Đạ Ròn - Đơn Dương
08	Mẹ: Lê Thị Thẩm	Quảng Lập - Đơn Dương
09	Mẹ: Nguyễn Thị Ky	Đạ Ròn - Đơn Dương
10	Mẹ: Trần Thị Truyền	Quảng Lập - Đơn Dương
11	Mẹ: Phạm Thị Phương	Quảng Lập - Đơn Dương
12	Mẹ: Trần Thị Bầu	Thanh Mỹ - Đơn Dương
13	Mẹ: Bùi Thị Bé	Thanh Mỹ - Đơn Dương
14	Mẹ: Nguyễn Thị Ứng	Dran - Đơn Dương
15	Mẹ: Bùi Thị Liên	Dran - Đơn Dương
16	Mẹ: Nguyễn Thị Hoa	Thanh Mỹ - Đơn Dương
17	Mẹ: Hà Thị Trà	Dran - Đơn Dương

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG

1. Ngành Công an:

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1985

2. Đảng bộ và nhân dân xã Quảng Lập

Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1998.

NHẬN HUY HIỆU ĐẢNG

Đến năm 2005 Đảng bộ Huyện Đơn Dương có 39 đồng chí được trao huy hiệu Đảng. Trong đó:

- Huy hiệu 50 năm: 11 trường hợp
- Huy hiệu 40 năm: 28 trường hợp

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Phần thứ nhất

XÂY DỰNG, Củng cố hệ thống chính trị, khôi phục và tổ chức lại sản xuất, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân (1975-1985)

Chương I

THIẾT LẬP, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, GIỮ GÌN AN NINH TRẬT TỰ, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN SAU CHIẾN TRANH (1975-1978)

- 1. Đặc điểm tình hình Đơn Dương sau ngày giải phóng**
- 2. Nhanh chóng tiếp quản, thiết lập chính quyền mới, đấu tranh với các tổ chức phản động, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.**
- 3. Khôi phục sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh**
- 4. Tăng cường xây dựng, củng cố bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới**

Chương II

TIẾN HÀNH CẢI TẠO, XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1979 -1985)

- 1. Cải tạo và xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa**
- 2. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**
- 3. Công tác xây dựng đảng và xây dựng hệ thống chính trị**

Phần thứ hai

THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986- 2005)

Chương I

THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI (1986- 1991)

- 1. Chuyển biến về nhận thức tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội về chủ trương đổi mới**
- 2. Triển khai thực hiện ba chương trình kinh tế lớn**

Chương II

TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, HÌNH THÀNH NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CÓ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XHCN (1991- 1995)

- 1. Vượt qua khó khăn thử thách, phát triển kinh tế, xã hội, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế**
- 2. Công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới**

Chương III

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ-HIỆN ĐẠI HOÁ (1995- 2005)

- 1. Khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, tạo bước tăng trưởng nhanh về kinh tế**
- 2. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn**
- 3. Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng**
- 4. Chủ trương đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010**

**KẾT LUẬN
PHỤ LỤC
MỤC LỤC**

PHỤ LỤC

- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đơn Dương qua các nhiệm kỳ (từ 1975-2005)	Trang ...
- Danh sách các đồng chí Bí thư Huyện ủy	Trang ...
- Danh sách các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng	Trang ...
- Thành tích khen thưởng	Trang ...
- Nhận Huy hiệu Đảng	Trang ...